

**ĐƯỜNG VỀ XỨ PHẬT**  
**TẬP V**



*Trưởng Lão* THÍCH THÔNG LẠC



**ĐƯỜNG  
VỀ XỨ PHẬT  
TẬP V**

*PL: 2542 - DL: 1998*



## Lời nói đầu

**7**ừ nay về sau trong phân vấn đạo, để trả lời mỗi câu hỏi, chúng tôi sẽ giải đáp, thành một bài pháp, chỉ thẳng những pháp nào của Đạo Phật và những pháp nào không phải của Đạo Phật, bằng cách chứng minh cụ thể, xác thực qua những bài kinh Nguyên Thủy của Đạo Phật, để quý vị tránh khỏi bị tà giáo ngoại đạo lấy pháp của mình mạo danh là giáo pháp của Phật Giáo.

Ngoài đời, trên thương trường có biết bao nhiêu mặt hàng giả mạo bằng những bao bì, nhãn hiệu, nhưng bên trong toàn là đồ “dởm”. Trong tôn giáo cũng thế, chắc chắn phải có pháp môn giả. Tại sao chúng tôi biết như vậy?

Vì trải qua nhiều thời gian năm tháng, trước kia chúng tôi chỉ nghe các bậc tôn túc

*thuật lại sự tu chứng đắc của các Tổ mà không trực tiếp thấy, còn hiện giờ chúng tôi đã thấy biết rất rõ ràng với thời gian hơn thế kỷ nay (100 năm).Thầy Tổ của chúng tôi từ người này đến người khác qua đời (viên tịch), không để lại cho chúng tôi một niềm tin sâu với Phật Pháp. Khi còn sống các Ngài thuyết pháp rất hay, nào là thấy các pháp như mộng, như huyễn; nào là tiếp xúc với sáu trần như hoa đóm giữa hư không; nào là chết biết ngày, biết giờ, biết khắc, biết được tánh linh; nào là làm chủ sự sống chết. Nhưng đến giờ phút cuối cùng chúng tôi chỉ thấy một hình ảnh đau thương nằm trên giường bệnh mệt nhọc khổ sở, đau đớn trên trần trở và còn có lúc lại mê man chẳng còn biết gì cả trước khi viên tịch (chết).*

*Thầy Tổ chúng tôi, họ đều là bậc chơn tu, tinh cần siêng năng, thức khuya, dậy sớm, xâu chuỗi không rời tay, lúc nào cũng thấy ngời thiên, niệm Phật, công phu, bái sám không thời nào không có mặt, trừ khi làm Phật sự hoặc bệnh đau.*

*Từ lúc bé, tám tuổi chúng tôi được vào chùa tu học với các Thầy Tổ, đến ở chùa nào cũng mang dòng phái Thiên Tông, Lâm Tế, Tào Động, Liễu Quán, Thái Thượng v.v.. Nhưng không thấy Thầy Tổ tu Thiên Tông,*

mà lại tu Tịnh Độ Tông.

Sau những năm tháng theo thầy tu học, lòng tin tưởng pháp môn Tịnh Độ, noi theo gương hạnh của Thầy Tổ tu tập, nuôi hy vọng niệ**m** Phật cầu vãng sinh để về cõi Cực Lạc Tây Phương.

Thời gian ấy, bỗng dưng làn gió Thiên Tông thổi đến, kinh sách Thiên rộ nở như hoa mùa xuân: nào là Pháp Bảo Đàn Kinh, Thủ Lăng Nghiêm Kinh, Kim Cang Kinh; nào là Nguồn Thiên, Luận TỐI Thượng Thừa, Sáu Cửa Vào Động Thiếu Thất, Thiên Luận, Thiên Đốn Ngộ v.v..

Càng đọc những kinh sách này, chúng tôi càng say mê và tưởng mình như được của báu. Chúng tôi được theo tu học thiền, lớp học đầu tiên tại tu viện Chơn Không, do Hòa Thượng Thích Thanh Từ đảm trách hướng dẫn, ba tháng an cư tu học ở đó, sau ba tháng tu học, chúng tôi liền rời khỏi tu viện và về Trảng Bàng thuộc tỉnh Tây Ninh, nhập thất tu tập suốt chín năm trời, chuyên cần tu tập pháp môn **“Tri vọng”** (Biết vọng liền buông), và hằng ngày thường sống nhìn các pháp như mộng, như huyễn, thấy lục trần như hoa đốm giữa hư không. Gần chín năm mài miệt tu hành, chúng tôi ngộ tất

cả **“công án thiên tông”**, ngòi thiên thì không còn vọng tưởng, (chẳng niệm thiện niệm ác) trạng thái tâm hồn yên lặng như hoà mình trong vũ trụ, lúc bây giờ chúng tôi tỉnh thức rất rõ. Nhưng xét lại không biết cách nào làm chủ sự sống chết, tâm mình cũng vẫn còn bất an, bất toại nguyện, phiền não, (tham, sân, si), biết rằng gặp những việc bất toại nguyện thì thấy những việc đó như mộng, như huyễn, như hoa đóm giữa hư không. Dù biết vậy, nhưng tâm vẫn còn phiền não chưa thật sạch, phải đợi có thời gian nữa, nhưng phải đợi đến bao lâu?.. Hay đời này hết qua đời khác.....Các Tổ dạy: **“Tuỳ duyên tiêu cực nghiệp”**, có chỗ dạy: **“Hôn nhiên”** câu nói này là một lý thuyết suông, **“tuỳ duyên”** như thế nào để tiêu cực nghiệp? Không có pháp hành cụ thể rõ ràng, lời nói suông để lừa người.

Đối với các pháp Đại Thừa, từ Tịnh Độ Tông cho đến Mật Tông, sự tu tập đối với chúng tôi gần như mất hy vọng. Vì chính ông thân của chúng tôi là một tu sĩ Mật Tông, chú thuật của ông có nhiều thần lực lạ kỳ, nhưng lại để trị bệnh, bói toán như một phù thủy, bùa chú tuy linh hiển nhưng tôi không thấy nó làm chủ sự sống chết, tự tại an vui trong cuộc sống mà chỉ làm



chuyện danh lợi như các nghề khác trong thế gian.

Tôi tư duy, suy nghĩ và rất khắc khoải trong lòng, nghĩ đến mình tu hành đến giờ này, **“Đời chẳng ra đời, Đạo chẳng ra đạo”**. Nếu bây giờ tôi trở ra đời thì quá muộn màng, tuổi đã 44 rồi còn gì nữa, ở trong đạo thì biết pháp nào tu cho đến nơi đến chốn đây: **“Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm, độ hết chúng sanh thì thành Phật”**. Những điều kinh sách Đại Thừa đã dạy, tôi đều chuyên cần siêng năng, tinh tấn tu hành không dám biếng trễ thế mà xét lại tâm mình chưa được làm chủ, cuộc sống còn nhiều bất toại nguyện, tâm vẫn còn ham muốn **“danh lợi, ăn ngủ còn thích, thấy nữ sắc còn muốn nhìn”**, gần suốt chín năm trời, sự tu hành dường như tránh né và trốn chạy các pháp thế gian, không tìm thấy một sự giải thoát chân thật ở nội tâm mình, tôi tư duy và suy nghĩ: **“có phải chẳng các pháp môn Đại Thừa và Thiên Đông Độ là pháp môn ức chế tâm chẳng?”**.

Để được trả lời câu hỏi này một cách cụ thể. Sau này chúng tôi tự tu **“giới, định, tuệ”** pháp môn của Đức Phật, theo kinh sách Nguyên Thủy dạy, chúng tôi thấy kết

quả xả tâm ngay khi bắt đầu tu rất rõ ràng. Nhờ có tu tập, có kết quả trong pháp môn, **“Tam Vô Lậu Học”**. Bây giờ chúng tôi đã thấu biết được rõ và mới dám quả quyết xác định **“kinh sách Đại Thừa và Thiền Đông Độ là pháp môn ức chế tâm thuộc loại thiên tướng”** (tà thiên).

**“Chẳng niệm thiện niệm ác, thấy các pháp như mộng, như huyễn, thấy sáu trần như hoa đốm giữa hư không”**, chúng tôi đã thực hiện những câu này đã nằm lòng, hễ có các pháp đến thì những câu này xuất hiện nhanh chóng, chúng tôi dùng nó đuổi các ác pháp đi hoặc tâm tham muốn của mình (tâm dục), đuổi một lúc nó mới chịu tan biến. Đuổi mãi chúng, chúng mới đi, nhưng chẳng bao giờ diệt chúng được, một bằng chứng hiển nhiên, vì không có đối tượng thì chúng không có mặt, mà hễ có đối tượng thì chúng hiện ra. Thấm thoát thời gian gần chín năm trời mà tâm chúng tôi vẫn chưa an. Tự cảm thấy như mình là kẻ trốn chạy các pháp thế gian, tránh né sáu trần và cuối cùng xét lại các pháp môn tu hành của Đại Thừa và Thiền Đông Độ này không thể giải thoát được thân tâm.

Không biết giờ này các bạn đồng tu của chúng tôi, tu hành ra sao? Riêng tôi

lúc này (năm 1980), tôi rất ngao ngán với số phận làm thầy tu. Một hình ảnh đen tối đến với tôi, tôi tự nghĩ: **“hay mình tìm một nơi đâu, trong rừng hoang vắng rồi tự tử cho xong đời (kiếp đời tu sĩ)”**, nhưng một hình ảnh hiện lên trong tôi, một người mẹ già yếu đuối, tóc bạc phoi, lưng còm, tuổi đời gần chín mươi, sự sống không còn bao lâu nữa, hằng ngày nấu cơm bưng vào thất, giúp tôi sống tu hành. Nhờ hình ảnh ấy, nếu không có mẹ tôi, chắc tôi không thể sống và tiếp tục tu theo con đường giải thoát của Đạo Phật, niềm hy vọng tu hành giải thoát đã trở thành mây khói.

Trong lúc tâm hồn tôi đang chán nản tận cùng, trước mặt là bước đường cùng của kiếp đời tu sĩ.

Bỗng nhiên tôi nhớ đến lời của Hòa Thượng Minh Châu, Ngài đã nói trong bài tựa kinh Trung Bộ tập 2 Pàli-Việt đối chiếu: **“Càng dịch chúng tôi càng thấy rõ ác ý của các nhà Bà La Môn đã dùng danh từ Tiểu Thừa để gán vào những lời dạy thực sự Nguyên Thủy của Đức Phật và khiến cho các Phật tử, không dám đọc, không dám học, không dám tu những pháp môn ấy. Càng dịch càng thấy rõ dụng tâm hiểm độc của các Bà La**

***Môn, đã khôn khéo xuyên tạc đạo Phật, khiến cho những giáo lý căn bản, tinh hoa cao đẹp nhất của tư tưởng nhân loại, đã bị những tư tưởng tà giáo xen lẫn, bị ruồng bỏ, bị che dấu không được biết đến, không được học hỏi tu hành. Nhưng chân lý bao giờ cũng là chân lý. Mặt trời bao giờ cũng là mặt trời.”***

*Nhớ đến đây, những lời này, tôi cố tìm lại bộ kinh Nguyên Thủy Pàli-Việt để trên tủ sách trong thất, do Hòa Thượng Minh Châu dịch lần đầu tiên. Tôi lấy xuống và bắt đầu nghiên cứu lại bộ kinh sách này. Sau khi nghiên cứu, tìm hiểu lời Phật dạy rất kỹ, tôi sống và tu tập đúng theo lời dạy của Đức Phật: “Giới, định, tuệ”.*

*Theo lộ trình “Tam Vô Lậu Học”, sống đúng giới hạnh, lấy giới luật phòng hộ sáu căn, đời sống thiểu dục ít muốn, biết đủ luôn theo pháp “Định Tư Cụ”, ngăn ác, diệt ác, sanh thiện, tăng trưởng thiện. Nhờ đó kết quả tâm hồn thanh thản, an lạc, tâm thường quay vô, không phóng dật, biết rõ những hoạt động trong nội thân, tâm luôn không để ý sáu trần, nên thấy rõ thân tâm có một cuộc sống giải thoát an lạc, vô sự.*

*Càng giữ gìn “giới luật”, càng tu tập*

**“Tứ chánh cần”** thì kết quả thân tâm giải thoát rất rõ ràng và cụ thể. Càng tu lại càng ham thích, tự tâm siêng năng và tinh tấn không cần cố gắng nhiều và bắt buộc mình, tự nó siêng năng tinh tấn.

Nhờ sự nghiên cứu và tu tập các pháp môn này kết quả tâm bất động trước các pháp, nên trí tuệ được triển khai, nhờ thế tôi rất am tường thông hiểu kinh sách Nguyên Thủy và có đầy đủ kinh nghiệm, vì vừa nghiên cứu lý thuyết, vừa thực hành lời dạy của Đức Phật nên từng bài kinh, từng câu, từng chữ trong tạng kinh Pàli tôi hiểu rất vững vàng.

Riêng về kinh sách Đại Thừa và Thiên Đông Độ, tôi đã bỏ công tu tập chín năm trời, nên những trạng thái ức chế tâm, tu tập các pháp hành của thiên Đông Độ và Đại Thừa tôi đều biết rất rõ. Vì vậy khi được hỏi điều gì đến những trạng thái định có liên quan đến Phật Giáo dù ở bộ kinh nào của: Đại Thừa, Thiên Tông và Nguyên Thủy.

Tùy cơ đối đáp để làm sáng tỏ lại Phật Giáo, còn nếu không có ai hỏi thì thôi. Đối với tôi ai tu sao cũng được, có giải thoát hay không giải thoát là quý vị nhờ và chịu

*lấy. Chuyện Phật pháp không phải chuyện riêng của tôi mà là của chung của mọi con người.*

*Tôi trả lời đây, vì duyên của quý vị hỏi, chứ không phải tự tôi đặt ra câu hỏi để trả lời, nhằm có mục đích chống bóng ngoại đạo (Đại Thừa và Thiên Tông). Mặc dù, tôi biết Đại Thừa đã truyền vào đất nước Việt-Nam đầu thế kỷ thứ ba cuối thế kỷ thứ hai và Thiên Tông truyền vào thế kỷ thứ năm, thành một truyền thống dân tộc của đất nước này, muốn xóa nó không phải là một việc dễ làm, nhưng tôi nghĩ đến số phận của những người tu như tôi, nên tôi nói, ai có tin thì tin, không tin thì thôi, tu hành có được thì quý vị nhờ, không được thì quý vị chịu, giải thoát của quý vị đâu có liên quan gì đến tôi.*

*Tôi trả lời vì sự bắt buộc ở câu hỏi của quý vị, nếu không trả lời, tôi phụ lòng quý vị, mà trả lời cho quý vị thì phải nói thẳng, nói đúng, nói cái sai, cái không đúng của Đạo Phật; nói cái sai tu hành sanh ra bệnh tật điên khùng; nói cái sai để quý vị không bị kẻ khác lừa đảo bởi những pháp mê tín, phi đạo đức; nói cái sai để quý vị khỏi bị kẻ khác lường gạt, làm tiền, làm danh, hoặc buôn Phật, bán pháp (kinh doanh tôn giáo).*

Vì cảm thông sự tu hành rất khó khăn và dễ bị lầm đường lạc lối. Do đó tôi nói ra cái sai để quý vị không uổng phí một đời tu hành, ngược lại quý vị cho rằng tôi bài bác các Tổ sư, chống trái kinh sách Đại Thừa. Thưa quý vị tôi chống trái để làm gì? Khi tôi cũng là một nạn nhân của các pháp môn này, tôi nói ra vì quý vị, quý vị có hiểu thấu chăng? Tôi là chiếc xe đã lọt hố muốn cho các xe sau đừng lọt hố nữa nên cảm thông những câu hỏi của quý vị mà tôi trả lời, biết như thế nào tôi nói như thế này, đúng sai quý vị còn suy ngẫm.

Khi tôi trả lời, chỉ mong quý vị suy ngẫm kỹ lời tôi nói và lời kinh Nguyên Thủy dạy, có tương ứng, có phù hợp, có đúng nghĩa hay không? Đúng thì quý vị tin tôi, bằng không đúng thì quý vị đừng tin và cũng đừng cười chê vì tôi cũng chỉ là con người như quý vị.

Tôi cũng là một con người phạm phu như quý vị, nhờ sống đúng giới hạnh và giới đức, tu tập đúng các pháp của Phật đã dạy. Từ đó tôi sống trong đạo đức **“Nhân quả không làm khổ mình, khổ người”**. Hằng ngày tu tập tỉnh thức trong mọi oai nghi tế hạnh, cả niệm hơi thở, tôi đều hướng tâm ly tham, sân, si và ái dục, nhờ thế tôi thấy

được tâm mình giải thoát, đó cũng là mãn nguyện lắm rồi.

Vì đã không làm khổ mình, khổ người, tôi thấy rất rõ là tâm tôi đã **“ly dục, ly ác pháp”**. Ly dục ly ác pháp tức là tôi đã làm chủ được cuộc sống của tôi. Làm chủ cuộc sống, tức là làm chủ được **“sanh”** như trong kinh Phật đã dạy. Sanh là một trong bốn cái khổ của kiếp con người.

Tôi trở về pháp môn Nguyên Thủy, tu tập chỉ trong vòng sáu tháng, làm chủ được tâm, không còn thấy các pháp như mộng, như huyễn, sáu trần như hoa đốm giữa hư không nữa mà lại được giải thoát.

Nhờ tu tập có kinh nghiệm và nghiên cứu toàn bộ kinh Nguyên Thủy, nên lập trường trả lời của chúng tôi đều dựa vào đó dựng lại Phật Giáo, trong lúc giáo pháp của Phật đã bị chìm mất, ít có người được biết đến. Vì vậy chúng tôi trả lời quý vị không ngoài lời Phật dạy. Tin hay không tin, đó là quyền của quý vị, tôi thì nói thẳng, nói thật mà thôi, chứ không có tâm phỉ báng giáo pháp ai hết.

Xin thưa cùng quý vị, chúng tôi biết rằng, **“lời thật mất lòng”**, nhưng vì bị hỏi chúng tôi phải nói toạc sự thật thẳng thừng



*để cho mọi người không bị tà giáo ngoại đạo của kinh sách phát triển Đại Thừa và Thiên Đông Độ lừa đảo và những người đang tu hành không lầm lạc pháp môn của ngoại đạo này đã tu dở chết dở sống (Đời chẳng ra đời, Đạo chẳng ra đạo) giống như tôi tu hành lúc năm 1980. Tôi cảm thông với những người tu sĩ ấy, có nhiệt tâm có quyết tâm tìm đường giải thoát trong Đạo Phật như tôi lúc trước.*

*Chúng tôi chỉ ước mong những câu trả lời của chúng tôi sẽ làm sáng tỏ những gì của đạo Phật đang bị che mờ bởi giáo pháp của Bà La Môn. Với thâm ý của chúng tôi không muốn chống trái ai hết, ai có duyên tu pháp môn nào cũng được, nhưng có tu giải thoát được thì dạy người, bằng tu chưa có kết quả thì đừng dùng lý thuyết suông lừa đảo gạt người, gây mê tín, dị đoan khiến cho mọi người khổ sở, phí hết kiếp người và cũng đừng vì quyền lợi, ích kỷ, nhỏ mọn mà gán các pháp môn của ngoại đạo đó cho là của Phật Giáo, thì tôi rất đau lòng.*

*Phật Giáo không có các pháp môn thiên tượng, không có pháp mê tín, trầu tượng, mơ hồ. Vì thế buộc lòng chúng tôi phải nói thẳng để cho người đời sau đừng lầm lạc một cách đáng thương.*

*Chúng tôi tu hành theo Phật Giáo mà đã bị lừa gạt và lầm lạc pháp môn của ngoại đạo, (Đại Thừa, Thiên Tông, Mật Tông, Tịnh Độ Tông) nhiều khi chúng tôi muốn chết hơn là sống. Vì sống làm gì “**đời chẳng ra đời, đạo chẳng ra đạo**”, sống bằng ba tác lười, gạt người, bỏ cha, bỏ mẹ, bỏ gia đình, vợ con, bỏ cả thân bằng quyến thuộc, bỏ của cải, tài sản, sự nghiệp, nhà cửa, để đi tu, mong tìm đường giải thoát thân tâm mình, chứ đâu phải để thành tên lừa đảo có sách vở.*

*Vì cảm thông nỗi khổ đau của những người đồng “**bịnh**”, nên tôi nói thẳng, chẳng hề sợ hãi trước thế lực quyền uy của kẻ khác, dù tôi có ra sao và như thế nào, tôi cũng vui mừng, vì đã nói một sự thật, có lợi ích cho muôn người, không phải vì cá nhân của tôi.*

*Tôi trả lời thẳng vì tín đồ Phật Giáo khắp năm châu bốn biển đang hướng về Phật Giáo chân chánh.*

*Tôi trả lời thẳng vì đạo đức của Phật Giáo đã bị đánh mất, bởi giáo pháp của ngoại đạo (Đại thừa), thay thế vào một đạo đức mê tín, làm cho nhân loại mất đi một nền đạo đức sống thực, một nguồn hạnh*

*phúc, an vui của mọi người.*

*Tôi trả lời thẳng, chỉ vì con người trên hành tinh này đang cần một nền đạo đức **“nhân bản không làm khổ mình khổ người”**.*

*Trên cuộc đời này duy chỉ có Đạo Phật mới có một nền đạo đức công lý và công bằng đúng đắn như vậy mà thôi.*

*Tôi nói thẳng vì lợi ích chung cho con người trên hành tinh này, dù ai có nghĩ sao về tôi, cho tôi là điên khùng, dốt nát, không thông suốt kinh sách Phật Giáo, không hiểu giới luật Phật là gì, nói bậy bạ không trúng vào đâu, tôi vui lòng chấp nhận cả. Nhưng xin mọi người hãy theo đúng giáo pháp Nguyên Thủy của Đức Phật mà tu tập và sửa những gì sai trái để xây dựng cho mình một tâm hồn thấm nhuần đạo đức nhân quả của Đạo Phật (không làm khổ mình, khổ người) thì tôi đã mãn nguyện lắm rồi.*

*Trải qua thời gian tu tập tôi biết rất rõ con đường nào tu tập đi đến kết quả làm chủ sanh, già, bệnh, chết của Phật Giáo. Con đường ấy không phải để cho những người tu hành phạm giới, bẻ vụn giới, phá giới như các vị tỳ kheo của Phật Giáo Đại Thừa, Thiên Đông Độ và Phật Giáo Nam*

*Tông bây giờ. Phạm giới, phá giới, bẻ vụn giới, sống không đúng giới đức, giới hạnh, đời sống không thiếu dục tri túc, không lấy giới bốn phòng hộ sáu căn, ăn uống ngủ nghỉ phi thời, không sống độc cư thì dù họ có tu trăm ngàn kiếp vẫn không đến đâu, chỉ uống cho một đời tu mà thôi.*

*Trả lời những câu hỏi của quý vị, nói thẳng sẽ đụng chạm rất nhiều, mong quý vị vui lòng tha thứ cho và quý vị hãy suy ngẫm những lời chúng tôi nói, nếu sai xin quý vị bỏ qua cho, còn đúng xin cầu chúc quý vị may mắn gặp thiện hữu tri thức có kinh nghiệm hướng dẫn tu tập đến nơi đến chốn.*

*Tu hành giải thoát làm chủ thân tâm không phải việc dễ làm, nếu tu tập một mình, giống như người đi biển không có la bàn, vào rừng không có người hướng đạo.*

*Nếu chúng tôi có trả lời điều chi sai sót xin những bậc cao minh, chân tu, thực đức chỉ giáo, chúng tôi thành kính tri ân.*

Kính ghi

Tu Viện Chơn Như

Ngày 11- 12- 1998



## Chương I

# DIỆU-QUANG HỎI-ĐẠO

(Ngày 4-10-1998)



## "BỒ TÁT BỊNH VÌ CHÚNG SANH BỊNH"

*Hỏi: Kính bạch Thầy, như trong kinh Duy Ma Cật dạy: “Bồ tát bịnh vì chúng sanh bịnh” câu kinh này dạy có đúng theo giáo lý của Đạo Phật hay không? Kính xin Thầy chỉ dạy cho chúng con được rõ.*

*Đáp: Kinh Duy Ma Cật là kinh phát triển của Đại Thừa. Kinh giáo Đại Thừa là kinh sách chịu ảnh hưởng của nhiều tôn giáo khác nhau và những phong tục tập quán của con người trên hành tinh này mà thành lập ra giáo lý của mình, nó không có gì đặc biệt riêng của nó, chỉ khéo dùng những danh từ thật kêu và cũng giống như vẽ rắn thêm chân, thêm râu, khiến cho mọi người dễ bị*

lường gạt tướng là rỗng thật. Giáo lý Đại Thừa và Thiên Đông Độ cũng lường gạt tin đồ như vậy, tướng là một chân lý siêu việt của Đạo Phật, nào ngờ là một giáo lý chấp vá, như chiếc áo may nhiều loại vải thô xấu.

Câu: **“Bồ tát bịnh vì chúng sanh bịnh”** cũng giống như câu: **“Chúa chịu đóng đinh trên thánh giá là vì Chúa chịu khổ thay cho con người”**.

Trên bước đường hoằng hóa độ sanh của Phật Giáo, các vị lãnh đạo Phật Giáo, lúc bấy giờ nguồn gốc là những giáo sĩ Bà La Môn và lục sư ngoại đạo. Vì thế kinh sách phát triển của Đại Thừa, do các vị này biên soạn và viết ra, nên các ngài cố tình đem giáo lý của Đức Phật xuống và lồng giáo lý của mình vào, để phát triển một Phật Giáo mới mang tên là **“Phật Giáo Đại thừa”**

Trước khi nhập diệt, Đức Phật đã nhìn thấy đám môn đồ của mình chưa có ai là người đủ khả năng lãnh đạo giáo hội và duy trì giáo pháp của mình.

Nhà ngài biết rất rõ, những kẻ có khả năng, có trí tuệ, có học thức điều xuất thân từ trong các gia đình của Bà La Môn và Lục

sư ngoại đạo, họ còn mang đầy ắp những kiến chấp trong tôn giáo của họ. Do những kiến chấp này họ không thực hiện theo giáo pháp của Đức Phật. Và cũng vì thế họ tu hành không giải thoát, không chứng đạt. Còn những đệ tử của Đức Phật đã tu chứng thì họ đã nhập diệt trước Phật còn lại một số ít, khi Đức Phật nhập diệt xong và giáo đoàn bị phân hóa chia làm nhiều bộ phái, do những người có trình độ kiến thức tranh danh, đạt lợi với nhau. Vì thế Đức Phật biết rất rõ trong số những đệ tử này, nên không trao quyền thừa kế lãnh đạo Giáo Hội Phật Giáo cho ai cả, chỉ nhắc nhở các đệ tử của mình nên lấy giới luật và giáo pháp làm thầy, không nên nương tựa vào ai cả. Ngài đã từng dạy: con người có ba tướng:

1/ Nhân tướng.

2/ Hành tướng.

3- Đặc tướng.

Do ba đặc tướng ấy nên con người không ai giống ai được. Vì thế Đức Phật không trao quyền thừa kế cho người đệ tử nào hết, nếu được trao quyền, họ sẽ dạy đạo theo đặc tướng riêng của họ, thì Phật pháp

sẽ bị lệch đi, không còn đúng chánh pháp, dù đó là những người đệ tử đã tu chứng, còn những hạng đệ tử tu không chứng, thì lại còn không được trao quyền thừa kế hơn nữa. Vậy mà sau này, các vị giáo sĩ Bà La Môn còn bịa chuyện **“Niêm hoa trên núi Linh Thứu rằng Đức Phật đã trao quyền cho Ngài Ca Diếp thừa kế làm tổ thứ nhất”**. Đó là một câu chuyện bịa đặt thế mà mọi người vẫn tin và còn tiếp tục xây dựng thành 33 vị Tổ Sư Thiên Đông Độ.

Tuy rằng không được trao quyền thừa kế, nhưng họ đã khéo léo biến Phật Giáo thành thần giáo. Giáo lý của Phật biến thành một giáo lý chấp ngã, thần quyền, mê tín, mơ hồ, trù tượng, lạc hậu, phi đạo đức đi ngược lại giáo lý chân chánh của Đạo Phật.

Những vị giáo sĩ Bà La Môn và giáo sĩ của Lục Sư Ngoại Đạo đã theo Ngài tu hành đạt được đạo giải thoát thì lần lượt họ đã thị tịch trước hoặc sau Ngài không bao lâu, còn lại những người tu chưa chứng đắc, tâm danh lợi còn đầy dẫy. Những vị tỳ kheo này là những tỳ kheo phá giới, phạm giới, sống không đúng phạm hạnh, tu không đúng lời



dạy của Ngài, họ là những người ngoại đạo, với những thâm ý sâu độc, mang lớp tu sĩ Phật Giáo, ẩn núp chờ khi Đức Phật thị tịch là sẽ biến giáo pháp của Phật thành giáo pháp Bà la Môn và Ấn độ giáo.

Quý vị, nên đọc lại kinh Phạm Võng **“Bồ tát giới”** cấm không cho tu sĩ và cư sĩ học và tu theo pháp môn Nguyên Thủy, Bồ tát giới cho giáo pháp Nguyên Thủy của Phật là ngoại đạo, là Thịnh Văn Thừa, là Nhị Thừa, là Phàm Phu Thiên v.v..

Đọc **“Bồ tát giới”** chúng ta mới thấy rõ thâm ý ác độc của ngoại đạo quyết tâm diệt Phật Giáo, có thủ đoạn và sách lược rõ ràng với ý đồ lật đổ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thay vào bằng Đức Phật Di Lặc, để dễ sử dụng toàn bộ giáo pháp Đại Thừa mà không còn ai nghi ngờ. Và sẽ cấm không cho tín đồ tu và học theo giáo pháp của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, kinh sách và giáo lý của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni sẽ bị đốt sạch.

Đúng vậy, sau khi Đức Phật tịch, trong giáo hội chia làm hai bộ phái:

1/ Thượng Tọa Bộ.

## 2/ Đại Chúng Bộ.

Thượng Tọa Bộ là những tu sĩ già thủ cựu, cố giữ nguyên giáo lý căn bản Nguyên Thủy của Đức Phật không cho ai thêm bớt một chữ nào cả. Dem kinh sách này hoằng hóa và phát triển đi về phương Nam nên người thời bấy giờ gọi là Phật Giáo Nam Tông.

Trên đường hoằng hóa độ sanh, Thượng Tọa bộ tuy cố giữ gốc Nguyên Thủy, nhưng vì các vị tu hành chưa chứng đắc nên có sự kiến giải trong giáo lý ấy bằng trí tuệ học giả hoặc bằng những kinh nghiệm chưa đến nơi đến chốn như: Thiên sư Mahàsi, Thiên sư A-Chaan-chah. Hai Ngài có những bài kinh soạn theo kiến giải kinh nghiệm tu hành của mình như: Mặt Hồ Tĩnh Lặng, Thiên Minh Sát Tuệ v.v.. Làm sai ý nghĩa và giáo pháp của Đức Phật rất lớn.

Vì tu hành chưa tới nơi tới chốn, nên các Ngài biên soạn những loại kinh sách này trong hiện tại và mai sau sẽ để lại cho loài người những tai hại rất lớn, làm hao tài tổn của và phí cả cuộc đời của họ chẳng ích lợi gì, khi họ theo tu những pháp môn này.

Trong thế kỷ này tín đồ Phật Giáo khắp năm châu bốn biển đua nhau tu tập thiền Minh Sát Tuệ. Tu tập thiền này phải tập trung theo cơ bụng (Phồng, xẹp) nhằm diệt **“vọng tưởng”**, loại thiền ấy thuộc về thiền ức chế tâm nó không phải là thiền của Đạo Phật, thiền của Phật Giáo là loại thiền xả tâm **“ly dục ly ác pháp”**. Mục đích tu hành của Đạo Phật là phải khắc phục cho bằng được tâm tham, ưu tức là diệt ngã xả tâm ly dục ly ác pháp, để đạt được tâm thanh tịnh bất động. Theo kinh nghiệm tu hành của những người đã trải qua thì tâm thanh tịnh bất động ấy là tâm không còn tham, sân, si. Khi tâm không còn tham, sân, si thì tâm có một năng lực (đạo lực) siêu việt điều khiển làm chủ sanh, già, bệnh, chết.

Năng lực điều khiển làm chủ sự sống chết của kiếp người mà Đức Phật gọi là **“Bốn Như Ý Muốn”** chứ không phải **“Minh Sát”** theo kiểu thiền sư Mahàsi dạy.

Cũng trong thế kỷ này, thiền sư A Chaan-Chah người Thái Lan đã kiến giải qua kinh nghiệm tu hành của mình sản xuất ra một loại thiền **“Tĩnh lặng”**.

Qua hồi ký tu hành của Ngài, do ức chế tâm hết vọng tưởng, Ngài đã rơi vào thiền tưởng, thay vì ngài tu đúng pháp “**ly dục ly ác pháp**” thì tâm Ngài thanh tịnh, khi tâm Ngài thanh tịnh thì Ngài nhập được Nhị Thiên, Tam Thiên đến Tứ Thiên và thực hiện Tam Minh, làm chủ sanh, già, bệnh, chết một cách dễ dàng, không có khó khăn mệt nhọc. Nhưng vì ức chế tâm để được tâm tĩnh lặng nên thanh tưởng phát ra tiếng nổ trong đầu Ngài. Ngài cảm thấy như cả vũ trụ đều tan biến (giống như thiền sư Đông Độ lúc ngộ đạo), rồi từ đó tưởng giải phát ra. Ngài đối đáp vấn đạo giống như thiền sư Đông Độ không khác.

Cho nên kinh sách Nguyên Thủy hiện giờ bên phái Nam Tông chưa hẳn đã là nguyên thủy. Vì các nhà học giả mượn lời Phật dạy rồi thêm bớt rất nhiều theo tưởng giải của mình, khiến cho người đời sau sơ tâm và nghiên cứu những lời Phật dạy, không biết đâu là đúng, đâu là sai. Thật khó cho những ai ở đời sau, muốn tu theo Đạo Phật, nhưng vì không rõ nên lại rơi vào pháp ngoại đạo, rồi chấp nhận giáo pháp của ngoại đạo là giáo pháp của Phật, thật đau lòng.

Ở đây, nói về kinh sách Nam Tông tức là kinh sách Nguyên Thủy mà các sư còn dám thêm bớt và còn nghĩ tưởng theo kiến giải của mình biên soạn và viết ra, thì làm sao đúng ý của Phật được, bằng chứng chúng ta thấy rất rõ thiền sư Mahàsi đã dám là thì các vị trước kia làm sao không dám thêm bớt. Thế mà kinh sách này lại được phổ biến rộng rãi khắp các nước trên thế giới.

Kinh sách Bắc Tông với sự phát triển theo kiến giải phóng túng của các nhà học giả thì thử hỏi sự sai biệt với lời Phật dạy còn gấp trăm ngàn lần.

Vả lại, kinh sách Đại Thừa bị thế tục mê tín lạc hậu hóa rất nhiều. Ví dụ: một sự mê tín trong dân gian, ngày hai ba tháng chạp, tất cả mọi gia đình đều làm lễ cúng đưa “**Ông táo**” châu trời thì trong chùa cũng làm lễ cúng bái đưa “**Chư thiên**”.

Từ khi Tăng Đoàn Phật Giáo được chia làm hai nhóm:

- 1- Thượng Tọa Bộ.
- 2- Đại Chúng Bộ.

Sự phân chia này, thì Đại Chúng Bộ không còn bị sự kềm chế của Thượng Tọa Bộ, nên kinh sách tự do phát triển theo kiến giải học giả, không cần có kinh nghiệm tu hành, phần nhiều chịu ảnh hưởng của các tôn giáo khác và phong tục tập quán của dân gian.

Lợi dụng Phật Giáo không có người tu chứng điều khiển, nên mặc sức phát triển theo tâm danh lợi của họ. Do đó kinh sách phát triển Đại thừa ra đời với một khối lượng vĩ đại. Những người có khả năng viết lách, ai muốn viết muốn luận như thế nào, cứ mặc tình viết và lý luận miễn luận sao có lý, nghe xuôi tai là được, đời sau tu được hay không được mặc kệ. Chỉ bây giờ ngồi bút viết cho thỏa thích phóng túng mà thôi.

Muốn truyền bá loại kinh sách này, (Đại Thừa Giáo) không thể đi về phương Nam được, vì nơi đó đã có kinh sách Nguyên Thủy do Thượng Tọa Bộ truyền bá, nên tín đồ ở đó xem kinh sách này (kinh sách Đại thừa) là kinh sách Bà La Môn giáo, chẳng ai thèm theo và đọc.

Vì thế kinh sách này truyền về phương Bắc, những người dân ở phương Bắc chưa

hiểu gì về Phật Giáo, nên kinh sách Đại Thừa truyền đến đâu đều được họ chấp nhận ngay, là vì các nhà Đại thừa biết dựa theo phong tục mê tín lạc hậu của họ (người dân địa phương), triển khai thành kinh sách và sử dụng thần thông, kỳ lạ v.v.. Do thế kinh sách này phát triển về phương Bắc dễ dàng, nên gọi là Phật Giáo Bắc Tông.

Trên đường hoằng hóa độ sanh về phương Bắc gặp tôn giáo nào thì nó thu thập tinh ba của tôn giáo ấy rồi biến thành giáo lý của mình, như đến Trung Hoa lấy tinh ba của Lão Giáo biến thành giáo lý Tối Thượng Thừa của mình, mà các nhà khoa học, tâm lý học gọi **“Thiền Tông”** là Phật Giáo bị thế tục hóa.

Đến Việt Nam thì không có tôn giáo nào đặc biệt, không có tinh ba triết lý nào vĩ đại nên nó (Đại Thừa) đã dung hợp ba tôn giáo lớn: Phật, (Đại Thừa) Lão (Tiên Đạo), Khổng (Nho Đạo) lại thành một Phật Giáo Việt Nam.

**“Vạn Hạnh dung tam tế”.**

Sinh hoạt của **“Phật Giáo Mới”** này tiếp tục triển khai kinh sách Đại Thừa,

bằng cách dựa theo phong tục tập quán dân gian biến dần thành kinh sách của mình, để đáp ứng nhu cầu mê tín dân gian, cho nên trong chùa thờ đủ loại; Thần, Thánh, Tiên, Phật, Ma, quỷ, cô, cậu, các bà chúa, Quan Thánh Đế Quân, Thập Điện Minh Vương, Ngọc Hoàng Thượng Đế, Long Thần Hộ Pháp, Bát Bộ Kim Cang, cô hồn, các đảng, thập loại âm binh, Nam Tào, Bắc Đẩu, hài cốt loài hổ và vong linh của những người chết v.v.....

Kinh sách phát triển Đại Thừa dạy đầy ắp những điều mê tín, nào là cúng vong, tiền linh, thí thực cô hồn các đảng, nào là cúng sao, giải hạn, cúng ếm Thần Trù, quỷ dữ, nào là cầu siêu, cầu an, xin xăm, bói quẻ, xem ngày tốt xấu, trừ linh, trừ thần v.v... Mỗi chiều ở các chùa cổ xưa đều cúng thí thực cô hồn, các đảng, quỷ chùa bằng gạo muối v.v.. Phung phí của đàn na thí chủ vô ích.

Hình thức cúng bái tạo ra có vẻ thật sự có thể giới siêu hình đang sống chung đụng với thế giới hữu hình của con người, mà mỗi tai ương, hoạn nạn, tật bệnh của loài người đều do con người của thế giới siêu hình tạo



ra.

Kinh sách phát triển của Đại Thừa đã lừa đảo con người bằng một thế giới siêu hình mang nhiều hình thức mê tín, lại còn gạt người khác bằng cách hy sinh to lớn với lòng đại từ, đại bi “Bồ Tát bịnh vì chúng sanh bịnh”.

Có bao giờ Bồ Tát **“bịnh”** để chia xẻ nỗi khổ đau của chúng sanh được chăng?

Đạo Phật đã dạy cho chúng ta biết rất rõ ràng: Nhân nào quả nấy, ai đã tạo nhân ác thì phải gặt lấy quả khổ, không ai chịu thay quả khổ đó cho ai được, đó là một đạo luật nhân quả công bằng và công lý của nhân loại. Vậy mà có Bồ Tát chịu khổ, chịu bịnh thay cho chúng sanh, hành động của Bồ Tát làm như vậy có phi đạo đức chăng? Con người sanh ra trên thế gian này, Đức Phật đã xác định, từ nhân quả sanh ra, sống trong nhân quả, chết về nhân quả. Xác định như vậy thì không có đấng tạo hóa nào sanh ra con người. Vì thế, không có kẻ nào ban phước giáng họa cho con người, mà cũng không có kẻ nào thay thế sự khổ đau của con người được.

Cho nên câu: **“Bồ Tát bịnh vì chúng sanh bịnh”** là câu lừa đảo gạt người của kinh sách Đại Thừa, để chứng tỏ Bồ Tát là kẻ vĩ đại, Bồ Tát có lòng từ bi rộng lớn thương xót đối với tất cả chúng sanh, nhưng không ngờ lời nói dối trá, thành phi đạo đức. Đối với Đạo Phật câu nói này là câu nói gian xảo, lừa bịp người đệ nhất.

Vì thế, ai đã tạo nhân ác thì phải gánh chịu quả khổ không một ai chịu thay cho ai được, đó là luật nhân quả công bằng tuyệt đối.

Khi còn tại thế Đức Phật đã từ chối: **“Các con tự thấp đức lên mà đi, ta chỉ là một người hướng đạo chỉ đường mà thôi”**. Lời dạy này Đức Phật đã khẳng định sự từ chối không cứu độ ai hết mà mọi người phải tự cứu mình. Cho nên những lời dạy của Ngài luôn luôn nhắc nhở chúng ta phải tự hành thiện, chỉ có hành thiện mới đem lại sự an vui cho mình, cho người và cho tất cả muôn loài sanh linh.

Vậy mà Đại Thừa có một Duy Ma Cật dám bịnh thay cho chúng sanh, dám chia xẻ nỗi khổ đau của chúng sanh, thật là gan dạ dám phá bỏ luật nhân quả. Nếu có một Duy

Ma Cật làm được như vậy thì đạo đức trong thế gian này còn gì?

Chúng sanh do không hiểu (vô minh) mà làm điều ác, tạo tội lỗi rồi phải chịu nhiều thống khổ do hành động đó. Đạo Phật ra đời chỉ có mục đích cứu giúp con người thoát khổ bằng cách chỉ dạy cho họ thấu hiểu những điều họ làm là ác, là bất thiện và sẽ đem đến quả khổ đau cho họ, chứ không ai làm cho họ khổ mà chính họ. Để chứng minh lộ trình nhân quả cụ thể cho họ thấy và hiểu rõ hơn thì từ đó họ không còn hành động làm ác, làm khổ mình khổ người nữa, thì chừng đó họ sẽ không còn chịu sự khổ đau nữa, tâm hồn họ sẽ được thanh thản, an lạc và luôn sống tùy thuận hòa hợp với mọi người.

Đạo Phật cứu người là giúp con người vén sạch màn “**vô minh**”, để từ đó họ sáng suốt hiểu rõ không còn lầm lạc trong hành động ác, để không tự tạo khổ cho mình cho người nữa. Sự hiểu biết tránh làm điều ác và luôn thực hiện làm điều thiện, nên Đạo Phật gọi sự hiểu biết đó là trí tuệ hay gọi là tri kiến giải thoát. Nhờ có tri kiến giải thoát, nên Đạo Phật gọi là đạo giải thoát,

tri kiến giải thoát đó không phải của ai khác mà phải chính của mình mới giải thoát cho mình được.

Cho nên câu nói: **“Bồ Tát bệnh vì chính sanh bệnh”** là câu nói nghe rất hay nhưng ý nghĩa rất dở, vì phi đạo đức, thiếu công bằng và công lý.

Đối với luật nhân quả, không ai có thể đau bệnh hoặc chịu tai nạn thế cho ai được và cũng không thể chia xẻ nỗi đau khổ với chúng sanh được.

Câu nói: **“Bồ tát bệnh vì chúng sanh bệnh”** là câu nói láo, lừa đảo thật sự. Nếu quả có một Bồ Tát bệnh thay cho chúng sanh hoặc chia xẻ nỗi đau khổ này, thì chúng sanh phải hết khổ và ít nhất cũng phải giảm thiểu được sự đau khổ, nhưng con người trên hành tinh này có hết đau khổ đâu, vậy thì Bồ Tát nói có đúng không? Nhưng luật nhân quả đã không chấp nhận điều này, nếu chấp nhận điều này thì thế gian này còn lấy đâu gọi là đạo đức công bằng và công lý.

Một kẻ làm ác mà có người chịu thay tội khổ, thì nhà giàu có, người làm quan, kẻ

làm vua chắc không bao giờ có khổ đau bệnh tật và tai nạn v.v..

Nhưng thật sự nhìn cuộc sống con người trên thế gian này từ vua chúa, quan, dân, người giàu có và đến những kẻ nghèo cùng, khốn khổ, mỗi giới, mỗi giai cấp đều có sự khổ đau, bệnh tật như nhau mà không có ai thoát khỏi, nhất là bốn sự khổ: sanh, già, bệnh, chết và cũng chẳng ai thay thế cho ai được bốn sự khổ này chút nào.

Câu nói phi đạo đức nhân quả của Bồ Tát Duy Ma Cật đã làm cho kinh sách phát triển Đại Thừa mất giá trị, nhất là đạo đức của con người.

Nếu bảo rằng kinh sách Đại Thừa là chỉ để dùng cho bậc Thánh, Hiền, Bồ Tát chư Phật, tâm không còn sống trong các pháp đối đãi (bất nhị), nên lời nói của Bồ Tát Duy Ma Cật vượt thoát các pháp đối đãi. Nếu luận như vậy thì còn sai hơn nữa. Thánh, Hiền, Bồ Tát và chư Phật không còn biết đạo đức làm người nữa hay sao? Tức là không có pháp thiện và cũng không có pháp ác nữa (bất nhị).

Hàn Sơn, Thập Đắc, Tế Công Hòa

Thượng, Phật Sống Cự Kim Sơn v.v.. Ăn uống dơ bẩn lại còn ăn thịt uống rượu, phạm giới tận cùng, đó là các Ngài sống tự tại vô ngại trong pháp môn bất nhị của Đại Thừa, vì thế các Ngài không còn là con người mà là loài ác quỷ từ pháp môn bất nhị đã sanh ra và hiện giờ trong pháp môn bất nhị ấy còn sanh biết bao nhiêu là loài ác quỷ nữa, nếu chúng ta không chặn đứng được pháp môn bất nhị thì một nguy cơ khiến cho con người không tiến bộ mà còn sống lạc hậu thụt lùi dã man hung ác.

Nếu bảo rằng: **“Chấp giới”** thì phạm hạnh, tức là đạo đức của người tu sĩ Phật Giáo ở chỗ nào? Không lẽ Đạo Phật không có đạo đức sao? Hay toàn là những thầy tu phạm giới phá giới v.v...

Hai trăm năm chục giới tỳ kheo tăng và ba trăm bốn mươi tám giới tỳ kheo ni, không phải là đạo đức của Phật Giáo sao?

Người tu sĩ nào phạm giới, phá giới là người tu sĩ không có đạo đức và thiếu giáo dục đạo đức.

Đừng dùng những danh từ: **“chấp giới và tự tại vô ngại hoặc thông tay vào**

**chợ”** để bung bít hay bịt miệng thiên hạ, để được sống chạy theo đục lặc thế gian mà người ta vẫn tưởng đó là Phật sống. Nên các vị giáo sĩ Bà La Môn dựng lên những nhân vật phá giới, phạm giới: Tế Diên Tăng, Phật Sống Cự Kim Sơn, Hàn Sơn, Thập Đắc, để giúp cho quý thầy Đại Thừa và các Thiền Sư Đông Độ tự do phá giới, sống phạm giới mà tín đồ không dám phê phán, đó là một tấm bình phong che đậy cho những người tu danh, tu lợi.

Kinh sách Đại Thừa đã lắm, hay nói cách khác là không hiểu đạo đức của Đạo Phật là gì? Nên thường nói giọng cao kỳ: **“Đại Thừa, Tối Thượng Thừa”**, tự xưng mình giải thoát trên hết.

Dù Thánh Hiền, chư Phật, chư Bồ Tát, tất cả phàm phu và chúng sanh đều từ nhân quả sanh ra. Mà đã từ nhân quả sanh ra thì không sống trong hành động thiện, ác sao?

Hành động thiện không phải là đạo đức sao? Và hành động ác không phải là phi đạo đức ư?

Toàn bộ **“giới luật”** của Phật đều dạy chúng ta phải sống và hành động đạo đức

làm người, làm Thánh nhân, làm Phật. Có sao những người thiếu hành động đạo đức mà chúng ta lại xem họ như Phật. Họ chỉ có một vài thần thông tướng lòe bịp thiên hạ, chứ đức hạnh chẳng ra gì.

Sao mọi người vô minh điên đảo, hễ thấy ai có chút ít thần thông đều cho họ là Phật, Thánh, Tiên cung kính và lễ bái, cúng dường trong khi những hành động đạo đức của họ chẳng ra gì, còn tệ hơn người phàm phu là khác nữa.

Phật và Thánh đều là những con người phàm phu tu tập trau dồi thân tâm xa lìa ác pháp không còn xảo quyết, gian ngoa, lừa đảo, luôn luôn sống trong hành động đạo đức, thì mới gọi là Thánh nhân, Phật. Có đâu dùng những lời hoa mỹ cao thượng như: ***“tự tại vô ngại, chấp giới, thông tay vào chợ, đói ăn khát uống một ngụm liền”*** khiến cho những người chưa hiểu đạo đức nhân quả của Phật, dễ bị lầm lạc, họ tưởng những người này là bậc Thánh cao thượng dám hy sinh mình vì mọi người, chịu khổ đau vì nhân loại, vì loài người dẹp bỏ cá nhân mình thật là vĩ đại. Nhưng trong cái vĩ đại đó, là không vĩ đại gì hết. Vì ai đã



làm ác thì người đó phải chịu gánh quả khổ không thể ai gánh vác được cho ai, dù kẻ đó Thánh, Thần, chư Phật, chư Bồ Tát cũng không thể gánh chịu cho ai được, thế mới gọi là công bằng, công lý. Còn có người chịu thay thế được quả khổ đau cho kẻ khác, thì trên thế gian này con người làm sao có một đạo luật gọi là công bằng và công lý được? Nếu có người chịu khổ cho kẻ khác thì thế gian này sẽ ra sao? như trên chúng tôi đã nói.

Nếu trên thế gian này không có một đạo luật công bằng như đạo luật nhân quả, thì con người chỉ còn là một ác thú mà thôi.

Vì thế những lời nói chịu khổ cho nhân loại là lời lừa đảo, bịp người với những người còn đang sống trong giấc mơ **“siêu hình”**.

Chúng ta là những người còn phạm phu tục tử, còn sống trong cảnh đối đãi, nên chỉ biết ở trong cảnh đối đãi mà tu tập trau dồi đạo đức như thế nào, để cùng sống chung nhau, đối xử với nhau mà tâm hồn thanh thản, an lạc, không làm khổ mình khổ người thì đó là chân hạnh phúc của loài người và đó cũng là sự giải thoát của Đạo Phật. Giải thoát chung cho loài người, chứ

không riêng như kinh Duy Ma Cật chỉ dành cho những bậc Bồ Tát, Chư Phật và Thánh Hiền với trí tuệ **“Bát Nhị”**.

Nhìn chung các tôn giáo hiện có mặt trên thế gian này đều xây dựng cho loài người một thế giới tuyệt vời **“bát nhị”**. Cái thế giới ấy rất xa vời với loài người, vì con người không thể với tới, không thể có trí tuệ: **“Nhất nguyên”** đó được, chỉ có những bậc Thánh, Hiền như Bồ Tát Duy Ma Cật trong kinh sách Đại Thừa mà thôi. Thậm chí như Đức Phật Thích Ca Mâu Ni cũng còn sống phạm hạnh trong đạo đức nhân quả, vì thế Ngài còn thua xa Bồ Tát Duy Ma Cật. Chính Đức Phật Thích Ca Mâu Ni Ngài cũng không dám sống trong pháp môn **“Bát Nhị”** vì đó là pháp môn phi đạo đức.

Những bậc Thánh **“Bát Nhị”** này lý luận mơ hồ, trừu tượng, tưởng giải, chỉ là giấc mộng đẹp của Bà La Môn Giáo mà thôi.

Nhìn chung giáo lý của các tôn giáo đều xây dựng cho loài người một giấc mơ đẹp để an ủi tinh thần con người trong cuộc sống lầm than và nhiều đau khổ hơn là trên thực tế giải khổ cho họ. Ngoài những giáo lý ấy, có một thứ giáo lý khác được mang một cái

tên nhỏ bé ***“Tiểu Thừa Phật Giáo”***.

Tiểu Thừa Phật Giáo chỉ mang một cái tên như vậy cũng đủ khiến cho người ta xem thường, coi rẻ, người ta tưởng tượng trong đầu giáo pháp đó chẳng ra gì, chẳng bằng ai, không cao siêu, vi diệu, nhỏ mọn, hạn hẹp, tầm thường chẳng có gì để cho mọi người đáng quan tâm.

Chính chúng tôi trong những ngày đầu mới xuất gia tu học theo Phật, thấy kinh sách Tiểu Thừa Phật Giáo là chúng tôi cũng có tư tưởng không muốn đọc và cũng không muốn tu theo nó nữa.

Các bậc Thầy tổ thường ca ngợi kinh sách Đại Thừa, khuyên chúng tôi nên học, đọc và tu theo những bộ kinh đại thừa như: Pháp Hoa Kinh, Thủ Lăng Nghiêm Kinh, Viên Giác Kinh, Qui Nguyên Kinh, Đại Bửu Tích Kinh, Huê Nghiêm Kinh, Pháp Bảo Đàn Kinh v.v..

Khi học và đọc những bộ kinh này, chúng tôi thấy nó quá vĩ đại, lý luận tuyệt vời, chỉ rõ bản thể con người rất cụ thể, nếu không có kinh sách này dạy thì khó mà ai nhận ra được “Phật Tánh” từ đó chúng tôi

tin kinh sách này như là cửa báu.

Các Tổ, các bậc Tôn Túc và các Thầy từ bao nhiêu thế kỷ nay đã bị kinh sách này lừa đảo khiến tu hành lầm lạc, cứ tu theo các pháp môn đó mà tu chẳng đi đến đâu cả, kết quả cũng chẳng có gì, chỉ có cảm giác an lạc của đục tưởng xúc và cuối cùng thì có một vài thần thông tưởng, các Thầy Tổ đã tự mãn nguyện, hoặc thấy sắc tưởng, thanh tưởng, phát hiện thấy trước mắt và tiếng nổ trong tai là tự cho mình tu chứng đạo. Con đường tu như vậy thật là đau lòng, họ không biết chứng đạo là chứng cái gì? Hay chỉ cần nói: **“Vô sở đắc”** là đủ mãn nguyện tu hành

Phật tánh, thần thông, các cảnh giới siêu hình: xuất hồn, nhập định, hay là tự tại vô ngại, ngũ uẩn giai không, phản bốn hoàn nguyên, phủ trùm vạn hữu v.v..đó chỉ là sống trong thế giới tưởng của tưởng tri.

Ngộ nhận những trạng thái tưởng này cho là chứng đạo, nên các Ngài truyền thừa với nhau về phương Bắc, nhưng vì danh lợi, nên hùng cứ một phương chia ra làm năm tông bảy phái ( Thiên Tông Trung Quốc).

Đến Việt Nam Thiền Tông thành lập ra phái Thảo Đường, Trúc Lâm, Liễu Quán v.v.. Nhưng tên thì có khác, khuôn Thiền Đông Độ thì không có gì khác cả, đều nhai lại đờm dãi của Trung Quốc.

Đến thời đại chúng ta vẫn phát triển đều đều, người tu thì đông vô số kể, mà đạt được thì chẳng có gì, chỉ là một trò lừa đảo bịp người mà thôi. Truyền thừa với nhau từ đời này sang đời khác lúc thịnh lúc suy, nhìn chung chẳng có ai tu đến đâu cả, chỉ là diễn xuất tuồng hát trên sân khấu, hết màn Tịnh Độ Tông, đến màn Thiền Tông; hết màn Thiền Tông, đến màn Mật Tông; hết màn Mật Tông, đến màn Pháp Hoa Tông v.v..Cứ những tông này diễn tới diễn lui chẳng có gì mới mẻ cả.

Người truyền Đạo thì cũng chẳng biết mình truyền đúng hay sai của Đạo Phật, người tu thì lại nhắm mắt tu đũa, chẳng cần suy nghĩ xem xét kỹ lưỡng, chỉ nghe Đại Thừa, Tối Thượng Thừa là ngon lành, là siêu việt, còn những loại kinh sách Tiểu Thừa Nguyên Thủy thì xem chẳng ra gì, liệt kê những loại kinh sách này là ngoại đạo.

Lúc chúng tôi mới bước vào chùa tu

hành, thích học được kinh sách Đại Thừa và thích tu thiền tối thượng thừa, xem kinh sách Tiểu Thừa A Hàm như đồ bỏ (ngoại đạo) mà trong kinh Phạm Võng Bồ Tát giới đã cấm không cho học và tu giáo lý này.

Tu như ông Xá Lợi Phất và ông Mục Kiền Liên, tiên nữ rắc hoa còn dính mắc, các Ngài chỉ là hàng Thinh Văn không bằng Bồ Tát và Phật, uống công tu hành chỉ ở những bậc thấp lè tè. Đối với Đại Thừa lời dạy của Đức Phật là ngoại đạo, sao bằng kinh sách Đại Thừa kiến tánh thành Phật, nhanh chóng như trở bàn tay.

Đó là quan niệm hết sức sai lầm của chúng tôi, do bị ảnh hưởng kinh sách Đại Thừa và Thiền Đông Độ. Vì Thầy Tổ truyền dạy cho nhau không ngoài kinh sách Đại Thừa.

Xương minh pháp môn Tịnh Độ, Tổ Vĩnh Minh Diên Thọ lại còn gạt người hơn nữa bằng những từ ngữ rất kiêu: ***“Người tu Thiền mà không tu Tịnh Độ 10 người chưa được một người tu chứng”***. ***“Người tu thiền mà tu thêm Tịnh Độ như cọp mọc sừng 10 người đều chứng cả”***.

Tịnh Độ còn dùng những lời lẽ cảm dỗ và hăm dọa hơn những lời lẽ ở trên để ngăn chặn và lừa đảo tín đồ một cách có thủ đoạn. Tịnh Độ Tông cho rằng thời đại chúng ta là thời đại mạt pháp, loài người sắp tận thế chỉ có pháp môn Tịnh Độ tu hành dễ chứng và tu chưa chứng đạt cũng được Đức Phật A Di Đà rước về cõi cực lạc rồi tiếp tục tu hành.

Sau những năm tháng tu hành với hoài bão làm chủ sanh, già, bệnh, chết, chấm dứt sự khổ đau của kiếp người. Nhưng bị các pháp môn của Đại Thừa và Thiền Tông lừa đảo, đã phí hết thời gian của tuổi thanh xuân.

Hơn nửa đời người đem hết sức lực tu hành theo các pháp môn Đại thừa và Thiền tông. Tu hành theo cách thức của Đại Thừa và Thiền Tông, chúng tôi kiến giải ( triệt ngộ) được tất cả các công án và đang sống trong trạng thái tĩnh lặng, biết bao nhiêu trạng thái tưởng xảy ra, như thần thông biết chuyện quá khứ vị lai, dù biết như vậy, nhưng xét kỹ chúng tôi cũng chưa làm chủ sanh, già, bệnh, chết.

Chúng tôi đã trở về với pháp môn Tiểu

Thừa may ra, hy vọng còn làm chủ được thân tâm.

Chúng tôi sống độc cư, sống đời sống trầm lặng, sống đúng giới luật không hề vi phạm một lỗi nhỏ nhặt nào, với đời sống thiếu dục tri túc, chỉ xin cơm ngày một bữa mà thôi, chẳng có mong cầu gì khác.

Chúng tôi tu pháp Tứ Chánh Cần, Tứ Niệm Xứ và Tứ Thánh Định, kết quả chúng tôi hướng tâm đến Tam Minh, chỉ trong vòng sáu tháng với một nhiệt tâm nồng cháy, với một nghị lực dũng mãnh, với một ý chí sắt đá kiên cường, chúng tôi thành tựu, làm chủ sự sống chết, tâm chẳng hề dao động trước bất cứ một đối tượng nào.

Từ đó chúng tôi biết rất rõ, kinh sách Đại thừa và Thiên Đông Độ là của tôn giáo khác hoặc bị thế tục hóa tôn giáo, với dụng tâm của các vị tỳ kheo giáo sĩ Bà La Môn, thâm ý sâu độc muốn diệt trừ Phật Giáo tận gốc. Chỉ vì Phật Giáo tồn tại và phát triển thì các tôn giáo khác không phát triển, có thể phải diệt vong.

Tại sao vậy?

Tại vì Phật Giáo đập phá thế giới siêu



hình, hủy diệt thần quyền sáng tạo đem lại cho loài người một nền đạo đức giải thoát không làm khổ mình khổ người, biến cảnh thế gian thành Thiên Đường, Niết Bàn.

Đạo Phật và các tôn giáo khác không thể đi chung nhau một đường. Vì các tôn giáo khác có thể giới siêu hình, có thần quyền sáng tạo, có cảnh giới mơ hồ, trừu tượng, ảo huyền, có cuộc sống sau khi chết. Ngược lại Phật Giáo thiết thực và cụ thể hơn nhiều, không có thể giới siêu hình, không có thần quyền sáng tạo, không có thể giới mơ hồ, trừu tượng, ảo huyền và không có cuộc sống sau khi chết.

Nếu chánh pháp và đạo đức nhân bản của Phật Giáo, được phổ biến sâu rộng, khiến mọi người am tường và thực thi sửa đổi thói hư tật xấu, thì xã hội loài người mới sống đúng đời sống công bằng, bác ái, thì các tôn giáo khác làm sao còn chỗ đất đứng trên hành tinh này được.

Thấy rõ điều lợi hại này, nên bằng mọi giá, các tôn giáo khác đều ước muốn biến dần Phật Giáo thành một tôn giáo chấp ngã, có bản thể vạn hữu (Phật tánh, Đại ngã) và còn đạo đức của Phật Giáo thì biến

thành một thứ đạo đức nhân quả mê tín, để Phật Giáo cũng giống như các tôn giáo khác trên hành tinh này.

Cho nên, câu nói **“Bồ tát bình vì chúng sanh bình”** cũng là một câu nói lừa đảo phi đạo đức, nhằm để lường gạt những người chưa hiểu đạo đức nhân quả thiện ác của Phật Giáo. Chứ không thể lừa đảo, lường gạt những người có giới đức và giới hạnh của Phật Giáo được.

Hiện giờ, mọi người chưa ai thông suốt đạo đức nhân quả và luật nhân quả, kinh sách nhân quả của các nhà Đại Thừa viết ra, thuộc về loại kinh sách mê tín, dị đoan. Đó toàn là kinh tưởng, hiện nay tín đồ Phật Giáo Đại Thừa họ đặt trọn lòng tin những vị Bồ Tát. Vì những vị Bồ Tát này thường ban phước lành và cứu khổ cứu nạn, cùng chia xẻ những sự đau khổ của chúng sanh. Không ngờ sự cứu khổ, cứu nạn và chia xẻ sự đau khổ với chúng sanh, là một điều không thể làm được, không thể làm được là vì luật nhân quả rất công bằng và công lý, cho nên hành động cứu khổ và chia xẻ khổ nạn là phi đạo đức, làm mất công bằng và công lý, trong kiếp sống của loài người.

## THẾ GIỚI SIÊU HÌNH

*Hỏi: Kính bạch Thầy, theo Đạo Phật Thầy đã giảng là không có thế giới siêu hình, nhưng trong các kinh Nguyên Thủy, Đức Phật đã dạy, có 33 cõi Trời và các cõi địa ngục, cõi ngạ quỷ, A Tu La, súc sanh, và cõi Người, như trong kinh có thuật lại:*

*“Một hôm Đức Thế Tôn cùng tôn giả A Nan đi khát thực, trên đường về, tôn giả A Nan thấy Đức Phật mỉm cười, nên lấy làm lạ, muốn thưa hỏi Phật liền, nhưng giới luật Phật cấm, “Chẳng được nói chuyện trên đường đi”. A Nan chờ sau khi thọ thực xong Ngài đến thưa hỏi Phật: “Kính bạch Thế Tôn, trong lúc đang đi khát thực về, có duyên cớ gì mà Như Lai mỉm cười?”*

*Đức Phật bảo:*

*“Trên đường đi khát thực về ta thấy trên trời có một loài ngạ quỷ đang đói khổ, sau lưng bị một đoàn ó theo cắn rĩa, thật là đau khổ”.*

*Kính bạch Thầy, có phải cảnh giới này là địa ngục không? Nếu quả có địa ngục thì*

*phải có đời sống sau khi chết. Nếu có đời sống sau khi chết thì phải có thế giới siêu hình?*

*Và đây là câu chuyện thứ hai:*

***“Vào lúc cuối đêm, đến chỗ Đức Phật ngự có một Thiên nữ Câu-Ca-Ni có dung sắc tuyệt diệu, cúi đầu lễ dưới chân Phật, từ thân tỏa ánh sáng chiếu khắp tịnh xá Sơn Cốc. Thiên nữ đọc lên một bài kệ. Khi Đức Phật nghe xong bảo Thiên nữ: – “Đúng thế! Đúng thế!”***

***“Thiên nữ Câu Ca Ni nghe Phật khen, hoan hỷ cúi đầu lễ dưới chân Phật rồi biến mất”.***

*Thưa Thầy câu chuyện trên đây trong kinh Tạp A-Hàm tập IV trang 483 kinh số 1.271. Theo bài kinh này như vậy có cõi Trời, có cõi Trời tức là có thế giới siêu hình, có thế giới siêu hình tức là có sự sống sau khi chết. Xin Thầy dạy rõ cho chúng con hiểu?*

**Đáp:** Đã bao lâu, cũng chỉ vì thế giới siêu hình điên đảo này, Thầy đã xác định nhiều lần không có thế giới siêu hình, mà chỉ có thế giới siêu hình tưởng. Thế mà, đến

giờ này các con vẫn chưa đủ niềm tin hay sao?

Sự thật thế giới siêu hình không có, nhưng biết nói làm sao cho các con tin. Một thế giới siêu hình đã ăn sâu vào lòng người, từ khi con người có mặt trên hành tinh này, với một tưởng thức của con người tạo ra. Đó là một điều không thể trách được các con ạ! Các hiện tượng của thế giới siêu hình tưởng hằng ngày đang diễn biến xung quanh cuộc sống con người thì thử hỏi làm sao người ta tin rằng không có thế giới siêu hình.

Thêm vào các tôn giáo và cả Phật Giáo Đại Thừa đều xác định có thế giới siêu hình thì dù tiếng nói của Thầy có thật sự đi nữa là không có, cũng khó có ai tin theo được. Đức Phật đã dạy kinh Ngũ Uẩn, kinh Thập Nhị Nhân Duyên mà Thầy đã giảng, nhưng các con chưa đủ niềm tin. Bây giờ thầy sẽ dẫn chứng một bài kinh khác cụ thể rõ ràng hơn chính lời Phật đã dạy: **“Bài kinh Pháp Môn Căn Bản”** trong kinh Trung Bộ tập I trang 9.

**- “Này các Thầy tỳ kheo. Ta sẽ giảng cho các Người: “Pháp môn căn bản tất cả pháp”.**

*“Này các Thầy tỳ kheo! Ở đây có kẻ phàm phu ít nghe, không được thấy các bậc Thánh, không thuần thực pháp của các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không được thấy các bậc chân nhân, không thuần thực pháp các bậc chân nhân, không tu tập pháp các bậc chân nhân, tưởng tri đại địa là đại địa. Vì tưởng tri đại địa là đại địa, người ấy nghĩ đến đại địa (là có thật). Nghĩ đến (tự ngã) đối chiếu với đại địa thì tự ngã có thật. Cho nên người ấy nghĩ “Đại địa là của ta” \_ Sanh ra ưa thích chấp đắm đại địa. Vì sao vậy? Ta nói người ấy không liễu tri đại địa.*

Người ấy tưởng tri thủy đại là thủy đại. Vì tưởng tri thủy đại là thủy đại người ấy nghĩ đến thủy đại (là có thật) nghĩ đến tự ngã đối chiếu với thủy đại thì tự ngã là có thật, cho nên người ấy nghĩ **“Thủy địa là của ta”** \_ Sanh ra ưa thích chấp đắm thủy đại. Vì sao vậy? Ta nói người ấy không liễu tri thủy đại.

Người ấy tưởng tri hỏa đại là hỏa đại: Vì tưởng tri hỏa đại là hỏa đại, người ấy nghĩ đến hỏa đại (là có thật) nghĩ đến tự

ngã đối chiếu với hỏa đại thì tự ngã là có thật, cho nên người ấy nghĩ hỏa đại là của ta. \_ Sanh ra ưa thích chấp đắm hỏa đại. Vì sao vậy? Ta nói người ấy không liễu tri hỏa đại.

Người ấy tưởng tri phong đại là phong đại. Vì tưởng tri phong đại là phong đại. Người ấy nghĩ đến phong đại (là có thật) Nghĩ đến tự ngã đối chiếu với phong đại là tự ngã có thật, cho nên người ấy nghĩ phong đại là của ta. Sanh ra ưa thích, chấp đắm phong đại. Vì sao vậy? Ta nói người ấy không liễu tri phong đại.

Người ấy tưởng tri sanh vật là sanh vật. Vì tưởng tri sanh vật là sanh vật, người ấy nghĩ đến sanh vật (là có thật). Nghĩ đến tự ngã đối chiếu với sanh vật thì tự ngã có thật cho nên người ấy nghĩ **“*Sinh vật là của ta*”** sanh ra ưa thích chấp đắm sanh vật. Vì sao vậy? Ta nói người ấy **“*không liễu tri sinh vật*”**.

Qua những lời dạy của Đức Phật trên đây, chỉ cho thế giới hữu hình của chúng là thế giới tưởng. Tưởng đất đai, sông, núi, cây, cỏ, vạn vật là có thật. Vì tưởng nó có thật nên con người sanh ra chấp đắm,

ham thích, rồi mới tranh chấp đấu tranh, giành giựt của cải, tài sản, đất đá, sông, rạch, núi, rừng, vàng, bạc, châu, báu v.v.. Giết người, cướp của, dùng mọi thủ đoạn phương tiện lừa đảo, lường gạt người bằng mọi cách, thậm chí có kẻ lợi dụng ngay cả tôn giáo, buôn Phật, bán Pháp, buôn Thần, bán Thánh v.v..

Do chỗ không hiểu thế giới hữu hình là thế giới tướng nên mới sanh tạo ra nhiều thứ dính mắc và tạo biết bao nhiêu sự đau khổ cho mình, cho người, từ kiếp này đến kiếp khác và mãi mãi chịu khổ đau vô cùng tận, cũng chỉ vì **“tướng tri của loài người”**.

Đức Phật đã thấy thế giới hữu hình của con người là thế giới tướng, cách đây 2542 năm, Người đánh tiếng chuông cảnh tỉnh cho mọi người, thế giới hữu hình là thế giới tướng, nhưng ai là người đã tin Ngài. Nếu không phải là người tu đúng giáo pháp của Người. Thì làm sao tin được thế giới này là thế giới tướng.

Thế giới hữu hình là thế giới tướng thì thế giới vô hình làm sao có thật, thế giới vô hình là bóng dáng của thế giới hữu hình, đã là bóng dáng thì làm gì có sự sống sau khi



chết, đó chẳng qua chỉ là một ảo tưởng của loài người mà thôi.

Cho nên hiện giờ các tôn giáo trên thế gian này ngay cả Đại Thừa Phật Giáo cũng thấy thế giới hữu hình này là thế giới tạm bợ không có thật, vì mọi vật đều vô thường, như lời Đức Phật đã dạy qua bài kinh trên **“Pháp môn căn bản”**. Từ đất, đá, cỏ, cây và tất cả sinh vật đang sanh sôi nảy nở trên hành tinh này đều do tướng tri của chúng sanh, tưởng là có thật, chứ thực ra thế giới hữu hình này là thế giới duyên hợp. Mọi vật có mặt (vạn hữu) trên hành tinh này đều do duyên hợp mà thành, mọi vật (vạn hữu) hoại diệt đều do duyên tan rã mà hoại diệt, không có một vật nào thường còn bất biến, toàn là vạn vật đều vô thường.

Chỉ vì người thế gian với trí hữu hạn không thấu rõ thế giới hữu hình này. Cho là thật có. Đối với người có trí vô hạn thì thế giới hữu hình là thế giới tưởng của loài người. Nhưng các tôn giáo kể cả Đại Thừa Giáo cũng cho thế giới hữu hình là không thật, nhưng lại xây dựng một thế giới vô hình có thật, thì đó là đi ngược lại Phật Giáo. Phật giáo cho thế giới vô hình là thế

giới tướng tri ( không có).

Cũng trong bài kinh Pháp Môn Căn Bản trong Trung Bộ kinh tập 1 trang 11 kinh dạy: *“Người ấy tướng tri phạm thiên là phạm thiên... Người ấy tướng tri Quang âm thiên là quang âm thiên... Người ấy tướng tri Biến tịnh thiên là Biến tịnh thiên... Người ấy tướng tri Quảng quả thiên là Quảng quả thiên.... Người ấy tướng tri Abhibhù ( Thắng giả) là Abhibhù.... Người ấy tướng tri không vô biên xứ là không vô biên xứ thiên... Người ấy tướng tri thức vô biên xứ là thức vô biên xứ thiên... Người ấy tướng tri vô sở hữu xứ là vô sở hữu xứ thiên... Người ấy tướng tri phi tướng phi phi tướng xứ là phi tướng phi phi tướng xứ thiên... Người ấy tướng tri sở kiến là sở kiến... Người ấy tướng tri sở văn là sở văn... Người ấy tướng tri sở tư niệm là sở tư niệm... người ấy tướng tri sở tri là sở tri... Người ấy tướng tri đồng nhất là đồng nhất... Người ấy tướng tri sai biệt là sai biệt.... Người ấy tướng tri tất cả là tất cả.... Người ấy tướng tri niết bàn là niết bàn... Vì tướng tri niết bàn là niết bàn. Người ấy nghĩ đến niết*

***bàn (là có thật). Nghĩ đến tự ngã đối chiếu niết bàn (thì tự ngã có thật nhập niết bàn) cho nên người ấy nghĩ “Niết bàn là của ta”.*** Sanh ra ưa thích chấp đắm Niết bàn (dục hỷ). Vì sao vậy? Ta nói người ấy không liễu tri (không hiểu, không biết) Niết bàn.

Phật Giáo không chấp nhận thế giới hữu hình là có thật tri mà chỉ là tướng tri, đến thế giới siêu hình các cõi trời địa ngục và niết bàn cũng là tướng tri chứ không phải thật tri.

Vì, thế giới siêu hình là bóng dáng của thế giới hữu hình như trên chúng tôi đã nói. Vì thế, con người hữu hình như thế nào thì thế giới siêu hình con người giống như thế nấy, tất cả núi, sông, đất, đá, cây, cỏ, thảo, mộc, nhà, cửa, đèn, đài, cung, điện đều giống thế giới hữu hình. Chỉ khác hơn ở thế giới hữu hình là không có không gian và thời gian mà thôi.

Bởi vậy, những người ông lên, bà xuống, nhập đồng, nhập xác, nói chuyện quá khứ, vị lai, chỉ nơi siêu mờ, lạc mả cho người lấy cốt đều đúng không sai một mảy, là nhờ tướng uẩn không có không gian và

thời gian, nhưng khi tướng uẩn<sup>1</sup> hoạt động thì biết đúng, nói không sai, còn khi tướng uẩn không hoạt động thì không biết, thường nói sai.

Do chỗ nói chuyện quá khứ, vị lai không sai, khiến người ta tin rằng có linh hồn người chết, ông này, bà kia, cậu họ nhập xác, lên đồng, nhập cốt v.v....

Bởi tướng uẩn làm việc như vậy người ta không rõ, rồi tin rằng có thể giới siêu hình thật sự.

Từ tướng tri thế giới hữu hình là thật có người ta đã mang đến cho chính mình mọi sự khổ đau cho đến ngày nằm xuống lòng đất, xuôi tay vẫn còn đau khổ, thế mà có ai biết rõ điều này, mọi người đều vô minh ngay đến những nhà khoa học cũng đành bó tay không giải thích được vì các hiện tượng kỳ lạ mà mọi người đều phải chấp nhận thế giới siêu hình, cho nên thật khó cho ai không tin thế giới siêu hình là không có.

---

1 Tướng uẩn là danh từ trong kinh sách Phật để chỉ cho nhóm tế bào thần kinh não hoạt động không có không gian và thời gian, khi nhóm tế bào thần kinh não ý thức (sắc uẩn) ngưng hoạt động.

Sự sợ hãi và sự đau khổ do các hiện tượng thời tiết của thế giới hữu hình mới khiến con người tạo ra thế giới siêu hình để có sự phò hộ che chở giúp cho tinh thần con người được an ổn, bớt sợ hãi.

Từ khi sản xuất ra thế giới siêu hình mọi người luôn tin tưởng có sự gia hộ, che chở, ban phước, giáng họa, nhưng sự thật, không thể phò hộ, gia bị, giáng họa, ban phước cho ai cả, chỉ con người tưởng ra để an ủi tinh thần như vậy mà thôi.

Cho nên sự tưởng ra thế giới siêu hình lại còn tạo thêm một lớp khổ cho con người nữa, đã khổ vì thế giới hữu hình dính mắc trói buộc các pháp thế gian, rồi lại bị lường gạt bởi thế giới siêu hình nữa. Do đó có một số tà sư, ngoại đạo lợi dụng sự vô minh và lòng mê tín này tạo ra các vị thần linh để khiến con người tôn sùng, cung kính, sợ hãi và chịu biết bao nhiêu tổn hao tiền của và giết hại sanh linh, làm tội ác thêm để cúng bái, tế lễ, cầu khẩn, van xin.v.v..

Cách thức làm ăn của bọn tà sư, ngoại đạo này có hiệu quả làm giàu trên xương máu của kẻ khác không phí sức lao động, chỉ cần tụng đọc ê a, hoặc vẽ bùa, đọc chú,

ợ, ợ, ngáp, ngáp nói bậy bạ là hốt tiền bạc của những kẻ đang gặp nhân quả nghiệp báo xấu, nặng nề, trong lúc quá khổ đau, quá sợ hãi trước tai họa hiểm nghèo, trước bệnh tật nan y, trước sự sống chết như chỉ mảnh treo chuông, trí óc không còn sáng suốt. Lúc bây giờ bọn thầy lừa đảo này nói sao họ nghe vậy, họ làm tiền một cách dễ dàng (ngồi mát ăn bát vàng).

Lại có một số tà sư ngoại đạo khéo léo hơn dùng ba tác lười lý luận như Trương Nghi – Tô Tần thời Lục Quốc bên Trung Hoa pháp môn này, pháp môn nọ triết lý này triết lý kia, chân lý này chân lý nọ, lường gạt những kẻ vô minh chạy theo pháp này chạy theo pháp kia tu tập để chứng đạt chân lý này chân lý khác.

Từ xưa đến nay, ai là người đã đi tìm chân lý thoát khổ? Chân lý ấy được bao nhiêu người đạt được? Hay chỉ là một lý luận suông?

Tại sao các người không nói thật? Để biết bao nhiêu con người phải mất công, mất của và còn tốn biết bao công lao khổ công tu tập mà chẳng được những gì. Từ tôn giáo này đến tôn giáo khác, từ pháp môn

này đến pháp môn khác, để nuôi một hy vọng hảo huyền giải thoát, Thiên Đường, Cực Lạc, Niết Bàn v.v..

Danh lợi ở thế gian có nhiều việc làm nên danh, nên lợi mà rất **“thiện”**. Tại sao các người không làm việc kia mà lại làm việc này, để lường gạt người khác chi vậy. Biết bao nhiêu thế hệ con người đã qua, họ đã chạy theo tu hành và rèn luyện thân tâm, nhưng họ được những gì ở các chân lý ấy?

Trong khi đó họ đã đổ biết bao nhiêu mồ hôi, công lực, tiền của và công sức. Giải thoát đâu không thấy chỉ thấy khổ và khổ, cho đến lúc chết lại càng khổ hơn, (Các Hòa Thượng khi viên tịch quá khổ sở) họ chỉ mua được cái **“danh”** và cái **“lợi”** giả.

Bởi vậy, các thế giới siêu hình tưởng, tai ương bệnh tật đều là tướng Thần, Thánh, Tiên, Phật cũng đều là tướng, pháp môn tu hành cũng đều là tướng, vì thế, khổ của con người cũng hoàn lại khổ.

Do đó Phật Giáo ra đời quyết đập tan tành cái thế giới hữu hình duyên hợp và xé nát cái thế giới siêu hình tưởng. Giống

như một vị Thần để đem lại sự công bằng và công lý cho loài người, giúp họ sống an vui, thanh thản và hạnh phúc. Tạo sự sống an vui trên hành tinh này là một cảnh giới Thiên Đàng.

Bài pháp Thân Ngũ Uẩn, Thập Nhị Nhân Duyên, Pháp Môn Căn Bản trong tạng kinh Nikaya và kinh A Hàm không đủ để chứng minh đập phá thế giới siêu hình và hữu hình này sao?

Nếu đập phá được cả hai thế giới này, để mang lại cho con người một đời sống thoải mái, thanh thản, an lạc và hạnh phúc. Bằng ngược lại thì con người phải chịu khổ vô cùng tận và vô lượng kiếp.

*- Trên giường bệnh hấp hối của một vị quan sát thủ, được nhà vua đến thăm căn dặn ông nhiều lần: “Khanh là một vị quan chuyên môn giết người” như vậy khanh phải đoạ địa ngục, khi vào địa ngục, bằng mọi cách khanh về báo cho trẫm biết, khanh đã xuống địa ngục và địa ngục có thật, khanh nhớ kỹ lời trẫm đừng phụ lòng trẫm. Vị quan sát thủ gật đầu và xin hứa.*



*Nhà vua căn dặn xong chẳng bao lâu vị quan này chết.*

*Chờ mãi, chờ mãi từ 1 tháng đến một năm rồi đến 3 năm mà chẳng có tin tức gì cả. Nhà vua đến một vị đạo sư hỏi:*

*- “Thưa ngài, Ngài nói có địa ngục, Trẫm có một vị quan sát thủ trước khi chết trẫm đã căn dặn đôi ba lần: “Khi xuống địa ngục, bằng mọi cách khản hãy về báo cho trẫm biết, nhưng đến nay đã ba năm rồi chẳng có tin tức gì cả, như vậy theo trẫm nghĩ “chẳng có địa ngục”*

*Vị đạo sư trả lời:*

*- “Tâu bệ hạ, vị quan ấy là tội nhân làm sao có quyền đi lại được để về báo cho bệ hạ hay”.*

*Nhà vua gật đầu chấp nhận ra về, sau ba năm nhà vua trở lại thăm vị đạo sư và hỏi:*

*-Thưa Ngài, Ngài nói có Thiên Đàng phải không?*

*Vị đạo sư tâu:*

*-Vâng, thưa bệ hạ, có Thiên Đàng, ai làm thiện sẽ sanh lên Thiên Đàng, ai làm ác sẽ đọa xuống Địa Ngục.*

*Nhà vua phán:*

*-Ta có một vị quan đại thần suốt đời làm thiện, làm quan thì cần kiệm, liêm chính, chí công, vô tư, làm người thì hằng ngày thường trường chay, không sát hại sanh linh, trước giờ phút lâm chung, háp hỏi trăm đến căn dặn nhiều lần: “Khanh là một người hiền lành sống thì trường chay, chẳng hề giết hại chúng sanh, làm quan thì liêm chính ngay thẳng, chắc chắn khi chết khanh được về Thiên Đàng. Vậy bằng mọi cách sau khi chết nhà ngươi về báo cho ta biết có cảnh Thiên Đàng chân thật hay không? Để trăm yên lòng”.*

*Như thế đến nay đã ba năm mà ta chẳng được tin tức gì, chắc chắn là chẳng có Thiên Đàng.”*

Trong bài kinh này, Đức Phật còn xác định thêm: “*Nếu có cảnh giới siêu hình thật thì phải có người đến và người về, đàng này đi thì có, về thì không*”.

Như vậy chúng tôi không có thể giới siêu hình mà chỉ có một thể giới siêu hình tưởng mà thôi. Kinh Pháp Môn Căn Bản Đức Phật đã dạy rất rõ ràng và cụ thể nhất.

Cho nên trong kinh Nguyên Thủy các vị Trời đến bực Phật cũng như Ma Vương, Ác quỷ và quỷ đói đều là cảnh giới tưởng của thế giới tưởng ám của con người tạo ra. Tạo ra như vậy để mà chịu khổ thêm chẳng ích lợi gì cho đời sống mà còn làm hao tổn tiền của một cách vô lý.

Các tôn giáo khác, Phật Giáo Đại Thừa và Thiên Đông Độ đua nhau xây dựng thế giới siêu hình bằng nhiều hình thức và những xưng danh khác nhau để khéo lừa đảo con người, chứ kỳ thật cũng chỉ là thế giới tưởng mà thôi.

Nên trong kinh Pháp Môn Căn Bản Đức Phật đã xác định rõ ràng: ***“Người ấy tưởng tri sở kiến là sở kiến.. Người ấy tưởng tri sở văn là sở văn.. Người ấy tưởng tri sở tư niệm là sở tư niệm.. Người ấy tưởng tri sở là tri sở.. Người ấy tưởng tri đồng nhất là đồng nhất.. Người ấy tưởng tri sai biệt là sai biệt... Người ấy tưởng tri tất cả là tất cả...”***

***Người ấy tưởng tri niết bàn là niết bàn..***” Đó toàn là sống trong tưởng mà mọi người mấy ai biết. Trên đời chỉ có một mình Đức Phật biết rất rõ.

Bởi vậy, nhìn chung các tôn giáo trên thế gian này đang xây dựng một thế giới siêu hình để thỏa mãn lòng tham vọng của loài người.

Xưa vua Tần Thủy Hoàng vì tham vọng sống lâu, nên đã cho người đi tìm thuốc trường sanh bất tử. Theo lời dạy của các vị tu Tiên, nhưng nào có được gì đâu, chỉ hoài công vô ích.

Phương pháp tập dưỡng sinh và đạo Yoga đều tập luyện kéo dài tuổi thọ để đạt được ***“Trường sanh bất tử”***, nhưng có vị nào không bệnh đau và trường sanh bất tử đâu. Cuối cùng rồi cũng bệnh đau mà chết.

Những việc làm này, con người trên thế gian ai đã làm được. Đó là một tưởng vọng của loài người, không thể thành sự thật. Như Đức Phật đã dạy đó là sự tưởng tri của loài người. (tưởng tri là tưởng tri làm sao sự thật được).

Tìm mọi cách để loài người sống mãi

muôn đời, nhưng không thành tựu, nên con người quay lại tìm **“sự sống sau khi chết”**. Do đó, mới sản xuất ra cảnh giới Thiên Đàng, Địa Ngục, Bồng Lai Tiên Cảnh, Cực Lạc Tây Phương, cõi Niết Bàn, Bản Thể Vạn Hữu, Đại Ngã, Phật Tánh. v.v..

Riêng Đức Phật, Ngài dạy: **“*Tưởng tri niết bàn là niết bàn*”**.

Câu nói của Ngài có một giá trị rất lớn đối với các Tôn giáo. Toàn bộ tất cả cảnh giới siêu hình của các Tôn giáo đều đối với Đạo Phật là cảnh giới tưởng, không thể lừa đảo lương gạt người đệ tử của Phật được, vì Đức Phật đã dạy cho các đệ tử của mình rất rõ ràng và cụ thể.

Các pháp môn của các tôn giáo này chỉ lừa đảo, lương gạt được những người vô minh, vì cuộc sống còn mang đầy dẫy tham vọng nên mới tìm tu và nghe theo các giáo phái đó mà thôi.



## GIỚI LUẬT

*Hỏi: Kính bạch Thầy, tại sao tu sĩ Phật Giáo hiện giờ không giữ gìn giới luật, sống phi giới luật, sống bẻ vụn giới luật. Như vậy con đường tu của họ sẽ đi về đâu? Và có ích lợi gì cho kiếp sống tu hành của họ?*

*Người tu sĩ giữ gìn giới luật nghiêm túc, sống đúng phạm hạnh, thiếu dục tri túc, phòng hộ các căn đầy đủ, con đường tu của họ sẽ đi về đâu?*

*Và có ích lợi gì cho kiếp sống của họ? Cúi mong Thầy chỉ dạy cho chúng con được rõ.*

**Đáp:** Như Thầy đã dạy giới luật là một pháp môn tu hành của Đạo Phật, chứ không phải là pháp luật của một quốc gia. Cho nên các bộ giới luật do các Tổ biên soạn thành một bộ pháp luật của Phật Giáo hơn là một pháp môn tu tập để tâm được vô lậu.

Pháp môn giới luật cùng với pháp môn Thiền định và pháp môn Trí tuệ, gọi chung có tên là **“Tam Vô Lậu Học”**.

Tam vô lậu học là ba pháp môn tu tập không còn lậu hoặc, tức là ba pháp môn tu

tập sẽ chấm dứt đau khổ của kiếp người hay nói cách khác là làm chủ sanh, già, bệnh, chết của Đạo Phật.

Ba pháp môn vô lậu này, kỳ thật chỉ là một pháp môn duy nhất, nhưng chia làm ba giai đoạn tu tập: giới, định, tuệ.

Ba giai đoạn này chỉ có giới luật là giai đoạn quan trọng nhất và tu tập khó nhất trên đường tìm cầu đạo giải thoát theo Đạo Phật.

Bởi thế, người nào tu hành mà không giữ gìn giới luật không tu giới luật, không sống đúng giới luật, thì có tu suốt đời cũng tu chẳng tới đâu, chỉ còn tu danh, tu lợi, tu tướng mà thôi (chẳng bao giờ có giải thoát thật sự).

Nếu không tu giới luật mà tu định, thì Thiên định đó là tà thiên, định tướng.

Nếu không tu giới luật mà tu trí tuệ thì trí tuệ đó là tà tuệ, kiến giải tướng giải, là trí tuệ tích lũy nhai lại đờm dãi của người xưa, thêm râu, thêm ria, vẽ rấn thêm chân.

Từ xưa đến giờ các Tổ chỉ lập đi, lập lại lối mòn của nhau, chỉ dùng từ hiện đại cho

lạ tai mà thôi, chứ lối mòn vẫn là lối mòn, không thể nào lối mòn là đường cái được.

Như trên Thầy đã dạy giới luật là pháp môn quan trọng nhất trong tam vô lậu học. Cho nên, vì lợi ích chúng sanh, vì muốn thoát ra sự đau khổ của kiếp người Đức Phật đã dạy: ***“Vì hạnh phúc, vì lòng thương tưởng đệ tử, những việc ấy Ta đã làm xong, vì lòng thương tưởng Ta đã dạy các người”***.

Đây là một bài kinh mà Đức Phật đã khéo nhắc nhở cho các vị Tỳ Kheo tu tập giới luật, vì giới luật rất quan trọng trên đường cầu đạo giải thoát. Bài kinh ***“Ước Nguyện”*** Trung Bộ tập 1 trang 79 Phật dạy:

***“Này các Thầy tỳ kheo, hãy sống đầy đủ giới hạnh, đầy đủ giới bổn, sống phòng hộ với sự phòng hộ của giới bổn, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong các lỗi nhỏ nhặt, chân chánh lãnh thọ và học tập các học giới”***.

Đoạn kinh này lời dạy khuyên nhắc nhở của Đức Phật thấm thía vô cùng, một lời khuyên từ cõi lòng vì thương tưởng chúng



sanh đang sống trong cảnh khổ mà chẳng biết đường nào ra. Trên thế gian này chỉ còn có con đường duy nhất để tu tập, thoát ra sự đau khổ của kiếp người **“Giới, Định, Tuệ”**. Không thể có con đường thứ hai nào khác được.

Biết rất rõ điều này, trên bước đường tầm sư học đạo. Ngài đã sáu năm gian khổ, nhưng vẫn không tìm ra đường giải thoát. Bốn mươi chín ngày dưới cội bồ đề trầm tư và nhập Tứ Thánh Định, chứng Tam Minh. Ngài đã tự tìm ra chân pháp, chân pháp ấy là thầy của Ngài, dẫn đường Ngài đi đến đích, thoát khỏi sanh già, bệnh, chết.

Chân pháp ấy là gì?

Chân pháp ấy là **“Giới, định, tuệ”**. Ngài luôn luôn nhắc nhở chúng ta với lòng tha thiết yêu thương chúng ta như con một: **“ - Hãy sống đầy đủ giới hạnh, đầy đủ giới bổn, sống phòng hộ với sự phòng hộ của giới bổn, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt, chân chánh lãnh thọ và học tập các giới học”**.

Thế mà người tu sĩ Phật Giáo hiện giờ

lại xem thường giới luật, oai nghi chánh hạnh không có, xem thường trong các lỗi nhỏ nhặt, phạm giới không biết xấu hổ, chẳng bao giờ lấy giới phòng hộ sáu căn, sống ăn uống phi thời, nam nữ trai gái kề cận chẳng biết đó là tai họa khổ đau, chẳng biết đó là con đường sanh tử luân hồi.

Bài kinh Ước Nguyện, Đức Phật đã xây dựng nó trên nền tảng đạo đức nhân quả. Ngài không dạy chúng ta cầu nguyện mà dạy chúng ta ước nguyện.

Muốn ước nguyện được thành tựu sở nguyện thì phải sống đúng giới luật, giới luật là thiện pháp, do nhân thiện pháp thì quả của thiện pháp là ước nguyện của chúng ta viên mãn.

Ví dụ: Một người có bệnh tật, tai nạn xảy đến hoặc tai nạn bệnh tật chưa xảy đến nhưng ước nguyện bệnh tật tai nạn sẽ chấm dứt và bệnh tật tai nạn sẽ không xảy ra, thì người ấy phải sống đầy đủ giới hạnh, đầy đủ giới bổn, sống phòng hộ với sự phòng hộ của giới bổn, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong các lỗi nhỏ nhặt, chân chánh lãnh thọ và học tập các học giới, thì ước nguyện sẽ thành tựu.

Nếu ai giữ gìn giới luật đúng như vậy thì tai nạn, bệnh tật sẽ qua và không xảy đến. Như vậy Ngài đã dạy chúng ta tu tập giải thoát trên nền đạo đức nhân quả, lấy hành động thiện làm gốc, diệt trừ mọi hành động ác và lòng ham muốn.

Trong bài kinh Ước Nguyện, Đức Phật dạy:

***“ - Mong rằng ta được mọi người thương mến, yêu quý, cung kính, và tôn trọng”.***

***“- Mong rằng ta được các vật dụng đầy đủ không thiếu hụt”.***

***“- Mong rằng những người bố thí cúng dường các vật dụng sẽ được quả báo và lợi ích lớn”.***

***“- Mong rằng những bà con huyết thống với ta, khi bệnh tật tai nạn chết, mệnh chung với tâm hoan hỷ, an lạc, được quả báo và lợi ích lớn”.***

Trên đây là những ví dụ ước nguyện trong bài kinh, muốn được toại nguyện cho mình cho người thì chỉ tu tập và giữ gìn giới luật nghiêm túc.

Kinh Phật đã dạy như vậy, thế mà kinh sách Đại Thừa lại dạy cúng tế, cầu khấn, tụng kinh, niệm chú, niệm Phật, cầu an, cầu siêu để được tai qua nạn khỏi, bệnh tật tiêu trừ (do chư Phật, Bồ Tát từ bi gia hộ).

Kinh sách Đại Thừa lối dạy tu tập đều cầu tha lực, (Tam bảo gia hộ) cho đến những ước nguyện cho mình, cho người đều dựa vào tha lực. Còn ngược lại kinh sách Nguyên Thủy dạy tự lực. Muốn lợi mình lợi người thì người ấy phải tự mình tận lực sống đúng giới hạnh, nói cách khác là phải sống đúng thiện pháp không được sống trong ác pháp.

Nói chung Đức Phật dạy, con người muốn có cuộc sống an vui, hạnh phúc thì phải sống có đầy đủ đạo đức không làm khổ mình, khổ người, thì được mọi toại nguyện.

Đọc qua bài kinh Pháp Môn Căn Bản ta thấy rõ Phật Giáo không đi nhằm lại lối mòn của các tôn giáo khác, tự mình vạch ra một lối đi độc đáo, tự lực, cụ thể không mơ hồ, chính xác để giải quyết kiếp sống con người, thoát ra cảnh khổ, tạo thế gian, có cuộc sống con người thành một cõi Thiên Đàng.

Để chiến thắng sự ưa thích dục lạc thế gian, sự không ưa thích, sự bất toại nguyện, và sự khiếp đảm, sợ hãi, Phật dạy: **“- Nay các Tỳ Kheo, nếu Tỳ Kheo có ước nguyện: Mong rằng ta nhiếp phục lạc và bất lạc, chứ không phải lạc và bất lạc nhiếp phục ta. Mong rằng ta sống luôn luôn nhiếp phục lạc và bất lạc được khởi lên. Mong rằng ta nhiếp phục khiếp đảm và sợ hãi chứ không phải khiếp đảm và sợ hãi nhiếp phục ta. Mong rằng ta sống luôn luôn nhiếp phục khiếp đảm và sợ hãi được khởi lên nơi Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ấy “phải thành tựu viên mãn giới luật, kiên trì nội tâm tịch tĩnh, không gián đoạn thiền định (tĩnh thức) thành tựu quán hạnh (vô lậu) thích sống tại các trụ xứ không tịch (độc cư)”**”.

Lời dạy trên đây rất cụ thể cho người tu, muốn nhiếp phục tâm ham muốn và sợ hãi thì chỉ có giới luật và bốn pháp định, Định Chánh Niệm Tỉnh Giác, Định Niệm Hơi Thở (không gián đoạn thiền định) nội tâm tịch tĩnh (Định Sáng Suốt) thành tựu quán hạnh (Định Vô Lậu) thích sống tại các trụ xứ không tịch (độc cư).

Trong bài kinh Ước Nguyện Đức Phật dạy nhập Bốn Thánh Định rất rõ ràng và dễ dàng không có khó khăn.

Vì muốn nhập Bốn Thánh Định này không khó khăn, không có ức chế tâm như các nhà học giả kiến giải dạy ra. Chỉ cần sống đúng giới hạnh và tu tập các pháp Tứ Chánh Cần, Tứ Niệm Xứ để xả tâm cho thật sạch (không còn tham sân, si, mạn, nghi) nữa, thì chỉ ra lệnh nhập thiền định nào thì nhập ngay thiền định ấy.

***“- Đây các thầy tỳ kheo, nếu tỳ kheo có ước nguyện: Mong rằng, tỳ kheo ý muốn, không khó khăn, không có mệt nhọc, không có phí sức, ta chứng được bốn thiền thuộc tầng thượng tâm hiện tại lạc trú, Tỳ kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật kiên trì nội tâm tịch tĩnh (Sáng Suốt Định) không gián đoạn thiền định (Thân Hành Niệm Nội Ngoại) thành tựu quán hạnh (Định Vô Lậu) thích sống tại các trụ xứ không tịch (độc cư)”.***

Nếu người nào muốn tu tập thiền định của Đạo Phật nhập Bốn Thánh Định, làm chủ sanh, già, bệnh, chết, không có khó

khăn chỉ cần thành tựu viên mãn giới luật, tức là sống đúng giới luật.

Xét ra từ khi Đức Phật nhập diệt đến giờ, không có ai nhập được Bốn Thánh Định, chỉ vì không thành tựu viên mãn giới luật.

Nếu đã có người nào viên mãn được giới luật sống đầy đủ chánh hạnh thì Phật pháp đâu bị ngoại đạo biến thể như ngày nay và như thế này. Phật Giáo ngày nay đã trở thành một tôn giáo hỗn tạp mang đủ thứ pháp môn của ngoại đạo (84 ngàn pháp môn) mà còn tự xưng những danh từ ngã mạn cống cao (Đại Thừa, Tối Thượng Thừa v.v..)

Như trên Phật đã dạy trong bài kinh Ước Nguyện. Từ đức hạnh làm người, sống không làm khổ mình, khổ người và khổ chúng sanh. Để đem lại sự giải thoát, an lạc, hạnh phúc cho nhau trên hành tinh này thì ***“hãy sống đầy đủ giới hạnh, đầy đủ giới bốn, sống phòng hộ sáu căn với sự phòng hộ của giới bốn, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong các lỗi nhỏ nhặt, chân chánh lãnh thọ và tu học các học giới thì được toại nguyện, mãn nguyện làm người có đạo***

***đức đầy đủ”.***

Nếu muốn thành tựu những đức hạnh của bậc Thánh nhân và thực hiện thiên định làm chủ sự sống chết của bậc chân nhân mà người đời thường hay ưa thích tu thiên định, nhưng không biết thiên định nào đúng sai cứ nghe thiên định là cứ tu, nhắm mắt tu đũa, tu không suy nghĩ đúng sai phải trái, đã mất công sức tu hành lại còn mất tiền mất của, bỏ đời sống thế gian, bỏ vợ, bỏ con, bỏ cha, bỏ mẹ, bỏ thân bằng quyến thuộc v.v... Chỉ vì muốn thoát khỏi mọi sự đau khổ của cuộc đời, để trở thành bậc Thánh nhân, nhưng lại tu sai đường, Thánh nhân đâu không thấy, giải thoát đâu không thấy, ngấm lại cuộc đời mình mà đau lòng, bị các nhà tôn giáo lừa đảo mà không dám nói ra, ngậm miệng tự an ủi mình, phải tu nhiều kiếp, kiếp này chưa xong thì kiếp khác tu nữa, Phật Thích Ca ngày xưa còn tu vô lượng kiếp mới thành Phật, câu này là câu an ủi nhất của những người bị lừa đảo, tu lạc tà pháp, họ muốn hy vọng hảo huyền để mà hy vọng, để mà sống.

Nhưng trong bài kinh Ước Nguyện Phật dạy tùy theo ý muốn, không có khó



khăn, không có mệt nhọc, không có phí sức, ta chứng được bốn thiên, thuộc tầng thượng tâm hiện tại lạc trú.

Như vậy thiên định tu tập đâu có khó khăn gì, thế mà người tu thiên thời nay lại tu quá khó khăn, tu mãi từ hai ba chục năm, nhưng không thành tựu. Các Tổ như Ngài Đại An 12 năm, Diệu Cao Phong 30 năm mà chỉ có triệt ngộ những công án mà thôi, còn làm chủ sanh tử thì chẳng biết gì, tâm sân hận thì vẫn còn cao ngút. Giải thoát đâu không thấy, làm chủ sanh, già, bệnh, chết đâu không thấy, chỉ thấy được môn mép bén nhạy đối đáp như gió thổi (cơ phong). Còn một số người nữa lại tu vào các loại thiên khác, xuất hồn, khí công, yoga, mật tông luyện bùa, niệm chú, bắt ấn v.v... Biến thành các tu sĩ này, thay vì, tu giải thoát họ lại tu để làm thầy trị bệnh, trừ tà, ếm quỷ hoặc tập luyện dưỡng sinh tức là thiên định biến thái thành phương pháp ngừa bệnh.

Thiên định thời nay biến dần thành phương pháp ngừa bệnh (dưỡng sinh) chứ đâu còn là thiên định làm chủ sự sống chết như thời Đức Phật.

Nhìn sự tu hành của Phật Giáo hiện giờ, ta rất buồn cười thiên định của Phật thì dẹp qua không tu, mà lại tu thiên của ngoại đạo, chỉ vì thiên của ngoại đạo không có giới luật nghiêm túc, đời sống theo dục lạc dễ dàng, ăn uống ngủ nghỉ phi thời.

Do đó tu mãi không kết quả, chạy sang tu các pháp môn khác như Tịnh Độ **“vừa tu Thiên vừa niệm Phật”** như các Tổ Vĩnh Minh, Vân thê, Từ Vân v.v...

Có người chuyển sang Tịnh Độ hẳn chuyên ròng niệm Phật cầu vãng sanh cực lạc như Tổ Tông Bồn, Khánh Anh, Thiện Hoa, Thiện Hòa v.v...

Có người chuyển sang vừa tu Tịnh Độ cầu vãng sanh vừa tu Mật Tông; có người lại chuyển sang qua hẳn Mật Tông, chuyên ròng niệm chú.

Có người tu Tịnh Độ lâu ngày chẳng thấy kết quả gì chuyển qua tu Thiên Tông, lại cũng có người tu Mật Tông lâu ngày chẳng thấy linh ứng chuyển qua tu Thiên Tông. Họ chuyển qua pháp môn này, chuyển lại pháp môn kia tu mãi từ đời này sang đời khác mà chẳng ra gì, vẫn chết trong đau

khổ và còn đau khổ hơn người thế gian.

Hiện giờ người ta tu theo Phật Giáo Đại thừa, cứ chạy theo ba pháp môn Thiền, Tịnh, Mật và chuyển qua chuyển lại tu tập, cứ thế tu tập cho đến bây giờ chẳng ai tu đến đâu, cứ loanh quanh, lẩn quẩn trong vòng lẩn quẩn, loanh quanh.

Có người tu các loại tà thiền Yoga, xuất hồn lại rơi vào trạng thái Định tưởng, có người tu Thiền Đông Độ rơi vào Pháp tướng nên gọi là triệt ngộ.

Tịnh Độ Tông thì rơi vào sắc, thanh tưởng thấy cảnh giới tây phương, Phật Di Đà và Thánh chúng, thấy hoa sen thấy tên họ được đăng ký trên hoa sen và thấy ánh sáng hào quang, nghe Phật Di Đà thuyết pháp v.v.... Đó toàn là sắc thanh tưởng.

Mật Tông thì rơi vào tha tâm tưởng, nên biết chuyện quá khứ vị lai khiến cho mọi người quá nể phục và thường làm trò ảo thuật (thần thông) lừa đảo người.

Tất cả những sự việc đã xảy ra khiến cho người tu tưởng mình đã chứng đạo, nên trong kinh Pháp Môn Căn Bản Phật dạy: “Tất cả những kết quả đó là tướng tri chứ

không phải thực chứng giải thoát (liễu tri).

Bởi vậy, một người tu tìm cầu sự giải thoát mà không sống đầy đủ giới hạnh, đầy đủ giới bổn, sống không phòng hộ sáu căn với sự phòng hộ của giới bổn, không đầy đủ oai nghi chánh hạnh, không thấy sự nguy hiểm trong các lỗi nhỏ nhặt, không chân chánh lãnh thọ và tu học các học giới, thì dù tu ngàn đời Thiên, Tịnh, Mật cũng chẳng đi đến đâu, chỉ uống phí một đời tu hành mà thôi, rồi cũng chạy theo danh, lợi, buôn Phật, bán Pháp mà sống, sống trong cách thức lừa đảo tín đồ để ngồi mát ăn bát vàng.

Thần thông của ngoại đạo do dùng tướng tu tập như: Yoga, Mật Tông, Khí công, Nội công v.v.. Do dùng tướng tu tập nên có thần thông mà tâm dục chưa diệt, ác pháp chưa trừ, nên dễ sa ngã trong nữ sắc, danh, lợi thế gian v.v.... Do sa ngã nữ sắc, danh, lợi thế gian nên thần thông mất dần.

Vì vậy có nhiều vị Giáo chủ mới xuống núi, thanh sắc đầy đủ, uy nghi chánh hạnh nghiêm trang khiến cho mọi người ai cũng kính nể lại có thần thông kêu mây, hú gió, sai binh, khiến tướng, sai đậu thành binh,

tàng hình, biến hóa, đi trên nước lửa như đi trên đất bằng, ngồi trên hư không như thuyền nổi trên nước, đi xuyên qua vách đá, chôn dưới đất mà vẫn sống, đi trong hư không như chim bay v.v..

Những hành động trên đã khiến cho mọi người kính trọng đem dâng cúng của cải, tài sản và ngay cả sắc đẹp không có vật gì mà họ tiếc.

Thử hỏi, thần thông như vậy để làm gì, có ích lợi gì cho loài người đâu? Chỉ là một trò ảo thuật cho người ta xem chơi mà thôi, để cám dỗ những người nhẹ dạ, ham mê thần thông, chứ không thể lường gạt những người đệ tử Phật được.

Chỉ có một hành động lừa đảo gạt người, một vị đạo sư chỉ dùng một tờ báo nấu sôi một nồi nước đã làm cho mọi người kính nể. Nấu sôi một nồi nước chỉ có một tờ báo, hành động đó ích lợi gì cho con người ở thế gian. Vậy mà mọi người vô minh đều kính phục.

Các vị giáo chủ loại này tâm dục chưa trừ, ác pháp chưa diệt, nên khi thấy của cải, tài sản, sắc đẹp thì ham thích nên lần lần

sa ngã và thần thông tướng tiêu mất.

Cho nên thỉnh thoảng báo chí Công an phát giác ra đăng tin, vị giáo chủ này, vị giáo chủ kia, ông đạo này ông đạo kia làm chuyện lừa đảo tín đồ nhẹ dạ.

Ngược lại thần thông của Đạo Phật, không do tu tướng mà có, chỉ dùng pháp hướng như lý đạo tác ý, để ly dục, ly ác pháp, diệt ngã xả tâm, đoạn dứt tâm tham, sân, si, mạn, nghi cùng diệt sạch thất kiết sử. Do tu tập đoạn dứt những điều này mà tâm được thanh tịnh. Nhưng, phải biết rõ, muốn dùng pháp hướng tâm như lý tác ý có hiệu quả, thì phải sống đúng giới luật, lấy giới luật phòng hộ sáu căn, sống đời sống thiếu dục tri túc, oai nghi tế hạnh hỷ hòi, đi đứng trang nghiêm, đức hạnh trọn vẹn, không hề sai sót một lỗi nhỏ.

Thần thông của Đạo Phật là thần thông vô dục, vô ác pháp. Người tu sĩ Đạo Phật, phải biết rõ, vô dục vô ác pháp chỉ do nhờ có giới luật, mới diệt trừ được dục và ác pháp, nên trong kinh Ước Nguyện Phật dạy: ***“Nếu tỳ kheo có ước nguyện: “Mong rằng ta chứng được các loại thần thông, một thân ta hiện ra nhiều***

*thân, nhiều thân ta hiện ra một thân ta hiện hình tất cả các loài vật, biến hình đi ngang qua vách qua thành, qua núi đá như đi ngang qua hư không; ta độn thổ trôi lên ngang qua đất liền như ở trong nước; ta đi trên nước không chìm như trên đất liền, ta ngồi kiết già đi trên hư không như con chim; với bàn tay ta chạm và sờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực, đại oai thân như vậy ta có thể, thân ta có thân thông bay cho đến Phạm Thiên.*

*Muốn được vậy tỳ kheo, hãy sống đầy đủ giới hạnh, đầy đủ giới bổn, sống phòng hộ sáu căn với sự phòng hộ của giới bổn đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong các lỗi nhỏ nhặt, chân chánh lãnh thọ và tu học các học giới.”*

Qua bài kinh Ước Nguyện đối với Đạo Phật, ta muốn những gì để đạt được kết quả theo ý muốn của mình, thì đều phải thực hiện tu tập và sống đúng giới luật đó là một nền tảng vững chắc của Đạo Phật, một nền tảng đạo đức thật sự của loài người. Nếu ai bỏ nền tảng đạo đức vững chắc này, dù tu

tập có tu đúng thiên định của Đạo Phật thì cũng trở thành tà thiên, tà định.

Tại sao vậy?

Tại vì, khi đã lìa khỏi pháp môn căn bản của Đạo Phật, tức là giới luật, một pháp môn đầu tiên trong ba pháp môn vô lậu “Giới, Định, Tuệ” thì người đó dù có tu theo đạo Phật, nhưng vẫn là tu tà đạo.

Bởi vậy, nhìn tu sĩ Phật Giáo hiện giờ, biết Phật Giáo suy hay thịnh, mất hay còn. Không phải ở số đông tu sĩ Phật Giáo, không phải ở chỗ Phật Giáo được chấp nhận là quốc giáo; không phải Giáo Hội Phật Giáo được tổ chức như một quốc gia có tổ chức hẳn hoi, có các trường học từ sơ, trung, cao đẳng để tu sĩ học tập có cấp bằng cử nhân, tiến sĩ.v.v... Cũng không phải ở chỗ xây cất chùa to, tháp lớn, kiến trúc kiên cố vĩ đại mà ở chỗ tu sĩ phải sống đầy đủ giới hạnh, đầy đủ giới bổn sống phòng hộ sáu căn với sự phòng hộ giới bổn, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong các lỗi nhỏ nhặt. Nói tóm lại vị tỳ kheo phải giữ gìn giới luật nghiêm túc thì Phật Giáo mới còn và hưng thịnh, còn chúng tỳ kheo phá giới thì Phật Giáo mất và không hưng thịnh.



Lời di chúc năm xưa của Đức Phật còn vang mãi trong tai chúng ta **“giới luật còn là Phật Giáo còn, giới luật mất là Phật Giáo mất”**.

Hỡi quý vị Tăng, Ni và Cư Sĩ! Quý vị có muốn Phật Giáo trường tồn với loài người trên hành tinh này chăng? Hay để cho Phật Giáo mai một suy tàn chìm mất trong lớp bụi mù dày đặc của tà pháp ngoại đạo (Đại Thừa) đang phủ trùm che khắp.

Nếu muốn Phật Giáo được trường tồn và hưng thịnh mãi mãi đem lại hạnh phúc an vui cho loài người và mọi người trên hành tinh này không còn làm khổ mình, khổ người nữa, thì người cư sĩ đệ tử Phật tại gia hãy giữ gìn giới luật của người cư sĩ mà Đức Phật đã dạy phải nghiêm túc khi thọ Tam quy, Ngũ giới và thập thiện, phải lấy nó phòng hộ cuộc sống của mình, giữ gìn đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong các lỗi nhỏ nhặt, không làm khổ mình khổ người thì Phật Giáo sẽ còn với quý vị, với loài người trên hành tinh này.

Còn Tỳ Kheo Tăng và Tỳ Kheo Ni đệ tử xuất gia của Đức Phật, nếu muốn Phật

Giáo được trường tồn, làm ngọn đuốc sáng soi đường đạo đức cho mọi người trên quả địa cầu này và để có hướng đi tìm chân lý giải thoát, thoát khỏi kiếp sống khổ đau của loài người và cũng chính ngay bản thân của quý vị. Quý vị có muốn làm chủ bốn sự khổ đau sanh, lão, bệnh, tử đang tấn công quý vị hàng giây, hàng phút không? Nếu quý vị lơ đãng thì ôi hô! uổng một kiếp người.

Nếu muốn làm chủ bốn sự khổ đau này thì quý vị đã thọ cụ túc giới phải nghiêm chỉnh sống đầy đủ giới hạnh đầy đủ giới bổn, không được bẻ vụn giới luật như các Tổ đã làm mà quý vị đang chịu ảnh hưởng rất nặng, sống phá giới.

Quý vị hãy bỏ xuống những gì của các Tổ mà phải trở lại sống đúng như Phật, sống phòng hộ sáu căn với sự phòng hộ của giới bổn, phải đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy nguy hiểm trong các lỗi nhỏ nhặt, chân chánh lãnh thọ và tu học các học giới.



## **BỐN ĐỊNH VÔ SẮC**

*Hỏi: Kính bạch Thầy, từ lâu con được nghe Thầy giảng dạy về Tứ Chánh Cần, Tứ Niệm Xứ, Tứ Thánh Định, Tứ Như Ý Túc, Tam Minh v.v...mà chưa hề nghe Thầy dạy Bốn Định Vô Sắc.*

*- Vậy Bốn Định Vô Sắc tu như thế nào?*

*- Tu nó có làm chủ sanh, già, bệnh, chết hay không?*

*- Tu nó có hại gì cho cơ thể và tinh thần không?*

*- Tại sao trong kinh sách Phật không dạy rõ cách thức tu nó?*

**Đáp:** Bốn loại định vô sắc trong kinh Nguyên Thủy Phật dạy rất rõ, nếu muốn đạt được tam vô lậu học giải thoát thì phải vượt qua<sup>2</sup> bốn loại định tướng nhập vào Vô

---

<sup>2</sup> Vượt qua có nghĩa là bỏ qua không cần phải nhập bốn định này, vì bốn loại định này Đức Phật đã được Ngài Kalama dạy nhập Vô Sở Hữu Xứ Tướng Định và Ngài Lam Phát dạy nhập Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Định, những loại định không có quả giải thoát, nên Đức Phật dẹp bỏ, chỉ cần nhập Vô Tướng Tâm Định là tìm thấy được sự giải thoát ngay liền. Cho nên nghĩa vượt qua ở đây là ném bỏ không cần thiết cho sự tu tập theo đường lối của Phật Giáo.

Tướng Tâm Định. Từ nội Vô Tướng Tâm Định này phải tư duy quán xét thì được giải thoát khỏi lậu hoặc vì ở Định Phi Tướng còn nổi ưu phiền là sáu nhập duyên mạng tức là duyên với thân mạng. Người ấy muốn giải thoát thì phải thường hằng tuệ tri hiểu biết về sáu nhập duyên mạng này, cho nên khi nhập vào Vô Tướng Tâm Định thì sáu nhập duyên thân mạng mà không có lậu hoặc như:

1- Loại định này sáu nhập duyên mạng không có dục lậu.

2- Loại định này sáu nhập duyên mạng không có hữu lậu.

3- Loại định này sáu nhập duyên mạng không có vô minh lậu.

Bởi vì lục trần là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp tác động vào thân ta tức mạng sống của ta, nhưng không sanh khởi ba lậu hoặc là nhờ tâm đang ở trong Định Vô Tướng Tâm, Vô Tướng Tâm Định có một trạng thái tỉnh thức cao độ do thế mới tuệ tri được dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu để đẩy lui chúng ra khỏi tâm.

Vô Tướng Tâm Định không giống định

Không Vô Biên Xứ Tưởng Định, là vì còn cái không phải không, tức là còn lục nhập duyên mạng nhưng lục nhập duyên mạng lại không có lậu hoặc nhờ có tuệ tri, nên tất cả các pháp đến đều không tác động được tâm vì thế các pháp đều được xem là không có mặt ở đây, nên được gọi là không có, nhưng đối với cái còn lại là lục nhập duyên mạng thì cái kia có, cái này có, nhưng cái có này hoàn toàn không điên đảo hoàn toàn thanh tịnh, cho nên cái có này mà tâm không dao động, vì thế gọi là **“không tánh”** chứ không phải theo kiểu Tánh không của ông Long Thọ.

Chỗ này là chỗ lầm lạc của các nhà Đại Thừa, vì không có kinh nghiệm tu hành các Ngài tưởng giải Không Tánh hay là Chân Không còn gọi là Chân Không Diệu Hữu, vì còn tuệ tri nên các nhà Đại Thừa gọi là trí tuệ Bát Nhã.

Do bài kinh Tiểu Không này trong kinh Nguyên Thủy, Trung Bộ Kinh, tập 3 trang 291 các Ngài soạn thành một bộ kinh Đại Bát Nhã và cho rằng Đức Phật đã thuyết giảng kinh này 22 năm.

Chúng ta hãy đọc kỹ lại bài kinh Tiểu

Không trong kinh Nguyên Thủy để thấy sự tưởng giải của các Tổ biên soạn ra bộ kinh Đại Bát Nhã vĩ đại đã khiến cho các nhà học giả tốn biết bao nhiêu giấy mực để luận thuyết về **“Tánh Không”**.

Thiền Đông độ lấy bộ kinh Kim Cang Bát Nhã làm cốt tủy của Thiền Tông và lập luận dung hòa để tránh khỏi sự tranh chấp giữa Thiền và Giáo, nhưng người sau không biết tưởng thiền là của Phật thuyết nên mới có sự kiện Thiền Giáo đồng hành ra đời.

**“Lại nữa, này A Nanda vị tỳ kheo không tác ý Vô Sở Hữu Xứ Tướng, không tác ý Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ, tác ý sự nhất trí do duyên Vô Tướng Tâm Định. Tâm vị ấy được thích thú hân hoan an trú, hướng đến Vô Tướng Tâm Định. Vị ấy tuệ tri như sau: “Vô Tướng Tâm Định này thuộc hữu vi, do tâm từ tạo nên. Phàm cái gì thuộc hữu vi do tâm từ tạo nên, cái ấy là vô tướng, chịu sự đoạn diệt, vị ấy tuệ tri như vậy”. Do vị ấy tuệ tri như vậy, thấy như vậy tâm được giải thoát khỏi dục lậu, tâm được giải thoát khỏi hữu lậu, tâm được giải thoát khỏi vô minh lậu.**

*Trong sự giải thoát là sự hiểu biết rằng đã được giải thoát. Vị ấy tuệ tri sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại trạng thái này nữa. Vị ấy tuệ tri các ưu phiền do duyên dục lậu không có mặt ở đây; các ưu phiền do duyên hữu lậu không có mặt ở đây; các ưu phiền do duyên vô minh lậu không có mặt ở đây. Và chỉ ở một ưu phiền này tức là sáu nhập duyên mạng, duyên với thân này. Vị ấy tuệ tri. “Loại tưởng này không có dục lậu vị ấy tuệ tri. Loại tưởng này không có hữu lậu. Vị ấy tuệ tri. Loại tưởng này không có vô minh lậu. Loại tưởng này đã ly hết dục tưởng). Và chỉ có một cái này không phải không tức là sáu nhập duyên mạng, duyên với thân này. Và cái gì không có mặt ở đây, vị ấy xem cái ấy là không có. Nhưng đối với cái còn lại, ở đây vị ấy biết: Cái kia có cái này có. “Này A Nanda, cái này đối với vị ấy là như vậy, thật có, không diên đảo, sự thực hiện hoàn toàn thanh tịnh, không tánh”.*

Qua bài kinh Tiểu Không trên đây quý vị nhận xét kỹ sẽ hiểu không không khác

chúng tôi, chúng tôi cũng đã xác định ở trên Đại thừa dùng bài kinh Tiểu Không này lý luận thành lập hệ thống Bát Nhã, nhưng các Tổ đã đi quá xa thực tế nên biến thành trí tuệ Bát Nhã trừu tượng **“Chân Không”**.

Một cái sai lầm nữa, nếu chúng ta nhận xét không kỹ trong bài kinh Tiểu Không này thì hành giả phải nhập Bốn Định Vô Sắc:

1- Không Vô Biên Xứ Định.

2- Thức Vô Biên Xứ Định.

3- Vô Sở Hữu Xứ Định.

4- Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Định.

Và cuối cùng cũng phải bỏ các loại định này để trở lại nhập vào **“Vô Tướng Tâm Định”**. Ở bài kinh trên Đức Phật xác định: **“Không cần phải tác ý nhập Bốn Định Vô Sắc, mà chỉ cần tác ý nhập “Vô Tướng Tâm Định”**. Ở trạng thái định này hành giả dùng tuệ tri quán xét dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu để tự kiểm lại tâm mình khi lục trần tác động vào thân mà không thấy có lậu hoặc, như vậy chỗ lục trần tác động mà không có các lậu hoặc khởi lên tức



là không có ưu bi sâu khổ tham muốn, chỗ này tức là lục trần duyên mạng, lục trần duyên mạng là cái còn lại của ý thức vô dục chứ không phải của tướng thức dục, nhưng hoàn toàn thanh tịnh vì dục nên không có lậu hoặc, do đó Đức Phật gọi là không tánh của thức tức là **“Vô Tướng Tâm Định”**.

Đức Phật dạy: **“Nhưng đối với cái còn lại, ở vị ấy biết: “Cái kia có cái này có”. Nay A Nanda, cái này đối với vị ấy (Không Tánh) thật có không điên đảo, sự thực hiện hoàn toàn thanh tịnh (lục trần duyên mạng không có lậu hoặc gọi là không tánh).**

Như trên chúng tôi đã dạy, các nhà Đại Thừa và Thiền Đông Độ đã lầm, lấy lục trần duyên mạng (Không Tánh) cho là Chân Không diệu hữu, Tánh Không, Chân Không, Chân Như, Trí Tuệ Bát Nhã v.v.....

Bây giờ chúng ta bắt đầu trở lại con đường tu tập như thế nào, để đi đến Chân Không diệu hữu?

Như trong kinh Tiểu Không Phật dạy: **“Muốn đi vào không tánh này, trước tiên là sẽ tập quan sát cái không của**

***nó. Ví dụ như ngôi nhà chúng ta đang ở đây.***

***1- Không có giường, chõng, bàn, ghế, tủ, rương, đồ đạc v.v.....***

***2- Không có người ở.***

***3- Không có đèn đuốc.***

***4- Không có màn, thảm.***

***Toàn bộ đều trống không, đây chỉ cho không tánh của cái nhà.***

***“Thật vậy này Ananda, điều ông đã nghe là đúng, ghi nhớ là đúng, tác ý là đúng, thọ trì là đúng v.v.....***

***Ví như lâu đài Lộc Mẫu này không có voi, bò, ngựa, không có vàng bạc, không có đàn bà, đàn ông tụ hội và chỉ có một cái nhà không, phải không?”***

Đoạn kinh trên đã xác định không tánh của lâu đài Lộc Mẫu.

Ở đoạn kinh này xác định cách thức tu hành của chúng ta cụ thể rõ ràng về không tánh, chứ không phải như kinh sách Đại Thừa và Thiên Đông Độ dạy chúng ta kiến tánh thành Phật (đốn ngộ ngang xương) vì

thế mà hiện giờ bao nhiêu người đã kiến tánh, rõ thông tánh, thấu triệt tánh, ngộ được tánh, vậy mà chẳng có ai thành Phật được cả. Từ xưa các Tổ cho đến bây giờ ai tu học về Đại Thừa và Thiên Đông Độ một thời gian mọi người ai cũng đều kiến tánh được cả, nhưng đời sống và đức hạnh thì không giống Phật chút nào, sống với tâm sắc dục thấy nữ sắc còn ham mê, thấy danh lợi còn chìm đắm, ăn ngủ phi thời theo thế gian, ai động đến thì tâm sân nổi lên âm ầm.

Kiến tánh thành Phật rồi sao còn như vậy, hễ ai hỏi đạo, hỏi thiền thì đối đáp như nước chảy, như mưa tuôn mà sống thì phi đạo đức, phá giới luật. Đó là những điều tu sai mà đi đến lạc lằm không hay biết, người trước dẫn người sau đi mãi đi mãi mà chẳng đến đâu chỉ có tưởng giải, lý luận quanh co, lừa đảo bằng miệng lưỡi. Người đời không minh mẫn, tu không kết quả mà cứ đeo theo mãi, tưởng trạng thái tĩnh lặng và hỷ lạc là định sao? Định như vậy làm chủ được cái gì? Thấy được Phật Tánh như vậy, rồi ngẫm lại mình làm chủ được cái gì cho cuộc sống này.

Trong sáu năm tu hành, Đức Phật đã thay đổi biết bao nhiêu loại pháp môn. Ngài đã nhập đến Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Định mà còn nghiệm xét thấy không giải thoát đối với cuộc sống đầy khổ đau của kiếp người.

Cho nên, từ Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Định. Người đã bỏ định này để nhập vào Vô Tướng Tâm Định, từ Vô Tướng Tâm Định, Người dùng tuệ tri quán xét lậu hoặc thấy lục nhập duyên mạng mà không khởi dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu, Người biết rằng tâm đã hết lậu hoặc thanh tịnh. Ở trạng thái này Ngài đặt tên là “Không Tánh” tức là tánh không còn lậu hoặc.

Mặc dù làm chủ được cái tâm (tâm vô lậu) không còn tái sanh luân hồi, vì nguyên nhân tái sanh là do tâm tạo nghiệp (nghiệp luân hồi chứ không phải tâm luân hồi, khi người chết nghiệp còn tâm mất). Chỗ này Ngài thực hiện làm chủ được cái tâm, không nói đến làm chủ cái thân, nhưng chúng ta phải biết, tâm đạt đến chỗ này thì nhập định rất dễ dàng chỉ còn tác ý ra lệnh là tiến tới làm chủ thân, tức là phải nhập Tứ Thiên và Tam Minh.

Kết quả trong bài kinh Tiểu Không Phật dạy: ***“sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa”***.

Đoạn kinh này ý nói làm chủ nghiệp, chấm dứt tái sinh luân hồi (không còn trở lui trạng thái này nữa) tu đến đây cũng vừa đủ cho người tìm đạo giải thoát, không cần phải tu tập tới nữa, nếu có tu tập tới nữa là thừa, mà thừa thì chẳng ích lợi gì, phí thì giờ vô ích.

Chỗ này, cần giải thích thêm để quý vị hiểu rõ. Con đường tu hành của Đạo Phật có bốn giai đoạn làm chủ:

- 1- Làm chủ cuộc sống (sanh).
- 2- Làm chủ già (lão).
- 3- Làm chủ thọ (bịnh).
- 4- Làm chủ sự hoại diệt (chết).

Giai đoạn làm chủ sanh có nghĩa là làm chủ cuộc sống, luôn tạo nhân lành nên dù sanh bất cứ nơi đâu cũng đều hưởng phước báo an lạc cho đến khi tu tập chấm dứt sanh tử luân hồi.

Bài kinh “**Tiểu Không**” chỉ cho ở giai đoạn 1 (vô lậu) tâm không còn tham, sân, si (các ác pháp), và lòng tham muốn dục lạc thế gian nữa, nói chung trong bài kinh dạy tu tập rất rõ từ Không Vô Biên Xứ đến Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ, không thấy giải thoát tức là tâm không vô lậu, phải trở lại nhập Vô Tướng Tâm Định mới thấy lậu hoặc sạch, mới làm chủ cuộc sống và nghiệp tái sanh luân hồi.

Vô Tướng Tâm Định là loại định gì?

Vô Tướng Tâm Định là một tên khác của Bất Động Tâm Định. Như trong kinh Tiểu Không đã dạy: “**Khi nhập vào Vô Tướng Tâm Định**” thì dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu không còn, chỉ còn lục nhập duyên mạng mà thôi. Vậy lục nhập duyên mạng là gì?

Lục nhập là lục căn và lục trần, mạng là thân mạng. Câu này có nghĩa là căn, trần tiếp xúc tác động vào thân mạng mà không sanh ra ba lậu hoặc, ở trạng thái này gọi là Vô Tướng Tâm Định.

Ba lậu hoặc là gì? Ba lậu hoặc là tham, sân, si, dục lậu ứng cho tâm tham, hữu lậu

ứng cho tâm sân và vô minh lậu ứng cho tâm si. Như vậy nhập vào Vô Tướng Tâm Định thì tham, sân, si không có, cũng như nhập vào Bất Động Tâm Định thì tâm tham, sân, si cũng không có, tức là ba lậu hoặc không còn. Như vậy Bất Động Tâm Định và Vô Tướng Tâm Định chỉ là một loại định mà hai tên khác nhau.

Bất Động Tâm Định là một tên khác của Sơ Thiền, vì Sơ Thiền phải ly dục ly ác pháp, mà đã ly dục ly ác pháp thì tâm không còn tham, sân, si, tâm không còn tham sân, si tức là ba lậu hoặc cũng không có, như vậy nhập Vô Tướng Tâm Định, Bất Động Tâm Định là nhập Sơ Thiền.

Cho nên trong bài kinh Tiểu Không Đức Phật đã xác định rõ ràng, dù nhập đến Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ vẫn phải bỏ, vì không hết lậu hoặc nên phải nhập lại **“Sơ thiền”**, bằng một cái tên khác, nhưng xét cho cùng tận chúng ta cũng nhận ra nó là Sơ Thiền, một loại thiền trong Tứ Thánh Định.

Chỉ có Sơ Thiền tâm vô lậu mới làm chủ cuộc sống (sanh) nhưng chưa hoàn tất con đường tu nên phải tiếp tục đạt đến tuệ

Tam Minh để quét sạch mầm mống lậu hoặc tái sanh luân hồi. Người tu sĩ không thực hiện được Tam Minh thì không thể nào chấm dứt luân hồi.

Từ Nhị Thiên đến Tứ Thiên, các loại định này làm chủ già, bệnh, và chết và duy nhất chỉ có pháp môn **“Tứ Thánh Định”** này mới làm chủ bốn sự khổ đau của kiếp người.

Bây giờ chúng ta trở lại vấn đề **“không tánh”**. Như chúng ta ai cũng biết, mọi vật, tức là từ con người đến loài vật không một ai mà không gây ưu phiền cho nhau, như vậy không thể nào có không tánh được. Chúng ta lần lượt loại trừ ra người và vật thì ta còn lại cỏ, cây, đất, đá, núi, sông v.v... Như vậy ta không tác ý người và vật thì tâm ta không tánh người vật (không khởi niệm người vật) chỉ còn cỏ, cây, đất, đá, núi, rừng như vậy không này chưa phải là không.

Nhưng ta thấy rằng tâm ta không người vật thật có không điên đảo, sự thực hiện như vậy tâm ta thanh tịnh người vật không có, nên không gây ưu phiền cho ta đó là thanh tịnh không tánh người vật.



Trong bài kinh Phật dạy: **“*Này Ananda, Tỳ kheo không tác ý những tưởng, chỉ tác ý nhất trí do duyên lâm tưởng. Tâm của vị ấy được thích thú hân hoan, tưởng đến lâm tưởng. Vị ấy tuệ tri như sau “Các ưu phiền do duyên thôn tưởng, nhân tưởng, không có mặt ở đây và chỉ có một ưu phiền này do duyên lâm tưởng v.v..”*** Như vậy, ***này Ananda, cái này đối với vị ấy là như vậy thật có không điên đảo, sự thực hiện hoàn toàn thanh tịnh không tánh***”.

Để xác định cái không đầu tiên và để chúng ta nhận xét, cái nhà trống không và so sánh với cái tâm không niệm tức là **“*không vô biên xứ*”**.

Khi ở trong tạng thái Không Vô Biên Xứ ta tuệ tri các ưu phiền do duyên niệm thiện niệm ác không có mặt ở đây và chỉ có một ưu phiền này (là không tiến tới đâu được nữa) tức là Không Vô Biên Xứ Tưởng. Nhưng Không Vô Biên Xứ Tưởng có tức là niệm thiện ác vẫn còn có mặc dù cái Không Vô Biên Xứ này thật sự thực hiện hoàn toàn thanh tịnh, không tánh đối với niệm thiện niệm ác nhưng trong lúc nhập Không

Vô Biên Xứ còn khi xuất ra khỏi Không Vô Biên Xứ thì niệm thiện niệm ác vẫn còn nguyên vẹn như trên chúng tôi đã nói. Vì thế nhập Không Vô Biên Xứ không bao giờ có giải thoát,

Chỗ này kinh sách Đại Thừa làm tướng khi nhập vào Không Vô Biên Xứ Tướng, các Ngài cho là Phật Tánh nơi đây, nên các kinh Đại Thừa dạy: **“Ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”** hoặc **“Bồ Tát độ hết chúng sanh thì thành Phật”** hoặc **“Nhược dĩ sắc kiến ngã, dĩ âm thanh cầu ngã vị nhân hành tà đạo, bất năng kiến Như Lai”** chỗ này Thiền Đông Độ dạy: **“chẳng niệm thiện niệm ác bản lai diện mục hiện tiền”**. Tu đến đây tức là nhập Bốn Định Vô Sắc không thấy có sự giải thoát cho nên Đức Phật dạy: **“Phải nhập Vô Tướng Tâm Định”**, khi Đức Phật nhập Vô Tướng Tâm Định thì Ngài mới thấu rõ và xác định Bốn Định Vô Sắc: **“Cái kia có, cái này có, cái kia không cái này không”**, do như vậy Bốn Định Vô Sắc không giải thoát, còn ngược lại Vô Tướng Tâm Định thì khác: **“Cái này có nhưng lại cái kia không tức là có lục nhập duyên mạng mà không có ba lậu hoặc”**, do chỗ này các nhà học

giả Bát Nhã dựa vào bài kinh Tiểu Không này lý luận: **“Sắc tức thị không không tức thị sắc”** có tức là không, không tức là có, từ đó trí tuệ Bát Nhã thành hình để đập phá các luận giải của các bộ phái.

Dựa vào chỗ **“Không Tánh”** này các nhà Đại Thừa thành lập trí tuệ Bát Nhã, lấy trí tuệ Bát Nhã tưởng này lý luận đập phá hết cả giáo lý Phật Giáo (trung quán luận) do ngài Long Thọ tưởng luận ra.

Sau này các vị thiên sư Đông Độ không chấp nhận **“Chẳng niệm thiện niệm ác”** là cứu cánh trong Pháp Bảo Đàn Kinh tức lời của Lục Tổ Huệ Năng dạy, nên bảo: **“Vô tâm còn cách lối rào”**. Do đó các Ngài (Tổ Sư Thiên) tiến tới vượt qua Không Vô Biên Xứ, nhập vào Thức Vô Biên Xứ, nơi đây các ngài chấp nhập được xem là **“Phản bổn hoàn nguyên”, “phủ trùm vạn hữu”**. Nên bà Bàn Long Uẩn nói: **“Dễ dễ trên đầu trăm cỏ ý tổ sư”** hay **“Sáng sáng, đầu trăm cỏ, sáng sáng ý tổ sư”**. Thiên Đông Độ tu đến đây được xem như viên mãn.

Đối với Đạo Phật sự tu tập của Thiên Đông Độ và Đại Thừa mới nhập được hai

loại Định Vô Sắc mà vội cho là chứng đạo. Cho nên tâm dục chưa hết, danh, lợi chưa trừ, bản ngã chưa diệt, vì thế các Ngài tự tôn mình là Đại Thừa, Tối Thượng Thừa v.v...

Lời nói này chúng tôi khuyên quý vị đừng tin nơi chúng tôi mà cứ suy ngẫm sự tu hành của quý vị đã tu Thiền Đông Độ từ năm 10 năm đến 20 năm mà bây giờ quý vị tu đã đến đâu? Thì quý vị tự biết, quý vị có làm chủ sanh, già, bệnh, chết hay không? Chắc điều này quý vị rõ hơn ai hết.

Trong kinh sách Nguyên Thủy Đức Phật đã xác định rõ ràng: Từ Không Vô Biên Xứ đến Thức Vô Biên Xứ. Cách thức tu tập do tâm thích thú, hân hoan an trú hướng đến tâm không (không niệm thiện ác) do sự thích thú hân hoan ấy nên nhất trí tác ý **“không”**, Tổ Huệ Khai khi chứng thiền bằng **“tâm không” “không, không, không, không”** bài kệ chứng đạo Ngài còn lưu lại.

**“Vô vô vô vô vô “**

**“Vô vô vô vô vô “**

**“Vô vô vô vô vô”**

**“Vô vô vô vô vô “**

Theo như lời hỏi của cô Diệu Quang tu Bốn Định Vô Sắc như thế nào?

Như trong bài kinh Tiểu Không Phật đã dạy và chúng ta nhận xét cái không, khi đã thông hiểu cái không thì cái không ở tâm tức là không niệm thiện niệm ác, tâm không có niệm thiện ác tức là ý thức thanh tịnh, ý thức thanh tịnh không liên hệ ngũ căn là Không Vô Biên Xứ Định, lời dạy này Đức Phật đã xác định một cách rõ ràng trong Kinh Tương Ứng.

Cách thức tu nó chỉ giữ tâm chẳng niệm thiện niệm ác như các thiền sư đã dạy: **“Giữ ông chủ, chặn trâu, biết vọng liền buông”**, sau này các thiền sư lại chế ra pháp tu **“tham thoại đầu, tham công án”** và cuối cùng thì niệm danh hiệu Phật Di Đà tức là **“Niệm Phật là ai?”** Đây là những pháp môn tu ức chế tâm tối đa mà các Tổ đã tu sai lọt vào tướng giải mới sản sanh ra những pháp môn như vậy, khiến cho người đời sau tu hành chẳng đi đến đâu mà trở thành phế nhân, bệnh thần kinh, uổng phí một đời người. Nếu không thức tỉnh nhận ra kịp thời ngăn chặn những tà

pháp này thì hậu không lường cho đời sau, những người có nhiệt tâm tìm tu giải thoát.

Loại thiền định này tu chẳng làm chủ được cái gì cả cho kiếp sống con người, chỉ có được trạng thái an ổn (xúc tướng hỷ lạc) và triển khai được tướng tuệ, triệt ngộ mà thôi (ngộ kinh sách Đại Thừa và công án Thiền Tông).

Muốn tu tập 4 loại Định Vô Sắc này như trong kinh Tiểu Không Phật đã dạy: Tỷ kheo nên tác ý Không Vô Biên Xứ và tâm thích thú hân hoan với trạng thái **“Không”** này thì sẽ đạt Không Vô Biên Xứ, không mấy khó khăn.

Muốn nhập Thức Vô Biên Xứ thì không ưa thích, hân hoan trạng thái không và không tác ý Không Vô Biên Xứ, chỉ nên tác ý Thức Vô Biên Xứ, tu tập như vậy một thời gian sau Thức Vô Biên Xứ hiện tiền hay ở trong trạng thái Không Vô Biên Xứ mà tâm đừng chạy theo tức là đừng bám trụ hỷ lạc của Không Vô Biên Xứ Tướng mà phải giữ **“Thức”** đừng cho mất và tác ý Thức Vô Biên Xứ, rồi sanh tâm ưa thích, hân hoan với nó, tu tập như vậy một thời gian sau thì Thức Vô Biên Xứ sẽ hiện tiền không còn ở

trong trạng thái Không Vô Biên Xứ nữa.

*“Này Ananda, tỳ kheo không tác ý Địa Tưởng, không tác ý Không Vô Biên Xứ Tưởng, chỉ tác ý Thức Vô Biên Xứ với sự nhất trí. Tâm vị ấy thích thú hân hoan, an trú hướng đến Thức Vô Biên. Vị ấy tuệ tri như sau: Các ưu phiền do duyên địa tưởng không có mặt ở đây; các ưu phiền do duyên Không Vô Biên Xứ Tưởng không có mặt ở đây và chỉ có một ưu phiền này, tức là sự nhất trí do duyên Thức Vô Biên Xứ. Vị ấy tưởng tri “loại tưởng này không có địa tưởng, loại tưởng này không có Không Vô Biên Xứ Tưởng, và chỉ có một cái này không phải không, tức là sự nhất trí do duyên Thức Vô Biên Xứ Tưởng”. Và cái gì không có mặt ở đây vị ấy xem cái ấy là không có. Nhưng đối với cái còn lại, ở đây vị ấy tuệ tri. “Cái kia có cái này có”, Này A nanda cái này đối với vị ấy là như vậy, thật có không điên đảo, sự thực hiện hoàn toàn thanh tịnh không tánh”.*

Trong đoạn kinh này Đức Phật đã xác định, dù là nhập được Không Vô Biên Xứ

Tưởng nhưng vẫn còn ưu phiền cho đến Thức Vô Biên Xứ Tướng, Vô Sở Hữu Xứ Tướng, Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Tướng vẫn còn ưu phiền. ***“và chỉ có một ưu phiền này, tức là sự nhất trí do duyên phi tướng phi phi tướng xứ tướng”***.

Đến khi nhập Vô Tướng Tâm Định thì mới chấm dứt ưu phiền, mới làm chủ được cuộc sống và chấm dứt luân hồi, còn bốn loại Định Vô Sắc kia còn ưu phiền nên chưa được giải thoát, vì thế Đức Phật nhập Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Tướng Ngài nhận thấy tâm còn ưu phiền không giải thoát nên liền rời bỏ vị thầy dạy mình tu tập định này.

***“Lại nữa, này A nanda, vị tỳ kheo không tác ý Vô Sở Hữu Xứ Tướng và Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ tướng, chỉ tác ý sự nhất trí do duyên Vô Tướng Tâm Định. Tâm vị ấy thích thú, hân hoan, an trú hướng đến Vô Tướng Tâm. Vị ấy tuệ tri như sau ; Vô Tướng Tâm Định này hữu vi do tâm tự tạo nên. Phàm cái gì thuộc hữu vi do tâm tự tạo nên, cái ấy là vô thường chịu sự đoạn diệt. Vị ấy tuệ tri như vậy thấy như vậy, tâm được***



***giải thoát khỏi dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. trong sự giải thoát là sự hiểu biết rằng đã được giải thoát sanh đã tận v.v...”***

Đến đây chúng ta mới thấy rõ những người tu định tướng không bao giờ có giải thoát (bốn định vô sắc thuộc vô vi) nên phải trở về định hữu vi vô tướng tâm, Định Hữu Vi Vô Tướng Tâm thuộc về định hữu sắc, do tu tập định hữu vi nên mới có được giải thoát hoàn toàn còn định tướng vô sắc nên tu tập không giải thoát.

Tóm lại bốn loại định tướng tu chẳng có lợi ích gì, còn mất công tu tập và mất thì giờ vô ích, chẳng có làm chủ được gì cả, chỉ có vọng ngữ là hơn hết.

Tu nó, nếu không biết cách ức chế tâm cho hết vọng tưởng, căng thần kinh óc, mặt sanh ra bệnh tật (rối loạn cơ thể) có khi điên khùng mà người ta gọi là ***“tẩu hỏa nhập ma”***, hoặc rơi vào pháp tướng, chuyên lý luận, Những kẻ tu thiền này rơi vào những trạng thái tướng thì rất khó xả bỏ. Những ai đã tu sai lọt vào những loại thiền bệnh này thì hết phương cứu trị.

Đọc đến đây quý vị cứ suy ngẫm con đường mình đang tu thì sẽ rõ, đừng nghe lời chúng tôi nói trên đây mà hãy nghiệm xét lời Phật dạy và lời chúng tôi nói, đúng hay sai thời gian sẽ trả lời quý vị.

--->❖<---

## VỌNG-TƯỚNG

*Hỏi: Kính bạch Thầy, trong khi tọa thiền hoặc đi kinh hành khéo giữ tâm đừng cho niệm khởi, niệm khởi tức là vọng - tưởng, có vọng - tưởng thì không thể nào gọi là thiền - định, có phải vậy không thưa Thầy? Vậy cúi mong Thầy chỉ dạy cho chúng con hiểu rõ chỗ này.*

**Đáp:** Ưc chế vọng tưởng không cho niệm khởi, tức là ức chế tâm, ức chế tâm tức là ứ chế tâm tham, sân, si, ức chế tâm tham, sân, si sẽ rơi vào định tướng (Không Vô Biên Xứ Tướng)

Vọng tưởng là gì?

Vọng tưởng là những tư niệm lăng xăng tự động khởi niệm trong đầu phần nhiều thuộc về quá khứ và vị lai (hồi niệm, hồi ức) Những tư niệm này căn gốc đều do

lòng ham muốn và ác pháp sanh ra, nên kinh sách Nguyên Thủy gọi là tâm ác.

Tâm ác là những suy tư, nghĩ tưởng làm khổ mình, khổ người. Theo kinh sách Nguyên Thủy có hai loại tâm đi song nhau, nên có bài kinh gọi là Kinh Song Tâm. Kinh Song Tâm dạy chúng ta tư duy quán xét để thấu rõ:

1 - Tâm ác.

2 - Tâm thiện.

Người tu theo Đạo Phật lúc nào cũng cảnh giác, ngăn chặn và diệt tâm ác. Ngược lại lúc nào cũng tăng trưởng tâm thiện, sống trong tâm thiện.

Bài Kinh Song Tâm trong tập 1 Trung Bộ Kinh trang 261 Phật dạy: ***“Khi Ta chưa thành Chánh Giác còn đang tu, Ta suy nghĩ như sau: “Ta sống suy tư và chia sự suy tư làm hai phần Phàm có dục tâm, sân tâm, hại tâm nào. Ta phân thành phân thứ nhất. Phàm có ly dục tâm, vô sân tâm và vô hại tâm nào. Ta phân thành Phân thứ hai”.***

Như ở trên chúng tôi đã dạy, phàm

làm người đều có hai sự suy tư:

1 - Suy tư ác.

2 - Suy tư thiện.

Suy tư ác thì phải ngăn chặn và đoạn diệt, suy tư thiện thì nuôi lớn và tăng trưởng, như trong kinh **“Tứ Chánh Cần”** Phật đã dạy: **“Ngăn ác diệt ác, sanh khởi thiện tăng trưởng thiện”**.

Suy tư nào ác sẽ làm khổ mình, khổ người, Suy tư nào thiện sẽ không làm khổ mình khổ người, tức đó là cách thức tu tập tâm ly dục, ly ác pháp, diệt ngã, xả tâm.

Khi phân ra được hai dạng suy tư. Bấy giờ ta quyết tâm sống không phóng dật, nhiệt tâm siêng năng tỉnh giác. Khi có niệm khởi lên, ta quán xét niệm ấy có làm khổ mình khổ người không? Nếu niệm ấy đưa đến khiến ta phiền não, khiến ta mất an vui, thanh thản, cũng như niệm đó khiến cho người khác mất an vui thanh thản, thì đó là niệm ác. Khi ta biết nó là niệm ác thì niệm ấy liền biến mất, và tiếp tục quán xét cho thông suốt để trừ bỏ, xả ly và đoạn dứt. Đó là cách thức tu tập thiền định của Đạo Phật.

***“Khi đã phân chia làm hai thứ niệm ác và thiện xong Đức Phật khép mình trong khuôn khổ tu tập. Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm tinh cần. Khi dục tâm (niệm ưa thích) khởi lên. Ta tuệ tri: Dục tâm này khởi lên nơi Ta và dục tâm này đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai diệt trí tuệ (làm mất trí tuệ) dự phần vào phiền não, không đưa đến niết bàn. Chư Tỳ Kheo khi Ta suy tư như vậy; Dục tâm này đưa đến tự hại, thì dục tâm này được biến mất. Chư Tỳ Kheo khi Ta suy tư; Dục tâm này đưa đến hại người, dục tâm được biến mất. Chư Tỳ Kheo khi Ta suy tư: Dục tâm đưa đến hại cả hai, dục tâm được biến mất. Chư Tỳ Kheo khi Ta suy tư: Dục tâm diệt trí tuệ, dự phần vào phiền não, không đưa đến niết bàn, dục tâm được biến mất. Chư Tỳ Kheo như vậy Ta tiếp tục trừ bỏ xả ly và đoạn tận dục tâm”.***

Đọc đoạn kinh trên quý vị cần suy nghĩ kỹ. Phật dạy chúng ta xả tâm, ly dục, ly ác pháp, diệt ngã bằng những niệm ác khởi lên trong tâm, khi ta biết nó là niệm ác làm ta khổ, người khác khổ, làm hại ta, hại

người khác và làm mất trí tuệ giải thoát của ta, đưa đến khổ đau, phiền não v.v.. Khi ta biết như vậy thì tự nó biến mất. Và cứ tiếp tục tu tập xả ly tâm và đoạn tận từng niệm như vậy, thì tâm chúng ta được thanh tịnh, đời sống chúng ta được giải thoát hoàn toàn không còn khổ đau phiền não nữa.

Ở đây, quý vị chỉ cần thấy được niệm ác khởi lên trong tâm, nó là sự nguy hại, hạ liệt, ố nhiễm, đau khổ thì quý vị sẽ trừ bỏ, xả ly, đoạn tận, viễn ly, khi trừ bỏ, xả ly, đoạn tận thì sự lợi ích rất lớn đến với quý vị, sự thanh tịnh của tâm và các thiện pháp sẽ hiện tiền trước mắt, tâm quý vị sẽ được hoàn toàn an lạc và thanh thản.

***“Chư Tỳ Kheo, trong khi Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm tinh cần như vậy, khi ly dục tâm khởi lên. Ta tuệ tri như vậy: Ly dục tâm khởi lên nơi Ta và ly dục tâm này không đưa đến tự hại, không đưa đến hại người, không đưa đến hại cả hai; tăng trưởng trí tuệ, không dự phần vào phiền não đưa đến niết bàn. Chư Tỳ Kheo nếu ban đêm Ta suy tư quán xét (về sự ly tâm) mà không ly tâm ác thì Ta thấy sợ hãi, dù rằng***

***ban ngày Ta cũng sợ hãi. Chư Tỳ Kheo nếu ban đêm lẫn ngày, Ta suy tư quán xét quá lâu, thân ta có thể mệt mỏi, khi thân mệt mỏi thì tâm bị dao động, khi tâm bị dao động thì tâm rất khó định tĩnh. Nay chư Tỳ Kheo, rời tự nội thân Ta trấn an tâm, trấn định tâm, khiến được nhất tâm, khiến thành định tĩnh. Vì sao vậy? Vì để tâm Ta khỏi dao động”.***

Độc đoạn kinh này Phật dạy: khi ta tu tập ly dục, ly ác pháp do sự tư duy quán xét lâu quá khiến thân ta mỏi mệt và do mỏi mệt tâm ta bị dao động nhưng cuối cùng nội thân chúng ta phải tự trấn an, định tĩnh. Chỗ này chỉ cần chúng ta quán xét cố gắng ly tầm dục và ác pháp dù chúng ta có mỏi mệt nhưng phải cố gắng tiếp tục quán xét để ly tầm dục và ác pháp cho được. Ở đây chúng ta cũng phải hiểu sự mỏi mệt cũng là một ác pháp, vì thế chúng ta đừng nên dao động tâm mà tiếp tục sự tu hành đẩy lui các chướng ngại pháp trong đó có pháp mỏi mệt. Sự mỏi mệt đến mức độ nào đó là nội thân ta tự nhiên phản xạ hoặc ta quán xét trấn an và định tĩnh tâm tức là tâm không dao động về sự mỏi mệt, khi đó ta liền đạt được nhất tâm.

Ở đây chúng ta quán xét để ly dục ly ác pháp (tâm dục) thì chúng ta đạt được nhất tâm, chứ không như kinh sách Đại Thừa và Thiền Đông Độ dạy tu ức chế tâm (chẳng niệm thiện niệm ác để được nhất tâm).

Hai cách thức tu tập khác nhau rất xa; một bên thì ức chế không cho niệm thiện niệm ác khởi để được nhất tâm; một bên quán xét xả tâm ly dục ly ác pháp để được nhất tâm.

Một bên ức chế tâm để được nhất tâm, rơi vào định tưởng nên đạt được tướng pháp, không làm chủ sanh, già, bệnh, tử, chạy theo tướng dục, sanh tâm ngã mạn cống cao, dính mắc kiến chấp Phật Tánh. Rơi vào tà đạo, không có đạo lực nên không điều khiển sự sống chết và thọ được, biến Phật Giáo vô ngã ác pháp thành Phật Giáo hữu ngã vô vi.

Một bên thì xả tâm ly dục ly ác pháp, nên tâm thanh tịnh tham, sân, si mạn, nghi không còn. Do sự thanh tịnh tâm, nên tâm có đạo lực làm chủ được sự sống chết, thực hiện Tứ Như Ý Túc và Tam Minh.

Nếu một người quyết tâm ly dục ly ác



pháp thường theo pháp như lý tác ý thì tâm có khuynh hướng sẽ ly dục ly ác pháp và tâm ly dục ly ác pháp thì nội thân được trấn an tâm, trấn tĩnh khiến tâm được nhất tâm và định tĩnh. Khi tâm tự nhất tâm, định tĩnh, lúc bấy giờ tự tâm phát dừng mãi, tinh tấn không có tiêu cực, niệm không tán loạn được an trú, khinh an, không có cuồng nhiệt, tâm luôn định tĩnh, nhất tâm. Khi ấy ta nhập Sơ Thiền, Nhị Thiền, Tam Thiền và Tứ Thiền bằng sức tịnh chỉ thanh tịnh của tâm. Cuối cùng sức thanh tịnh tịnh chỉ của tâm đó, ta thực hiện Tứ Như Ý Túc và Tam Minh một cách dễ dàng không có mệt nhọc, không có khó khăn.

***“Chư Tỳ Kheo, nếu Tỳ Kheo suy tư, quán xét nhiều về ly dục tâm, vị ấy từ bỏ dục tâm. Khi tâm đã đặt nặng về ly dục tâm, tâm vị ấy có khuynh hướng về ly dục tâm..... Chư Tỳ Kheo, ví như về cuối mùa hè, khi tất cả lúa gạo cất vào kho thóc, một người mục đồng giữ các con bò. Khi người mục đồng ở dưới gốc cây hay ở ngoài trời, người ấy có thể nghĩ đến có việc cần phải làm và người ấy nghĩ: “Đây là những con bò”. Chư Tỳ Kheo cũng vậy ở đây có việc cần phải***

*làm và ta nghĩ: “Đây là những pháp”.*

*“Chư Tỳ Kheo. Ta phát tâm dũng mãnh, tinh tấn, không có tiêu cực, niệm không tán loạn được an trú, tâm được khinh an, không có cuồng nhiệt, tâm được định tĩnh, nhất tâm. Ta ly dục ly ác pháp chứng và trú Thiền Thứ Nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tâm tứ. Diệt tâm tứ, Ta chứng và trú Thiền Thứ Hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh. Không tâm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú. Ta chứng và an trú Thiền Thứ Ba. Xả lạc, xả khổ diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước. Ta chứng và trú Thiền Thứ Tư không khổ, không lạc xả niệm thanh tịnh”.*

Đến đây quý vị đã hiểu rõ bài kinh Song Tâm Đức Phật đã chỉ dạy cặn kẽ rõ ràng chỉ còn chúng ta có quyết tâm tu hay là không tu mà thôi.

Đường lối tu tập của Đạo Phật không phải diệt niệm thiện, niệm ác, mà phải xa lìa lòng ham muốn và các ác pháp trong tâm ta, sống và nuôi lớn thiện pháp, nghĩa

là diệt tâm ác mà sống tâm thiện, tức là ly dục ly ác pháp, để đem lại cuộc sống an vui và hạnh phúc cho mình, cho người.

Khi sống với tâm thiện thì tâm ta thanh tịnh không có hoàn cảnh, đối tượng nào, khiến tâm ta dao động, do đó gọi là tâm giải thoát không còn khổ đau vì cuộc sống làm người. Người sống được như vậy gọi là nhập Bất Động Tâm Định hay là nhập Vô Tướng Tâm Định.

Tâm thanh tịnh (tâm như đất) là tâm thiên định của Đạo Phật, chứ không phải tâm hết vọng tưởng (chẳng niệm thiện niệm ác). Tâm hết vọng tưởng chỉ là tà thiên, tà định của ngoại đạo.

Tâm thanh tịnh là tâm có đủ đạo lực sai khiến (điều khiển) và làm chủ được sanh già, bệnh, chết tức làm chủ nhân quả hay còn gọi là làm chủ sự sống chết (muốn chết lúc nào chết cũng được, muốn sống lúc nào sống cũng được, gọi là tự tại sanh tử hay là ra vào nhà sanh tử).

Bởi vậy kinh sách Phật dạy tu tập thiên định không khó mà không sợ điên khùng loạn óc (tẩu hỏa nhập ma) chỉ có duy

nhất chuyên tu xả tâm mà thôi, để đạt được một tâm hồn thanh thản, an lạc, từ đó nhập các định làm chủ sự sống chết dễ như trở bàn tay.

Tà kiến, ác pháp mà quý vị đang theo tu, không chịu xả tâm mà cứ mãi ức chế tâm cho hết niệm thiện niệm ác thì quý vị rơi vào tà định, tà thiên thì ngàn đời muôn kiếp quý vị tu chẳng tới đâu cả, chỉ uổng công tu mà thôi.

Cho nên, Phật bảo chúng ta phải sống đúng tám nẻo gọi là “**bát chánh đạo**” tám nẻo dẫn tâm đến chỗ xả ly không còn đau khổ, phiền não làm chủ cuộc sống. Ngược lại quý vị sống không hiểu rõ đường lối của Phật dạy bị kinh sách phát triển Đại Thừa và Thiền Đông Độ lừa đảo, tu chết người mà chẳng ra gì.

Nếu người trước cho chí người sau này mệnh nói Bát Chánh Đạo mà sống thì trong Bát Tà Đạo:

1-Tà kiến

2-Tà tư duy

3-Tà ngữ

4-Tà nghiệp

5-Tà mạng

6-Tà tinh tấn

7-Tà niệm

8-Tà định

Trong Kinh Song Tầm Phật nhắc nhở các vị Tỳ Kheo: ***“Chư Tỳ Kheo, con đường nguy hiểm chỉ là con đường tà đạo có tám ngành, tức là tà tri kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định”.***

Những điều tu sai, ức chế tâm, đó là tà định, sống phạm giới, bẻ vụn giới, không lấy giới luật phòng hộ sáu căn, sống cuộc đời không thiếu dục tri túc, ăn uống phi thời là sống trong tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà niệm. Điều này chắc ai cũng biết, biết mà nói ra, nói ra sẽ đụng chạm mọi người, vì tu sĩ Phật Giáo hiện giờ đều sống tu trong Bát Tà Đạo; vì con đường của Phật Giáo hiện giờ tu sĩ đều thực hành pháp của ngoại đạo, từ pháp môn niệm Phật để được nhất tâm, đến pháp môn niệm Phật cầu vãng sanh đều là hướng đi

của ngoại đạo biến dần người tu sĩ Tịnh Độ làm thầy cúng giống như các vị Bà La Môn cúng tế. Chùa có cuộc sống như gia đình thế gian, có vợ con làm đủ mọi nghề sanh sống, thậm chí còn làm nghề bắt tôm, nuôi cá, tu sĩ chỉ còn là chiếc áo và cái đầu cạo trọc mà thôi.

Mật Tông đưa các thầy tu tập đi đến đạt thần thông, phép lạ để làm thầy trị bệnh, trừ tà, ếm quỷ biến dần vị Tỳ Kheo thành một vị phù thủy. Những vị thầy này thường xưng là Giáo Chủ, bày nhiều trò, lừa đảo gạt người cúng tiền của và cả tình yêu. Pháp môn tu hành bày ra nhiều điều gọi tâm dục khiến cho con người dễ sa ngã vào đường tội lỗi.

Thiền Tông thì khéo léo hơn hai tông trước, nhưng lại xây dựng một thế giới niết bàn thường, lạc, ngã, tịnh tuyệt vời, cao vòi vọi như **“Phật tánh”** qua những ngôn ngữ rất kêu. **“Kiến tánh thành Phật”**, giác ngộ, triệt ngộ, chứng ngộ.vv..” nhưng lại phạm giới, phá giới luật. Sống không thiếu dục tri túc, không phòng hộ sáu căn, tuy ngoài miệng nói không dính mắc nhưng cuộc sống đều dính mắc tất cả.

Đọc bài Kinh Song Tâm quý vị hiểu rõ Đạo Phật không diệt vọng tưởng cũng không dừng vọng tưởng, mà chỉ biết vọng thiện, vọng ác, để biết tâm mình có ly dục, ly ác pháp chưa, thì hãy cố gắng xả ly tâm ác của mình (tham, sân, si) còn tâm thiện thì luôn luôn sống với nó. Chỉ xả tâm ác chứ không phải xả niệm ác, còn Thiền Tông thì xả niệm ác, niệm thiện mà không xả tâm ác nên tu mãi, kết quả chẳng có gì, chỉ vì tu sai pháp.

Trên đây là nói về phần **“tâm”**, còn **“tứ”** thì chưa nói đến. Bên Thiền Tông khi giữ tâm chẳng niệm thiện niệm ác, tự chủ khởi ra một niệm gì thì Thiền Tông cho đó là **“vọng tưởng”**. Nếu tác ý tức là **“tứ”** thì Thiền Tông cũng không chấp nhận, cho đó là vọng tưởng và tu như vậy không đúng trạng thái tâm vô niệm của Thiền Tông vì còn tùy ý, phải giữ tâm niệm không có một niệm nào xen vào thì mới gọi là thiền định. Cho nên vào thế kỷ thứ 18 các thiền sư Trung Hoa chế ra pháp môn tham thoại đầu và khán công án vốn những pháp này ức chế tâm rất cao độ, gọi là lấy độc diệt độc. Do chỗ ức chế tâm cao độ, nên con đường Thiền tông bế tắc không còn lối tu tiến tới

được nữa.

Tuy chế ra pháp môn ức chế tâm như vậy, nhưng người tu khó đạt thành **“tâm không”**, vì ở tâm không niệm sanh ra nhiều trạng thái tướng, dễ lạc vào tà thiên. Người có khả năng ức chế gom tâm được thì rơi vào Pháp tướng mà Thiền Tông gọi là **“Triệt ngộ”** tướng giải toàn bộ kinh sách Đại Thừa và 1700 công án.

Người không ức chế và gom tâm được thì tu chẳng đến đâu, chỉ kiến giải lượm lặt lại đờm dãi của người xưa rồi nói thiền nói đạo chứ chẳng biết thiền đạo là gì.

Cho nên người tu theo Thiền Tông nghe tác ý trong lúc ngồi thiền đều cho đó là vọng tưởng. Không ngờ sự tu tập **“như lý tác ý”** lại biến thành một đạo lực siêu việt làm chủ được thân tâm muốn sống muốn chết dễ dàng, không có khó khăn, không có mệt nhọc. Muốn ngồi nhập định bảy tám ngày hoặc một tháng, hai, ba tháng đều như ý muốn, không có khó khăn, không có mệt nhọc, ngồi bất động như gốc cây, cục đá, nhưng rất tỉnh táo không ai bằng, trời sét không nghe.



Thế mà, Thiên Đông Độ chê pháp như lý tác ý là vọng tưởng, không ngờ pháp môn như lý tác ý là một pháp môn tuyệt vời, giải quyết được bốn sự đau khổ của con người và còn giúp cho chúng ta thực hiện ba loại thần thông mà không có một loại thần thông nào của ngoại đạo hơn được.

Toàn bộ giáo trình về pháp môn tu tập thực hành của Đạo Phật thì pháp như lý tác ý là một pháp môn độc đáo tuyệt vời nhất, cũng là một pháp môn nòng cốt nhất của Đạo Phật, bắt đầu từ tu tập giới luật xả tâm đến tu tập Thiền Định và Tam Minh đều dùng nó. Do đó, duy nhất tu tập chúng ta phải nhiệt tâm với pháp môn này, nhờ đó mới có đủ đạo lực, mới có thể làm chủ sanh, lão, bệnh, chết.

Chỉ có pháp môn này tu tập mới trở thành một đạo lực siêu việt không thể nghĩ lường được.

Muốn xa lìa và đoạn dứt tâm tham sân, si, mạn, nghi, thì chỉ duy nhất có pháp môn này mới ly và đoạn dứt các dục và ác pháp, ngoài ra không còn có pháp môn nào khác nữa.

Muốn nhập các Định Như Ý Túc thì pháp môn này đủ lực để giúp cho hành giả muốn nhập loại định nào thì tùy ý nhập được liền.

Muốn thực hiện được Tam Minh và Thần Túc Thông thì ngoài pháp môn này ra không có pháp môn nào thực hiện được.

Bởi vậy, pháp như lý tác ý là pháp môn độc nhất của Đạo Phật để đưa con người thoát ra cảnh khổ của kiếp người và biến hành giả trở thành một siêu nhân, một Thánh nhân.

Thiền tông và Đại Thừa không hiểu chê nó là vọng tưởng thật là một việc sai lầm rất lớn.

---><❖<>---

## NHƯ LÝ TÁC Ý

*Hỏi: Kính bạch Thầy, tại sao Thầy dạy chúng con phải tự kỷ ám thị, mà trong kinh Phật không có dạy, cuối mong thầy chỉ dạy cho chúng con được rõ?*

Đáp: Như lý tác ý là pháp môn tự kỷ ám thị, đó là một danh từ ngày xưa Đức

Phật dùng ám thị để thực hiện xa lìa tâm ham muốn và các ác pháp. Ngày nay các nhà học giả không có kinh nghiệm tu hành, nên không hiểu pháp như lý tác ý là tự kỷ ám thị.

Hầu hết các nhà học giả thuyết kinh điển Phật đều không hiểu pháp này, nên đã biến pháp môn của Phật thành một lý thuyết suông. Vì thế hơn 25 thế kỷ không có người nào tu chứng và làm chủ sanh, già, bệnh, chết một cách cụ thể, chỉ huyền thuyết một vài mẩu chuyện thần thông cho vui mà thôi.

Nếu không có pháp **“*như lý tác ý*”** thì tu hành không có đạo lực, không có đạo lực thì không làm chủ sự sống, chết của con người được.

Nếu một người tu thiên định mà không biết sử dụng pháp như lý tác ý thì không thể nào nhập được các định được.

Ở đây chúng ta hãy nghe Đức Phật dạy một người muốn tu thiên định phải dùng pháp như lý tác ý như thế nào để nhập được định, không giống như Thiên Đông Độ và Đại Thừa dạy.

***“Chư Tỳ Kheo, Tỳ Kheo muốn thực hiện tu tăng thượng tâm thiên định thì cần phải thường tác ý năm tướng”***

***“Thế nào là năm tướng?”***

***Năm tướng là:***

***1-Tham.***

***2- Sân.***

***3- Si.***

***4- Mạn.***

***5- Nghi.***

***“Ở đây Tỳ Kheo y cứ tướng nào, tác ý tướng nấy. Các ác bất thiện pháp liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si, liên hệ đến mạn, và liên hệ đến nghi sanh khởi, thời này các Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ấy cần phải tác ý một tướng khác liên hệ đến thiện không phải tướng kia (ác bất thiện pháp liên hệ đến dục) thì các ác bất thiện tâm liên hệ đến dục (tham) liên hệ đến sân, liên hệ đến si, liên hệ đến mạn, liên hệ đến nghi được diệt trừ đi đến diệt vong. Chính nhờ diệt trừ chúng, nội tâm được an trú, an***

***tịnh, nhất tâm định tĩnh”.***

Đoạn kinh trên đây Đức Phật dạy tu thiền, không phải chỗ nhiếp tâm hết vọng tưởng để nhập định và nhất tâm, định tĩnh. Ngược lại Phật dạy dùng pháp như lý tác ý để trừ diệt, đi đến diệt vọng tâm tham, sân, si, mạn, nghi. Chính nhờ diệt trừ chúng mới đạt được nhất tâm, nhập được Tứ Thánh Định.

Bài kinh này chỉ dạy rất rõ ràng, thế mà thời nay người tu thiền cứ mãi mê nhiếp tâm cho hết vọng tưởng. Tu như vậy gọi là thiền của Phật thật là oan cho Phật Giáo biết chừng nào! Phật dạy như vậy mà bây giờ tu sĩ lại tu khác. Chỉ có Phật Giáo Đại thừa và Phật Giáo Tối Thượng Thừa mới chấp nhận pháp ức chế tâm đó là chân chánh, vì thế tu sĩ ngày nay là tu theo pháp môn ngoại đạo mà cứ tưởng mình tu theo Phật Giáo. Cho nên tu từ đời ông đến đời cha mà chẳng có ai giải thoát cả.

Nếu khi gặp một hoàn cảnh, một đối tượng, một sự việc xảy đến khiến tâm đau khổ và phiền não, khi ấy hành giả dùng pháp như lý tác ý với một tướng khác với tướng kia, tức là tướng không phiền não, đau khổ,

tướng này liên hệ đến thiện, không tham, sân, si, mạn, nghi. Các ác pháp, bất thiện pháp có tầm liên hệ đến dục tham, sân, si, mạn, nghi kia không lìa ra được, hoặc đoạn diệt được, thì phải mau quán xét các niệm ác và bất thiện pháp kia là nguy hiểm, là khổ đau cho mình cho người. Những niệm như vậy là ác độc, là có tội lỗi và sẽ tạo ra khổ báo hiện giờ và mai sau.

Do quán xét và tác ý như vậy thì tâm ta sẽ xả được các ác pháp và trở về trạng thái thanh thân, an lạc và vô sự.

Khi quán xét và tác ý như vậy, các ác bất thiện pháp tham, sân, si, mạn, nghi sẽ được diệt trừ và xả ly. Nhờ có quán xét và tùy ý như vậy tâm chúng ta mới xả ly được, nội tâm mới được an trú, an tịnh, nhất tâm, định tĩnh và an lạc.

Nếu khi quán xét và tác ý các pháp ác đó là nguy hiểm, là tội khổ, là khổ báo mà tâm vẫn còn hậm hực, hờn giận, phiền não, sợ hãi, lo toan v.v... Lại khởi lên các ác niệm nữa, thì ta không tác ý tâm như đất nữa và không quán xét nữa, ta để tâm tự nhiên rồi như lý tác ý: ***“Thân tâm thư giãn xuống, các cơ buông xuống, tâm buông xuống,***

***thân tâm phải thoải mái, nhẹ nhàng, an lạc***". Hướng tâm xong, ta đi kinh hành hoặc ngồi hít thở, thỉnh thoảng ta lại hướng tâm như vậy thì các ác pháp kia sẽ tan biến và diệt trừ đoạn dứt tâm bất động, đau khổ và phiền não sẽ dứt sạch, nội tâm ta được an trú, an tịnh, nhất tâm, định tĩnh.

Nếu dùng pháp hướng tâm như lý tác ý và thư giãn thân tâm mà ***"ác niệm còn khởi tâm ta chưa an tịnh"*** thì lại dùng pháp hướng tâm đến các hành của các ác pháp thì các ác pháp bất thiện sẽ được diệt trừ, xa lìa đoạn dứt. Nhờ có đoạn trừ, diệt chúng được, nội tâm mới được thanh thản, an lạc, định tĩnh, nhất tâm.

Dùng pháp hướng tâm đến các hành như thế nào?

Ví dụ: ***"một người đang đi nhanh, họ suy nghĩ và hướng tâm như lý tác ý tại sao ta lại đi nhanh? Ta hãy đi chậm lại. Trong khi hướng tâm như vậy, người ấy đi chậm lại, người ấy suy nghĩ. Như lý tác ý: Tại sao ta lại đi chậm? Ta hãy dừng lại. Trong khi dừng lại, người ấy suy nghĩ và tác ý. Tại sao ta lại dừng lại? Ta hãy ngồi xuống: Trong khi ngồi***

*người ấy suy nghĩ và hướng tâm như lý. Tại sao ta lại ngồi? Ta hãy nằm xuống.*

*Dùng pháp hướng tâm như lý tác ý bỏ dần các hành động thô của ác pháp đi đến những hành động tế nhị và cuối cùng xa lìa đoạn diệt các ác pháp liên hệ đến tâm tham, sân, si, mạn, nghi sẽ được diệt trừ đi đến đoạn diệt nên nội tâm được thanh thản, an lạc, nhất tâm, định tĩnh”.*

Nếu dùng pháp hướng như lý tác ý đến các hành của ác pháp liên hệ đến niệm dục mà không diệt được và xa lìa được thì phải nghiền răng dán chặt lưỡi lên nóc họng lấy tâm và các cơ chế ngự tâm, nhiếp phục tâm, đánh bại tâm bằng pháp hướng như lý tác ý: *“Tâm tham dục phải đoạn dứt liền, phải lìa xa nơi niệm tham muốn, sân hận, phải đi đi, đi cho khỏi nơi đây”.*

Dùng pháp hướng mạnh bạo để diệt trừ tâm tham dục, ngã chấp tạo nên đau khổ, phiền lụy cho mình cho người, phải đoạn dứt một cách nhanh chóng để phục hồi tâm lại bình thường, an lạc, thanh thản. *“Dùng pháp hướng mạnh bạo ấy, ví như người lực sĩ nắm lấy đầu một người ốm yếu*



***xách bóng họ và muốn ném đầu tự ý”.***

Tóm lại, muốn ly dục, ly ác pháp, diệt ngã, xả tâm thì phải dùng pháp như lý tác ý bằng năm cách như trên đã dạy mà trong Kinh Song Tâm và Kinh An Trú Tâm đức Phật đã dạy rất rõ ràng, để làm chủ được cuộc sống không còn khổ đau, và bất toại nguyện, luôn luôn lúc nào tâm hồn cũng thanh thản, an lạc, định tĩnh và vô sự.

Nên Đức Phật dạy: ***“Chư Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ấy được gọi là đã an trú trong “đoạn tâm pháp môn”. Vị ấy có thể tác ý đến tâm nào vị ấy muốn, có thể không tác ý đến tâm nào vị ấy không muốn, vị ấy đã đoạn trừ khả ái, đã giải thoát các kiết sử, khéo chinh phục kiêu mạn và đã chấm dứt khổ đau”.***

Pháp thế gian mà kinh sách Đại Thừa và Thiền Đông Độ gọi là ***“vọng tưởng”***, còn niệm thiện niệm ác và như lý tác ý thì kinh sách Nguyên Thủy Phật dạy đó là tâm ác, tâm thiện và pháp như lý tác ý, biết tâm thiện, tâm ác và pháp như lý tác ý là biết pháp tu hành theo Phật Giáo, ngược lại Đại Thừa và Thiền Đông Độ dạy người tu tập:

- 1- Biết vọng không theo.
- 2- Đối cảnh không tâm.
- 3- Không kẹt hai bên.
- 4- Hằng sống với cái chân thật, không theo cái giả.

Bốn cách tu tập này cũng nhắm vào diệt vọng tưởng mà thôi.

***“Muốn thấy nó bạn đừng theo vọng tưởng,***

***Niệm lăng xăng chìm đắm biển thanh bình***

***Đến đây rồi hạnh phúc khó thừa trình,***

***Chỉ xem thấy nụ cười luôn hé nở“.***

Trên đây là một bài thơ của một thiền sư đã chứng đạo, để chứng minh pháp diệt vọng tưởng của họ.

Kinh sách Đại Thừa và Thiên Đông Độ nhắm vào chỗ ***“vọng tưởng”***, vọng tưởng hết rồi thì viên mãn ***“niệm lăng xăng chìm đắm biển thanh bình”*** Nhưng đối với Đạo Phật thì khác xa. Tâm ác tức là

vọng tưởng ác thì ngăn chặn và diệt sạch còn tâm thiện thì sanh khởi và tăng trưởng không diệt mà còn nuôi dưỡng, để không làm khổ mình, khổ người. Nhờ tâm thiện đó mà mỗi con người xây dựng cho mình một nền đạo đức nhân bản không làm khổ mình khổ người.

Muốn diệt tâm ác (vọng tưởng ác, niệm ác) thì dùng pháp hướng tâm tác ý (như lý tác ý, sẽ ngăn chặn và diệt trừ) tăng trưởng tâm thiện (vọng tưởng thiện, niệm thiện) để giúp tâm không làm khổ mình khổ người, để trở về trạng thái bình thường, thanh thản, an lạc, vô sự và định tĩnh.

Xét qua hai cách tu tập thì Đại Thừa và Thiên Đông Độ do ức chế tâm diệt vọng tưởng để đạt trạng thái yên lặng đến tĩnh lặng mà họ gọi là thiên định, còn Phật dạy dùng pháp hướng tâm như lý tác ý để ly dục, ly ác pháp, diệt ngã, xả tâm quét sạch ngũ triền cái, đoạn dứt thất kiết sử, tâm vô lậu thanh tịnh không còn đăm nhiễm sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp của thế gian, tâm được thanh tịnh đó gọi là định.

Vì thế thiên định của Đại Thừa, Thiên Tông và thiên định của Phật không giống

nhau; một bên thì tìm cái tĩnh lặng với trạng thái thường, lạc, ngã, tịnh (bốn tánh niết bàn). Lấy cái biết không niệm thiện niệm ác làm **“Phật Tánh”** để hằng sống với cái chân thật đó của mình.

Một bên thì tìm về cuộc sống, có một trạng thái an lạc, thanh thản, làm chủ bốn cái khổ của kiếp người sanh, già, bệnh, chết; còn một bên tu tập để tìm về thế giới vĩnh hằng của **“Phật Tánh”**, không có đạo lực, không có làm chủ sự sống chết, chỉ có đạo thông tướng pháp, nói thiên nói đạo như gió thổi mưa sa; một bên tu tập vừa có đạo thông vừa có đạo lực điều khiển sự sống chết luân hồi theo ý muốn. Như vậy rõ ràng hai bên có hai lối tu và hai kết quả khác nhau.

Qua sự kinh nghiệm tu tập của chúng tôi và kinh sách Nguyên Thủy dạy rất rõ ràng và cụ thể, bằng ý thức chủ động điều khiển sự sống chết của con người, không mơ hồ, trừu tượng như thế giới tướng của Đại Thừa và Thiên Đông Độ. Cho nên, sự tu hành như vậy, cuộc sống của các thiền sư còn chìm đắm trong danh, lợi, tham, sân, si của thế gian.

Vọng tưởng là một đề tài của Đại Thừa và Thiên Đông Độ dùng làm đối tượng để tu tập thiền định, còn Phật Giáo Nguyên Thủy “**vọng tưởng**” không thành vấn đề tu tập mà đối tượng tu tập là tâm tham, sân, si, mạn, nghi và thất kiết sử.

Muốn diệt trừ tâm tham, sân, si, mạn, nghi và thất kiết sử thì Phật Giáo Nguyên Thủy lại dùng pháp môn như lý tác ý, (Thiền tông cho là vọng tưởng) để tu tập, để rèn luyện ngũ lực. Đại Thừa và Thiên Đông Độ lại chê là vọng, dẹp bỏ, Nguyên Thủy biến nó trở thành pháp môn hướng tâm như lý tác ý để diệt trừ tam độc và thất kiết sử, khiến cho tâm được giải thoát hoàn toàn, không còn khổ đau của kiếp người và biến pháp như lý tác ý trở thành một đạo lực siêu việt làm chủ điều khiển sự sống chết của kiếp con người và thực hiện Tứ Như Ý Túc, Tam Minh một cách dễ dàng, không mấy khó khăn.



## Chương II

# MINH TÔNG HỎI ĐẠO

(Ngày 1-12-1998)

--->❖<---

### ỨC CHẾ TÂM CÓ HẠI GÌ?

*Hỏi: Kính thưa Thầy, người tu thiền định ức chế tâm dưng và diệt vọng tưởng có hại gì? Có lợi gì? Xin Thầy chỉ dạy cho chúng con được rõ.*

Đáp: Đạo Phật tu hành không có thiền định ức chế tâm, thiền định ức chế tâm là những pháp môn thiền định của ngoại đạo, của Đại Thừa và Thiên Đông Độ.

Xưa Đức Phật đi tu, Đạo Phật chưa có. Ngài tu theo giáo pháp của ngoại đạo, toàn bộ giáo pháp đều dạy ức chế thân tâm. Đó là những pháp môn khổ hạnh, do những pháp môn khổ hạnh ức chế thân tâm này mà cơ thể Ngài hoàn toàn suy yếu đến nỗi phải nằm liệt không thể đứng dậy nổi, nhờ

người chăn dê đổ sữa, lần lần Ngài mới tỉnh lại, quán xét tất cả các pháp môn ức chế thân tâm không thể giải thoát sự khổ đau của kiếp người.

Đầu tiên, Ngài tu với một vị đạo sư tên là Alara Kalama dạy Ngài ức chế tâm nhập Vô Sở Hữu Xứ Định. Sau khi nhập xong định Vô Sở Hữu Xứ Ngài tự suy nghĩ. Pháp này không hướng đến yếm ly, không hướng đến ly tham, không hướng đến đoạn diệt, không hướng đến an tịnh, không hướng đến thượng trí, không hướng đến giác ngộ, không hướng đến niết bàn, mà chỉ đưa đến sự chứng đạt Vô Sở Hữu Xứ, chứng đạt Vô Sở Hữu Xứ để làm gì? Không có ích lợi gì cả cho cuộc sống con người. Do đó Ngài không tôn trọng pháp này và từ bỏ, Ngài đi tìm pháp môn khác.

Đọc bài Kinh Thánh Cầu trong Trung Bộ kinh tập 1 trang 370 Đức Phật tìm đến vị đạo sư đầu tiên của mình là Ngài Alara - Kalama dạy Ngài tu chứng đạt nhập Vô Sở Hữu Xứ Định như trên chúng tôi đã nói, kinh dạy: ***“Như vậy, này các tỷ kheo, Alara Kalama là đạo sư của Ta, lại đặt Ta, là đệ tử của người ngang hàng với***

*minh và tôn sùng Ta tối thượng. Nay các Tỳ Kheo, rồi Ta tự suy nghĩ “pháp này không hướng đến yếm ly, không hướng đến ly tham, không hướng đến đoạn diệt, không hướng đến an tịnh, không hướng đến thượng trí, không hướng đến giác ngộ, không hướng đến Niết bàn mà chỉ đưa đến chứng đạt Vô Sở Hữu Xứ. Như vậy này các Tỳ Kheo. Ta không tôn kính pháp này và từ bỏ pháp ấy, Ta bỏ đi”.*

Đoạn kinh này ta thấy Alara Kalama không có dạy Đức Phật nhập Sơ Thiền, Nhị Thiền, Tam Thiền, Tứ Thiền, Không Vô Biên Xứ đến Thúc Vô Biên Xứ mà chỉ dạy nhập định Vô Sở Hữu Xứ. Như vậy chúng ta đã biết có bốn thiền hữu sắc và bốn thiền vô sắc. Đỉnh cao nhất của thiền hữu sắc là Tứ Thiền, và đỉnh cao nhất của thiền vô sắc là Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Định. Thế mà, có nhà học giả bảo rằng Đức Phật đã được Alara Kalama dạy nhập Bốn Thiền mà không thấy giải thoát nên Ngài bỏ tìm pháp khác. Đây là một sự bịa đặt của nhà học giả, để làm sai lệch ý kinh sách của Đạo Phật, sai lệch lời dạy của Đức Phật để làm gì?



Các nhà Đại Thừa muốn xiển dương giáo pháp Đại Thừa nên cố tình đim mất chánh pháp của Phật, khiến cho người sau không hiểu thiên định của Phật là gì?

Hoặc nhà học giả không phải là hành giả nên hiểu qua kiến giải của mình trong kinh sách Đại Thừa, nghĩ tưởng rằng phải nhập định hữu sắc trước rồi sau mới nhập định vô sắc. Hiểu như vậy là cái hiểu của người chưa biết thiên định.

Nếu không có bài kinh Đại Kinh Saccaka thì làm sao chứng minh điều lầm lạc này mà nhà học giả cố tình thuyết giảng sai lệch Phật pháp để người sau không còn biết thiên định của Phật và mất lối tu hành giải thoát.

Phúc duyên của con người trên hành tinh này còn duyên với Phật Pháp, nên Kinh Trung Bộ tập 1 bài kinh Saccaka còn giữ lại nguyên văn cho đến ngày nay. Bài kinh này cả quyết và đã xác định Đức Phật thành tựu viên mãn đạo giải thoát không phải ở chỗ ***“kiến tánh thành Phật, không phải ở chỗ đại ngộ, triệt ngộ”***, mà ở chỗ tu tập đúng pháp, tức là phải nhập Sơ Thiên, Nhị Thiên, Tam Thiên, Tứ Thiên, nhờ đó

tâm Phật định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến dễ sử dụng, vững chắc, bình tĩnh dẫn tâm đến Tam Minh.

Con đường tu theo Đạo Phật chỉ có tu như vậy mới đạt được kết quả làm chủ đời sống con người, thế mà các nhà Đại Thừa xây dựng nhiều pháp môn (84 ngàn Pháp môn) mà chẳng có pháp môn nào đưa dắt con người đến chỗ giải thoát kiếp lầm than, đau khổ của loài người.

Đạo Phật chỉ có một pháp môn duy nhất, nếu ai đọc suốt tạng kinh Nguyên Thủy sẽ không thấy có pháp môn nào khác hơn là pháp môn **“Giới, Định, Tuệ”**. Cả tạng kinh chúng ta thấy Đức Phật cố ý lập đi lập lại nhiều lần trong các bài kinh mà không rời khỏi ba pháp môn vô lậu **“Giới định tuệ”**.

Đây, ta hãy nghe Đức Phật thuật lại quá trình tu tập với pháp môn nào? Để đi đến cứu kính giải thoát. Thế mà các nhà học giả Đại Thừa dám cả gan bác bỏ pháp môn **“Tứ Thánh Định”** của Phật là thiền định phàm phu, Nhị Thừa, Thanh Văn, ngoại đạo, cấm không cho người sau học và

tu tập.

*“-Này Aggivessana, rồi Ta suy nghĩ như sau: Ta biết trong khi Phụ thân Ta, thuộc giống Sakka (Thích ca) đang cày và Ta đang ngồi dưới bóng mát cây diêm phù đề (gambu) Ta ly dục ly pháp bất thiện chứng và trú Thiền Thứ Nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tâm có tứ. Khi an trú như vậy, Ta nghĩ “Đạo lộ này có thể đưa đến giác ngộ chăng?” Và này Aggivessana, tiếp theo ý niệm ấy, ý thức này khởi lên nơi Ta: “Đây là đạo lộ đưa đến giác ngộ” Này Aggivessana, rồi Ta suy nghĩ: Ta không sợ chẳng lạc thọ này, một lạc thọ ly dục ly bất thiện pháp?” Này Aggivessana rồi Ta suy nghĩ: Ta không sợ lạc thọ này, một lạc thọ ly dục ly bất thiện pháp” Rồi này Aggivessana, Ta suy nghĩ: Nay thật không dễ gì chứng đạt lạc thọ ấy, với thân thể ốm yếu kinh khủng như thế này. Ta hãy ăn thô thực, ăn cơm chua (tức là ăn lại bình thường ngày một bữa có thực phẩm). Này Aggivessana, Ta ăn thô thực cơm chua, lúc bây giờ năm Tỳ Kheo đang theo hầu hạ Ta, suy nghĩ và chờ đợi Ta*

*khổ hạnh chứng đạo, nhưng thấy Ta ăn thô thực, các vị ấy chán ghét Ta bỏ đi và nói: “Sa môn Gotama nay sống đầy đủ vật chất từ bỏ tinh tấn khổ hạnh, trở lui đời sống sung túc”.*

*Và Aggivessana, sau khi ăn thô thực và được sức lực trở lại, Ta ly dục ly bất thiện pháp chứng và trú Thiền Thứ Nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tâm có tứ. Ngày Aggivessana, như vậy lạc thọ khởi lên nơi Ta được tồn tại nhưng không chi phối tâm Ta. Diệt tâm và tứ, Ta chứng và trú Thiền Thứ Hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tâm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Ngày Aggivessana, như vậy lạc thọ khởi lên nơi Ta được tồn tại nhưng không chi phối tâm Ta. Ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền Thứ Ba. Ngày Aggivessana, như vậy lạc thọ khởi lên nơi Ta, được tồn tại nhưng không chi phối tâm Ta. Xả lạc, xả khổ diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền Thứ Tư không khổ không lạc xả niệm thanh tịnh, Ngày Aggivessana,*

***như vậy lạc thọ khởi lên nơi Ta, được tồn tại nhưng không chi phối tâm Ta”.***

Sau khi chứng được bốn thiên xong, tâm Đức Phật thuần tịnh, trong sáng, nhu nhuyễn dễ sử dụng. Nên Ngài dẫn tâm đến Tam Minh.

***“Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn dễ sử dụng, vững chắc, bình tĩnh như vậy. Ta dẫn tâm hướng đến Túc Mạng Minh. Ta nhớ đến các đời quá khứ như một đời hai đời, ba đời, bốn đời năm đời mười đời, ba mươi, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp. Nay Aggivessana, đó là Minh Thứ Nhất, Ta đã chứng trong đêm canh một vô minh diệt, minh sanh ám diệt, ánh sáng sanh do Ta sống không phóng dật nhiệt tâm tinh cần. Như vậy Nay Aggivessana, lạc thọ sanh nơi Ta được tồn tại nhưng không chi phối tâm Ta”.***

Đó là canh một lúc bấy giờ Đức Phật chứng Túc Mạng Minh. Sau khi chứng xong Túc Mạng Minh Ngài tiếp tục hướng dẫn

tâm đến trí tuệ về sanh tử của chúng sanh. Ngài chứng Thiên Nhân Minh.

*“Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn dễ sử dụng, vững chắc, bình tĩnh như vậy. Ta dẫn tâm hướng đến trí tuệ về sanh tử của chúng sanh. Ta với thiên nhân thuần tịnh siêu nhân thấy sự sống và chết của chúng sanh. Ta biết rõ rằng chúng sanh người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ... Ngày Aggivessana đó là Minh Thứ Hai Ta đã chứng được, trong đêm canh giữa, vô minh diệt, minh sanh, ám diệt, ánh sáng sanh, “do Ta sống không phóng dật nhiệt tâm, tinh cần”. Như vậy, Ngày Aggivessana, lạc thọ sanh nơi Ta, được tồn tại nhưng không chi phối tâm Ta”.*

Đó là canh giữa Đức Phật đã chứng được Thiên Nhân Minh. Với tâm nhu nhuyễn dễ sử dụng Đức Phật tiếp tục dẫn tâm hướng tâm đến Lưu Tận Minh.

*“Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không*

*phiên não, nhu nhuyễn dễ sử dụng, vững chắc, bình tĩnh như vậy. Ta dẫn tâm hướng tâm đến Lộ Tận Trí. Ta biết như thật “Đây là khổ” biết như thật “đây là nguyên nhân khổ” biết như thật đây là sự diệt khổ, biết như thật”. Đây là con đường đưa đến diệt khổ! biết như thật đây là những lậu hoặc, biết như thật đây là nguyên nhân của lậu hoặc, biết như thật đây là sự diệt trừ các lậu hoặc, biết như thật đây là con đường đưa đến sự diệt trừ các lậu hoặc, nhờ hiểu biết như vậy, nhận thức như vậy, tâm của Ta thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy. Ta khởi lên sự hiểu biết “Ta đã giải thoát” Ta đã biết. “Sanh đã diệt phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, sau đời hiện tại không còn đời sống nào khác nữa” Đây Aggivessana, đó là Minh Thứ Ba mà ta đã chứng được trong canh cuối, vô minh diệt, minh sanh, ám diệt, ánh sáng sanh, do ta sống không phóng dật, nhiệt tâm tinh cần. Như vậy đây Aggivessana, lạc thọ sanh nơi Ta, được tồn tại nhưng*

***không chi phối tâm Ta”.***

Trên đây là bài kinh Đại Kinh Saccaka, trong bài kinh này Đức Phật đã thuật lại quá trình tu tập của mình từ các pháp môn ức chế thân tâm của ngoại đạo để nhập các loại định tưởng và nhập được định tưởng cao nhất là Phi Tưởng Phi Tưởng Xứ Định, nhưng cuối cùng Ngài phải bỏ tất cả các pháp ức chế thân tâm này. Ngài sống trở lại đời sống bình thường của một tu sĩ ăn ngày một bữa sống không phóng dật, ***“Do Ta sống không phóng dật mà thành Chánh giác”.***

Sau khi bỏ các pháp môn ức chế thân tâm của ngoại đạo Ngài hồi ức lại nhớ lúc còn bé đi theo vua cha trong ngày lễ hạ điền. Vua cha xuống ruộng cày buổi cày đầu tiên để làm gương cho nhân dân.

Lúc bấy giờ Đức Phật còn bé ngồi dưới bóng cây diêm phù đề (Yambu) cây hồng táo nghỉ mát, Ngài ly dục ly ác pháp trong tâm chứng và trú Thiền Thứ Nhất một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh có tâm có tứ. Ngài tự nghĩ: ***“Đây là đạo lộ đưa đến giác ngộ. Đây là con đường giải thoát”.***



Sau khi ăn uống trở lại bình thường, sức khoẻ hồi phục, Ngài không còn khổ hạnh như trước. Ngài nỗ lực theo pháp môn lúc còn bé Ngài đã vô tình ngồi chơi mà thực hiện được. Theo đạo lộ này Ngài đã thuật lại cho chúng ta nghe trong 49 ngày tu tập: Tức là Ngài bắt đầu tu tập nhập Sơ Thiên, Nhị Thiên, Tam Thiên, Tứ Thiên và Tam Minh. Sau khi tu tập xong Ngài làm chủ sanh, tử và chấm dứt luân hồi với pháp môn này rất rõ ràng. Vậy mà các nhà Đại Thừa dám phỉ báng pháp môn này là Thiên Phạm phu, là Thiên Tiểu Thừa, là Thiên Ngoại Đạo v.v....

Pháp môn này do Đức Phật vô tình tìm ra trong lúc còn bé, chứ không có một đạo sư ngoại đạo nào dạy, thế mà nhà học giả Đại Thừa cho rằng Alera Kalama dạy Đức Phật tu, đó là một điều phỉ báng giáo pháp của Phật vô căn cứ, nếu không có bài kinh này chứng minh thì người sau không còn biết tin vào đâu.

Trong bài kinh Đại Kinh Saccaka Đức Phật thuật lại từ pháp ức chế thân tâm của ngoại đạo và chỉ đến pháp môn Tứ Thiên mà Ngài vô tình đã tìm ra được trong lúc

còn bé mới có giải thoát. Nhờ Bốn Thánh Định này Ngài nhập xong, hướng tâm đến Tam Minh. Ngài phát giác ra lý Tứ Đế: **“Đây là khổ”**. **“Đây là nguyên nhân khổ”**. **“Đây là sự diệt khổ”** **“Đây là con đường đưa đến diệt khổ”**.

Ngoài Đức Phật ra, không còn có một tôn giáo nào trên thế gian này thấy được bốn chân lý này. Thấy được bốn chân lý này, Đức Phật bắt đầu khởi xướng Đạo Phật ra đời.

Dựa vào bài kinh **“Đại Kinh Saccaka”** ta thấy đường lối tu tập của Đạo Phật rất rõ ràng, cụ thể. Phân biệt đâu là pháp ức chế thân tâm, đâu là pháp xả tâm, thư giãn, diệt ngã, ly dục, ly bất thiện pháp, và còn cho ta thấy được đường lối tu tập của Đạo Phật do một nhân duyên của chúng sanh kỳ lạ, một đứa bé (lúc Đức Phật còn bé) đã ngồi dưới cây yambu (diêm phù đề) nhập Sơ Thiên, một pháp môn xả tâm, diệt ngã, ly dục, ly ác pháp tuyệt vời. **“Ta ly dục, ly bất thiện pháp chứng và trú Thiên Thứ Nhất”**.

Vậy thiên xả tâm như thế nào mà một đứa bé 9, 10 tuổi đã nhập được. Như chúng

ta đã biết, muốn nhập được thiền xả tâm (Sơ Thiền) thì chỉ cần nương vào hơi thở khéo tác ý: ***“Quán ly tham tôi biết tôi hít vô, quán ly tham tôi biết tôi thở ra”*** rồi lại hít vô thở ra khoảng 5, 10 hơi thở rồi lại khéo tác ý nhắc tâm ***“Quán ly sân tôi biết tôi hít vô, quán ly sân tôi biết tôi thở ra”***. Đó là mấu chốt tu tập thiền định của Đạo Phật dùng Định Niệm Hơi thở khéo tác ý xả tâm ly dục ly ác pháp, để thành tựu tâm thanh tịnh, tức là tâm bất động định.

Khi tu tập các pháp môn của ngoại đạo, Đức Phật dốc hết toàn lực tu tập nghĩa là ức chế thân tâm tới đa để mong đạt được cứu cánh giải thoát, nào ngờ toàn bộ công trình tu tập đến giờ phút cuối cùng chỉ còn là số ***“không”***. Cũng giống như chúng ta hiện giờ, từ pháp môn Tịnh Độ, Mật Tông đến Thiền Tông, chúng ta cũng đem hết sức lực ra tu tập gần như suốt cả cuộc đời, nhưng nhìn lại cũng chỉ là số ***“không”***.

Qua kinh nghiệm bản thân của chúng tôi tu tập các pháp môn của Đại Thừa và Thiền Đông Độ cũng vậy, chúng tôi mất tất cả hy vọng đối với Phật Giáo. Chúng tôi cho rằng: các Tôn giáo nói được, chứ chẳng

làm được, nhưng đã lỡ theo Phật Giáo hơn nửa đời người, bây giờ trở về đời sống thế tục thì đã muộn màng còn tu tập chẳng ra gì “Đời chẳng ra đời, đạo chẳng ra đạo”, tiến thối lưỡng nan. Trong lúc lòng chúng tôi đang buồn bã, ưu sầu vì đường tu tập chẳng đến đâu. Nhớ đến lời Hòa Thượng Minh Châu và đảo mắt nhìn tử kinh sách: Nào là Hé Mở Cửa Giải Thoát, Nghiệp Dẫn Đi Trong Luân Hồi, Đường Vào Hiện Sinh, Phật Học Phổ Thông, Trái Tim Thiền Định, Đường Xưa Mây Trắng, Trường Bộ Kinh, Trung Bộ Kinh. v.v.. Nào nê chúng tôi lấy tập 1 Trung Bộ Kinh, lật vài trang ra đọc cho khuây khoả.

Nhưng may mắn thay, gặp ngay bài kinh “**Đại Kinh Saccaka**”. Ngồi suy ngẫm, một đứa bé chín mười tuổi làm sao ly dục ly ác pháp nhập Sơ Thiên dễ dàng?

Tự đặt câu hỏi chúng tôi lần lượt phanh dân và đọc lại các bài kinh khác như: Tứ Niệm Xứ, Xuất Tức, Nhập Tức, Tứ Chánh Cần v.v.. thì ra là phương pháp của Phật tu như vậy, chứ không như các pháp môn tu tập của Đại Thừa và Thiền Đông Độ. Nên cuối cùng chúng tôi tập thử thấy có kết quả

xả tâm có tâm tứ, có hỷ lạc và nhất tâm, một cách cụ thể, rõ ràng.

Do đó chúng tôi quay sang 180 độ, bỏ sạch các pháp môn Thiên Tông và Đại Thừa. Chuyên rông tu tập **“Tam Vô Lậu Học”**.

Bây giờ chúng ta trở lại vấn đề tu tập ức chế tâm, dùng vọng tưởng có hại gì mà thiên sinh Minh Tông đã hỏi?

Tu ức chế tâm, dùng vọng tưởng có nhiều pháp:

1- Tịnh Độ Tông niệm Phật nhất tâm (Ức chế bằng câu niệm Phật, lục tự Di Đà).

2- Mật Tông ức chế tâm để có thần thông tưởng (niệm chú ức chế vọng tưởng).

3- Thiên Tông ức chế tâm dùng vọng tưởng bằng những pháp: **“Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm, chẳng niệm thiện niệm ác, chẵn trâu, biết vọng liền buông, tham thoại đầu, tham công án, sở tức quan, tùy tức, chỉ tức v.v..”** đều là những pháp ức chế tâm dùng vọng tưởng để đạt được trạng thái khinh an xúc tưởng hỷ lạc v.v.. và các pháp tưởng mà Thiên Tông

gọi là đốn ngộ, đại ngộ, triệt ngộ.

Tu những pháp này không có làm chủ sanh, già, bệnh, chết và chấm dứt luân hồi, nên không ích lợi thiết thực cho đời người, chỉ được cách thuyết giảng lừa đảo người khác dễ dàng nhờ có dục tướng (khinh an) nhờ có pháp tướng (triệt ngộ) nhờ có thần thông tướng (linh ứng) và nhờ sắc tướng (ánh sáng hào quang, thấy Phật, Tổ và cõi Cực Lạc Tây phương).

Thời Đức Phật tu hành, ngoại đạo hướng dẫn ức chế tâm tối đa: ***“Này Aggivessana rồi ta suy nghĩ! “Ta hãy nghiên rằng dán chặt lưới lên óc họng, lấy tâm chế ngự tâm, nhiếp tâm đánh bại tâm! thì mồ hôi thoát ra từ nơi nách của Ta. Này Aggivessana như một người lực sĩ nắm lấy đầu một người ốm yếu hay nắm lấy vai có thể chế ngự, nhiếp Phục và đánh bại người ấy. Này Aggivessana, dầu cho Ta có chí tâm tinh cần, tinh tấn tận lực, dù cho niệm được an trú không dao động, nhưng thân Ta vẫn bị kích động, không được khinh an, vì Ta bị chi phối bởi sự tinh tấn do tinh tấn chống lại khổ thọ ấy. Tuy vậy, này Aggivessana,***

***khổ thọ ấy khởi lên nơi Ta, được tồn tại nhưng không chi phối tâm Ta”.***

Đây là cách ức chế tâm rất mạnh của Đức Phật ngày xưa tu tập. Ngồi lâu thân sanh mỗi mọt và đau nhức, Đức Phật vẫn tinh tấn chống lại khổ thọ để tu tập kéo dài thời gian. Tuy đau nhức, tâm Đức Phật không bị chi phối, nhưng chẳng có giải thoát gì được cả. Đức Phật lại tu tiếp pháp hơi thở ức chế tâm tối đa: ***“Này Aggivessana, rồi Ta suy nghĩ như sau: “Ta hãy tu thiền nín thở và này Aggivessana, rồi Ta nín thở vô, thở ra ngang qua miệng và ngang qua mũi thì một tiếng gió động kinh khủng thổi lên, ngang qua lỗ tai, ví như tiếng kinh khủng phát ra từ ống thổi bễ đang thổi của người thợ rèn. Này Aggivessana, dầu Ta có chí tâm, tinh cần, tinh tấn, tận lực dầu cho niệm được an trú, không dao động, nhưng thân Ta vẫn bị kích động, không được khinh an, vì Ta bị chi phối bởi sự tinh tấn do tinh tấn chống lại khổ thọ ấy khởi lên nơi Ta, được tồn tại nhưng không chi phối tâm Ta”.***

Đức Phật tu thiền nín thở đầu tiên phát

ra âm thanh tiếng gió thổi ngang qua lỗ tai rất là kinh khủng (phong tướng thanh) khiến cho thân bị kích động không được khinh an, khổ thọ khởi lên nhưng không chi phối được tâm của Đức Phật.

Lần thứ hai Đức Phật tiếp tục tu tập thiền nín thở: ***“Này Aggivessana, rồi Ta suy nghĩ như sau: Ta hãy tu thiền nín thở. Và này Aggivessana rồi Ta nín thở vô, thở ra ngang qua miệng ngang qua mũi và ngang qua tai thì có ngọn gió kinh khủng thổi lên đầu nhói trong đầu Ta, ví như một người lực sĩ chém đầu một người khác với một thanh kiếm sắc, dầu cho Ta có chí tâm tinh cần, tinh tấn, tận lực, dù cho niệm được an trú không dao động nhưng thân của Ta vẫn bị kích động, không được khinh an, vì Ta bị chi phối bởi sự tinh tấn, do tinh tấn chống lại khổ thọ ấy tuy vậy khổ thọ ấy vẫn khởi lên nơi Ta được tồn tại, nhưng không chi phối tâm Ta”***.

Lần thứ hai Đức Phật tu thiền nín thở một ngọn gió kinh khủng thổi lên đầu nhói trong đầu, đối với khổ thọ đó không chi phối được tâm của Đức Phật.



Lần thứ ba, Đức Phật tu thiền nín thở thì một cảm giác đau đầu kinh khủng như ai lấy sợi dây cột quanh đầu xiết mạnh, cảm thọ đó khởi lên, nhưng không chi phối tâm Đức Phật: ***“Này Aggivessana, rồi Ta suy nghĩ như sau: “Ta hãy tu thiền nín thở”. Và Này Aggivessana, Ta nín thở vô thở ra, ngang qua miệng ngang qua mũi và ngang qua tai. Ta cảm giác đau đầu kinh khủng, ví như một người lực sĩ lấy một sợi dây nịt bằng da cứng quấn tròn quanh đầu và xiết mạnh. Này Aggivessana, dù Ta có chí tâm tinh cần tinh tấn tận lực, dù cho niệm được an trú không dao động nhưng thân Ta vẫn bị kích động, không được khinh an, vì Ta bị chi phối bởi sự tinh tấn do tinh cần chống lại khổ thọ ấy. Tuy vậy này Aggivessana, khổ thọ ấy khởi lên nơi Ta, được tồn tại nhưng không chi phối tâm Ta”***.

Lần thứ tư Đức Phật tu thiền nín hơi thở một cảm giác đau đớn như ai cầm dao sắc bén cắt ngang qua bụng.

Lần thứ năm Đức Phật cũng tu thiền nín hơi thở một sức nóng kinh khủng khởi

lên như đốt người trên hố than đỏ, trong trường hợp đó một số chư thiên tức là những người hiền đức bảo Đức Phật đã chết, chưa chết, sắp chết v.v...

Đó là những pháp môn thiên hơi thở ức chế tâm, Đức Phật nín thở tối đa để mong tìm được sự giải thoát, nhưng do tu pháp ức chế hơi thở sai, Đức Phật sắp gần chết. Ngài bỏ các pháp ức chế tâm, chuyển qua pháp ức chế thân. Ngài dự định tuyệt thực hoàn toàn, nhưng có một số người hiền biết chuyện khuyên Ngài không nên tuyệt thực nếu Ngài tuyệt thực chúng tôi sẽ đem đồ ăn đồ cho Ngài.

***“Này Aggivessana, rồi Ta suy nghĩ như sau: “Ta hãy hoàn toàn tuyệt thực”. Rồi chư Thiên (tức là những người lành) đến với Ta và nói như sau: Này hiền hữu, hiền giả chớ có hoàn toàn tuyệt thực, này hiền giả, nếu hiền giả hoàn toàn tuyệt thực, chúng tôi sẽ đem thực phẩm đồ cho hiền giả và nhờ vậy hiền giả vẫn phải sống”.***

Đó là sự suy tư ức chế thân tối đa để tìm sự giải thoát khi thân bị ức chế sẽ không còn tham, sân, si nữa. Đức Phật đã suy tư

như vậy và cố thực hành cho bằng được. Nhưng nghe điều này một số thiện hữu đến ngăn cản. Vì tuyệt thực hoàn toàn sẽ mang đến cái chết, nếu chết là giải thoát thì bao nhiêu người đã chết nằm lơ nhô ngoài nghĩa địa là giải thoát hết sao?

Nghe lời khuyên có lý này, do đó Đức Phật không tuyệt thực mà tiết thực để ức chế thân khiến cho thân thoát ra khổ dục và khổ ác pháp. Lần đầu tiên Ngài giảm thiểu sự ăn uống chỉ ăn ít từng giọt một, như cháo đậu xanh, cháo đậu đen, cháo đậu đỏ, vì ăn uống quá ít thân Đức Phật hết sức gầy yếu giống như cọng cỏ, những đốt cây leo khô héo, bàn chân Phật giống như móng chân con lạc đà, xương sống phò bày giống như một chuỗi banh, xương sườn gầy mòn giống như rui cột một sàn nhà hư nát, hai con mắt long lanh nằm sâu thẳm trong hai lỗ con mắt giống như ánh nước long lanh nằm sâu thẳm trong một giếng nước thâm sâu. Da đầu Phật đã trở thành nhăn nheo khô cằn như trái bí trắng và đấng cất trước khi chín, bị cơn gió nóng làm cho nhăn nhúm khô cằn, Đức Phật sờ da bụng, đụng xương sống, sờ xương sống đụng da bụng. Đi đại tiểu tiện thì ngã quy úp mặt xuống đất. Lấy

tay xoa bóp chân tay, các lông tóc hư mục rụng cả nắm. Có người thấy vậy nói, da Đức Phật đen thui, xám xịt, vàng sẫm.

Đức Phật đã từng sống khổ hạnh khốc liệt như thế mà vẫn không chứng được pháp thượng nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng là bậc Thánh, không có hay còn có một đạo lộ nào đưa đến giác ngộ chẳng?

Ức chế tâm và ức chế thân tối đa như Đức Phật từng sống và tu tập như vậy, nó không mang lại một sự giải thoát mà chỉ mang đến cho một sự khốc hại, như chúng tôi đã tu cách đây mười mấy năm. Nếu chúng sanh không có đủ duyên phước thì Đức Phật không thể sống nổi qua những trận tu khổ hạnh, thì ngày nay đâu có Phật Giáo truyền thừa trên thế gian này.

Tự ức chế tâm bằng pháp thiên ninh thổ thì tất cả pháp ức chế tâm của ngoại đạo, không có pháp nào ức chế bằng pháp này hơn được.

Tự ức chế thân bằng pháp môn tiết thực tối đa như Đức Phật, thì cũng không có pháp môn tiết thực nào hơn được. Bởi vậy, bài kinh Tiếng Hống Sư Tử đã nói lên

các pháp môn ức chế thân tâm rất rõ ràng và cụ thể. Xét cho cùng pháp ức chế thân tâm dù ít dù nhiều thì cũng không bao giờ tìm được giải thoát. Muốn hiểu rõ sự tu tập ức chế thân tâm của Đức Phật thì nên đọc lại bài kinh Đại Kinh Saccaka thì quý vị sẽ rõ pháp ức chế không đi đến giải thoát sanh tử, luân hồi mà đi đến sự khổ đau tồi tệ hơn nữa.

Các pháp môn của ngoại đạo phần nhiều cầu tha lực còn một số các pháp môn khác như: Thiền đông độ, Thiền Đại thừa, Thiền Yoga, Thiền xuất hồn, Khí công, Nội công v.v... đều là pháp dùng tưởng ức chế tâm cho nên chẳng có sự làm chủ khổ đau của kiếp người chỉ có một vài pháp thuật thần thông để lừa đảo người khác mưu cầu danh, lợi.

Minh Tông đã hỏi thầy: ***“Ức chế vọng tưởng tức là ức chế tâm có hại và có lợi gì?”***.

Thầy sợ các con không đủ niềm tin, nên đã dẫn chứng một số bài kinh Phật để chứng minh cho các con thấy pháp môn ức chế tâm là những pháp môn đem đến tai hại rất lớn cho những người tu hành mà

hầu hết các pháp môn Thiên Đông Độ và các pháp môn Đại Thừa đều dạy người tu tập ức chế tâm, nên từ xưa đến giờ nó đã giết chết ông cha và Thầy Tổ của chúng ta nhiều đời nhiều kiếp cho đến ngay bây giờ chúng ta cũng chết dần mòn với những pháp môn này, và ngày mai với những pháp môn này nó sẽ giết con cháu của chúng ta cũng sẽ chết dần mòn trong sự tu tập.

Bằng chứng qua sự kinh nghiệm tu hành của con (Minh Tông), con đã ức chế thân, ngồi trên vết thương rướm máu suốt sáu tháng trường mà đạt được những gì?

Cô Diệu Quang đã chỉ trích cách tu của các con như: Minh Tông, Diệu Hồng, Diệu Thiện v.v.. ***“Ngồi như cóc, tu như vậy rất uổng công chẳng ích lợi gì”***.

Trong lúc các con tu hành, kẻ ngồi sáu tiếng đồng hồ, người ngồi tám tiếng, ba tiếng, hai tiếng v.v.. Không có ai ngồi dưới một tiếng, đua nhau ngồi cho nhiều, nhưng kết quả chẳng ra gì, kẻ thì thuyết giảng lung tung như Diệu Thiện, thuyết ra toàn là pháp tướng, tướng giải, bị ma tướng ám ảnh; kẻ thì thở ra không thở vô suốt cả tám tiếng đồng hồ; người thì tuyên bố nhập Sơ

Thiền, Nhị Thiền, Tam Thiền và thấy được bóng dáng Tứ Thiền, mãi cho đến hôm nay, con (Minh Tông) đã khạc ra máu ba lần. Lần thứ nhất khi khạc ra máu, thầy bảo con đừng chỉ không được gom tâm ức chế tịnh chỉ hơi thở như vậy mà phải xả tâm diệt ngã ly dục ly ác pháp thì mới tịnh chỉ hơi thở được, con không nghe lời thầy để xảy ra lần thứ hai rồi đến lần thứ ba, ra máu quá nhiều con mới sợ hãi và mới chịu bỏ gom tâm ức chế tịnh chỉ hơi thở.

Như vậy pháp môn ức chế tâm có lợi và có hại gì chắc con đã rõ thấu hơn ai hết. Vì suốt năm năm trời theo Thầy tu hành con đã dùng pháp môn ức chế thân tâm mà chẳng chịu nghe lời Thầy: ***“Sống độc cư trọn vẹn để diệt ngã xả tâm ly dục ly ác pháp thì mới đủ sức tịnh chỉ tâm tứ, hỷ tướng và hơi thở”***.

Qua bài kinh Song Tâm, bài kinh An Trú Tâm, bài kinh Xuất Tức Nhập Tức và Đại Kinh Saccaka thì con sẽ hiểu thế nào là ức chế tâm, thế nào là xả tâm.

Kẻ tu hành dùng pháp môn ức chế tâm chẳng bao giờ tịnh chỉ khẩu hành (tâm tứ), tịnh chỉ tướng hành (ly hỷ), tịnh chỉ thân

hành (hơi thở), tịnh chỉ ý hành (thọ tướng) và chẳng bao giờ thực hiện được Tứ Như Ý Túc và Tam Minh.

Cô Diệu Hồng ngồi suốt tám tiếng đồng hồ trong trạng thái an lạc, thế mà xả thiền ra bị cô Diệu Quang đập cho một đòn, tâm phiền não sân hận nổi lên bỏ về Long Hải, thì thử hỏi ngồi 7,8 tiếng đồng hồ có ích lợi gì, cho cuộc sống. Ngồi để mà ngồi, như Đức Phật nói: **“Nhập Vô Sở Hữu Xứ để mà nhập Vô Sở Hữu Xứ, chứ không có nghĩa gì”**.

Diệu Thiện ngồi thiền tịnh chỉ hơi thở từ 30 phút đến một giờ, thân bất động, tâm bất động có lợi ích gì cho bản thân, khi đọc bộ Đường Xưa Mây Trắng do Hòa Thượng Nhất Hạnh biên soạn rồi đem ra thuyết giảng lung tung, đang bị ma pháp tướng mà không biết. Kết quả tu hành chẳng ra gì.

Suốt năm năm trời theo thầy tu hành, rồi đây con cũng sẽ như các bạn con, cũng chẳng đi về đâu, chỉ vì không nghe lời thầy, sống không độc cư trọn vẹn, không chịu diệt ngã xả tâm ly dục ly ác pháp, chỉ thích ngồi thiền ức chế tâm để nhập các định, nhưng các định ấy trở thành một giấc mơ.



### Chương III

# MINH TÂM VẤN ĐẠO

(Ngày 1 - 12 - 1998)



## NHÂN QUẢ

*Hỏi: Kính thưa Thầy, bậc tu hành đã chứng đạo làm chủ sanh tử, chấm dứt luân hồi còn có bị tai nạn và bệnh tật xảy ra hay không? Xin Thầy chỉ dạy cho chúng con rõ.*

**Đáp:** Như các con đã biết con người từ nhân quả sanh ra, sống trong nhân quả, chết trở về nhân quả.

Bậc tu hành sanh ra cũng như mọi người, từ nhân quả sanh ra và cũng đang sống như mọi người, ăn, uống, ngủ, nghỉ, nói, nín, sinh hoạt, hoạt động đều đang sống trong nhân quả và chết cũng như mọi người già cả, yếu đuối, bệnh tật và tử vong, nhưng không trở về nhân quả.

Có lẽ quý vị đã hiểu rằng! một người

tu chứng, làm chủ sanh tử luân hồi không bao giờ có tai nạn, bệnh tật, già, chết đến với họ. Hiểu như vậy tức là hiểu sai, hiểu không đúng.

Bậc tu hành đắc đạo trước khi chưa tu hành, chưa đắc đạo thì các bậc ấy vẫn sanh ra như mọi người khác, vẫn mang thân nhân quả, như quý vị đã biết thân nhân quả là thân vô thường có vui, có buồn, có tai nạn, có bệnh tật, có sân hận, có si mê, có ganh tỵ, có tỵ hiềm, có nghi ngờ, có tật đố, có san tham và có già chết cũng như mọi người khác. Nhưng bậc tu hành dù đã chứng đạo, vẫn phải còn mang thân xác nhân quả đó, thì mọi sự kiện vô thường của thân nhân quả không thể tha thứ cho bất cứ một ai còn mang thân xác đó dù đó là Đức Phật vẫn bị thân nhân quả vô thường chi phối theo luật nhân quả. Vì thế mới bảo rằng luật nhân quả rất công bằng và công lý không nể mặt một ai.

Nên khi sắp sửa nhập niết bàn, Đức Phật cũng bị đau, Ngài bảo ông A Nan: ***“Ta đau lưng quá, hãy trải chỗ cho ta nằm”***.

Nói như vậy, quý vị sẽ hỏi đã nói tu hành chứng đạo, làm chủ sanh, già, bệnh,

chết, có sao lại bảo còn có phiền não, già, bệnh, chết và có tại nạn?

Thưa quý vị, ở đây chúng tôi nói bậc tu hành chứng đạo làm chủ sanh, già, bệnh, chết, nghĩa là thân nhân quả vô thường là thân sanh, già, bệnh, chết thì người tu hành chỉ làm chủ sanh, già, bệnh, chết, chứ không phải làm chủ cái thân giả tạo vô thường duyên hợp. Cái thân giả tạo vô thường duyên hợp, nó là một vật không có thật, nên sự sanh, già, bệnh, chết của nó là phải đến với nó nhưng nó không tác động vào người tu chứng được. Vì thế sanh, già, bệnh, chết không còn làm tâm họ dao động. Đó là giai đoạn làm chủ thứ nhất của người tu chứng.

Chỗ làm chủ thứ hai: nghĩa là khi có sanh, già, bệnh, chết đến thì người tu chứng sẽ làm chủ cái đó, bằng cách dùng đạo lực đẩy lui để lúc nào thân tâm cũng thanh thản và an lạc, không có khổ não.

Ví dụ: làm chủ sanh khi cuộc sống chúng ta có xảy tai nạn, tranh tụng, ham muốn, thèm khát, sợ hãi, lo toan v.v... Người tu chứng sẽ dùng trí tuệ nhân quả quán xét thì ngay đó tâm sẽ được an ổn không còn

buồn lo, sợ hãi, sân hận v.v... Còn khởi tâm ham muốn cái này, cái khác thì ta dùng trí tuệ Tứ Niệm Xứ quán xét các pháp vô thường, khổ, không, vô ngã thì tâm ham muốn (tham dục) dừng liền. Đó là cách làm chủ sanh thứ hai.

Làm chủ già, thân hành, khẩu hành, ý hành, tịnh chỉ, tức là tịnh chỉ tầm tứ.

Làm chủ bệnh khi thân có bệnh đau nhức khổ sở chúng ta muốn làm chủ bệnh thọ này thì phải ly hỷ trú xả nhập Tam Thiên, từ nơi trạng thái Tam Thiên theo pháp như lý tác ý xả thọ khổ. Kinh dạy ly hỷ trú xả tức là sau khi trú được xả, trú được xả tức là nhập Tam Thiên. Khi đã nhập Tam Thiên xong liền xả lạc, xả khổ, xả lạc xả khổ tức là xả thọ, xả thọ tức là xả sự đau khổ của thân. Ở đây quý vị nên nhớ, phần nhiều bệnh đau của con người đều do tưởng sanh ra bệnh, vì thế khi nhập Tam Thiên đã ly tưởng, do ly tưởng mà tâm không dao động trước các cảm thọ, nên xả cảm thọ rất dễ.

Làm chủ chết khi thân suy yếu sắp chết ta tịnh chỉ hơi thở nhập Tứ Thiên hướng tâm xả bỏ thân tứ đại nhân quả một cách dễ dàng.

Làm chủ sanh, già, bệnh, chết có hai phần:

1/ Phần thứ nhất: Làm chủ tâm bất động trước cảnh sanh, già, bệnh, chết.

2/ Phần thứ hai: Làm chủ những trạng thái sanh, già, bệnh, chết của thân xảy đến, tức là trực tiếp tịnh chỉ các trạng thái đau khổ của sanh, già, bệnh, chết, chứ không phải ngăn chặn không cho sanh, già, bệnh, chết hoặc ngăn chặn tai nạn đến với thân này. Vì thân này là thân nhân quả nên phải vay trả những điều thiện ác trước kia mà ta đã tạo ra, thì không thể ngăn chặn được.

Ngăn chặn tức là dừng nhân quả, Đạo Phật dạy làm chủ nhân quả, vượt qua nhân quả, chứ không dạy ngăn chặn và dừng nhân quả. Vì từ nhân quả con người sanh ra thì chỉ có làm chủ tâm không tạo nhân quả ác nữa, thì nhân quả sẽ chấm dứt, như Phật đã dạy trong pháp Tứ Chánh Cần: “ngăn ác diệt ác, sanh khởi thiện, tăng trưởng thiện”. Đó là pháp tu tập làm chủ nhân quả hay là pháp môn tu tập nhập định để làm chủ sanh tử, luân hồi.

Tóm lại, muốn làm chủ nhân quả, chấm

dứt luân hồi là phải tu tập điều khiển khẩu hành, thân hành và ý hành luôn luôn thực hiện nhân thiện để tạo quả lành, hoàn toàn phải ngăn và diệt trừ nhân ác. Đó là giai đoạn tu tập thứ nhất mà người đệ tử của Phật cần phải tinh cần siêng năng tu tập, không được biếng trễ (Sơ Thiên).

Muốn làm chủ điều khiển nghiệp quả của thân (lão, bệnh, tử) thì phải tu tập nhập Nhị Thiên, Tam Thiên, Tứ Thiên. Đó là giai đoạn thứ hai mà người đệ tử của Phật cần phải tinh cần tinh tấn siêng năng tu tập không được biếng trễ.

Muốn điều khiển làm chủ sự tái sinh luân hồi thì phải tu tập Tam Minh. Đó là giai đoạn thứ ba, người đệ tử của Phật cần phải tinh cần tinh tấn, siêng năng tu tập không được biếng trễ.

Quý Phật tử đừng hiểu lầm, làm chủ nhân quả là đừng nhân quả. Hay nói cách khác, làm chủ nhân quả có nghĩa là làm cho thân tâm thanh thản an lạc trước thọ lạc, thọ khổ, thọ bất lạc bất khổ chứ không như **“Bất muội nhân quả”** của các nhà Đại Thừa và Thiên Đông Độ.

Tóm lại làm chủ nhân quả tức là làm chủ thân tâm của mình trước các pháp ác, bất thiện pháp, khiến cho thân tâm bất động và tự tại.



## LÀM CHỦ SANH, GIÀ, BỆNH, CHẾT

*Hỏi: Kính bạch Thầy, người cư sĩ có quyết tâm tu tập đúng theo pháp của Phật đã dạy nhưng đời sống còn tại gia không xuất gia có thể làm chủ sanh, già, bệnh, chết được hay không?*

Đáp: Đạo lộ của Phật đã vạch ra rất rõ ràng, có ba giai - đoạn tu tập:

1- Giai đoạn tu tập cho người cư sĩ, thọ tam quy ngũ giới, thập thiện, sống và làm việc sống đúng đạo đức nhân quả.

2- Giai đoạn chuyển tiếp thọ bát quan trai giới, tu tập tỉnh thức trong việc làm hằng ngày dùng tuệ tri nhân quả nhấn nhục, tùy thuận, bằng lòng để xả tâm. Đó là người cư sĩ tu tập Tứ Chánh Cần, Tứ Niệm Xứ để khắc phục tâm tham ưu ở đời và giai đoạn này gọi là **“Chánh Niệm Tỉnh Thức”**. Sự tu tập này trong những ngày thọ bát quan

trai.

3- Giai đoạn tu tập của người tu sĩ, ly gia, cắt ái, cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, sống không gia đình, không nhà cửa, tu tập Tứ Thánh Định và Tam Minh. Với chiếc áo của người cư sĩ tu tập chỉ làm chủ được cuộc sống (sinh) chứ không thể làm chủ tự tại sống, chết và chấm dứt luân hồi được.

Làm chủ sanh tức là làm chủ được cuộc sống, làm chủ được cuộc sống tức là luôn luôn hành động thân, miệng, ý đều thiện không làm khổ mình, khổ người.

Người cư sĩ còn sống tại gia tu tập chỉ được tâm hồn thanh thản, an lạc mà thôi không thể đi xa hơn nữa được. Tuy đã xa lìa tham, sân, si, mạn nghi nhưng chưa đoạn dứt và thất kiết sử còn trói buộc (7 sợi dây đang trói chặt và sai sử) chưa bứt ra được, nên khó mà tiến tới giải thoát hoàn toàn, tức là khó tiến vào thiền định sâu mầu.

Tuy mang hình thức người cư sĩ mà đời sống và tình cảm của người này phải sống y như người tu sĩ xuất gia, tức là sống đúng giới hạnh và giới đức của người ly gia cắt ái.

Xa lìa các nghề nghiệp thế gian, không



làm việc gì cả nhờ người thân giúp đỡ ngày một bữa cơm, hằng ngày tinh tấn chuyên cần tu tập ba giai đoạn rốt ráo của đạo lộ mà Đức Phật đã vạch ra (Bát Chánh Đạo) thì người cư sĩ này sẽ làm chủ sanh, già, bệnh, chết và chấm dứt luân hồi như người tu sĩ xuất gia chân chánh.

Ngược lại người tu sĩ vị tỳ kheo mang hình thức tu sĩ sống phạm giới, phá giới, bẻ vụn giới tu tập theo pháp môn của ngoại đạo như Đại Thừa và Thiên Đông Độ thì chẳng bao giờ làm chủ sanh, già, bệnh, chết. Tâm hồn của họ không được giải thoát, tính tình họ còn mang đầy tạp khí tham, sân, si, mạn, nghi chưa sạch. Người tu sĩ này không bằng người cư sĩ tại gia mà biết sống với trí tuệ nhân quả, biết ngăn ác diệt ác như trong kinh Tứ Chánh Cần đã dạy thì tâm hồn họ thanh thản, an lạc, vô sự hơn nhiều.

Người tu sĩ tu hành không đúng giáo pháp và giới luật của Phật, đã không được giải thoát mà còn mang nợ của đàn na thí chủ, ngàn kiếp muôn kiếp phải trả nợ áo cơm nhân quả mà chẳng biết chừng nào xong.

Quý vị hãy nhìn các ngôi chùa đồ sộ vĩ

đại kia, mồ hôi nước mắt của bao nhiêu tín đồ đóng góp, chùng nào các ngôi chùa kiên cố tàn rụi như đồng tro tàn thì nợ đàn na thí chủ mới trả xong, nếu nó còn mãi với không gian và thời gian thì nợ kia cũng còn mãi với muôn đời muôn kiếp. Đừng hãnh diện rằng ngôi chùa kiên cố đồ sộ kia là công lao rất lớn của quý thầy, mà là khối nợ vĩ đại của quý thầy đấy, nó còn là nợ quý thầy còn mãi, nó mất thì nợ quý thầy mới mất. Bởi vậy người tu sĩ biết tu, biết xả theo đúng đạo lộ của Đạo Phật thì rất sợ của đàn na thí chủ.

Nói như vậy Đạo Phật sẽ không còn có những gì trên thế gian này sao? Đối với Đạo Phật nhìn các pháp trong thế gian này là vô thường nên không lưu lại những hình ảnh vật chất vô thường ấy, nó làm hao tổn tiền của, mồ hôi nước mắt của loài người, Đạo Phật chỉ lưu lại cho loài người một tâm hồn cao đẹp, một ***“đạo đức không làm khổ mình, khổ người, khổ tất cả chúng sanh”***.

Trên hành tinh này, nếu người có trí, có mắt, thì sẽ nhận xét thấy những gì còn lưu lại gọi là Phật Giáo, thì không chính

đó là của Phật Giáo mà là của Bà La Môn Giáo.

Chính các tu sĩ Phật Giáo hiện giờ, họ cũng đang lầm chính họ, họ tưởng họ là tu sĩ Phật Giáo, nhưng sự thật họ là những tu sĩ Bà La Môn.

Người cư sĩ đệ tử của Đức Phật luôn luôn phải sống và làm việc với tinh thần đạo đức nhân quả giải thoát không làm khổ mình khổ người thì không cần gì phải có chùa to tháp lớn, phải cảnh quang đẹp đẽ, u nhàn v.v... Chỉ cần có một nền đạo đức nhân bản chân thật của Đạo Phật, thì Đạo Phật vẫn sáng tỏ như ánh hào quang trên thế gian này mãi mãi muôn đời.



## Chương IV

# TÙ TUỆ HỎI ĐẠO

(Ngày 3 - 1 - 1999)

--->❖<---

## SÁU NẸO LUÂN HỒI

*Hỏi: Kính bạch Thầy, xin Thầy giảng cho con hiểu đúng nghĩa “Sáu nẻo luân hồi: Trời, Người, Atula, Ngạ quỷ, Địa ngục và Súc sanh”*

Đáp: Sáu nẻo luân hồi, theo kiến giải của các nhà học giả Đại Thừa thì có sáu cõi từ hữu hình đến siêu hình, hữu hình là thế giới của loài người và vạn vật, còn thế giới siêu hình là để cho linh hồn người chết về đó, Tùy theo việc làm thiện hay ác mà tiếp tục tái sinh tại các cảnh giới đó.

Ví dụ: như cõi Trời, ở đó chư Thiên hưởng phước báo, nhưng lại sanh lòng dục, do sanh lòng dục mà tạo ác pháp, chờ hưởng hết phước báo cõi Trời thì các vị Trời ấy

sẽ chết, chết vì lòng dục và ác pháp nên phải đọa làm thân Người, nói cách khác là chư Thiên chết sanh làm người do dục và ác pháp. Còn ngược lại ở cõi thế gian, con người làm thiện, ít ham muốn thì lại được sanh lên cõi Trời. Đó là sự hiểu biết của Đại Thừa, từ thế giới hữu hình sang thế giới siêu hình.

Nếu ở cõi làm Người sanh tâm làm ác, thường giận dữ, thích đánh đá, đến khi lia bỏ thân người linh hồn tiếp tục (nghiệp lực ác) đi tái sanh vào cõi Atula. Đây là cõi Atula siêu hình mà các nhà Đại Thừa hiểu lầm dựng lên.

Nếu sanh vào cõi Atula mà biết làm thiện ít giận hờn, không đánh đá ai hết đến khi chết sẽ được sanh làm Người trở lại. Hoặc những Atula này làm thiện, ít dục, không giận dữ, không đánh đập, không làm khổ mình khổ người thì đến khi chết sẽ được sanh vào cõi Trời. Đó là sự lý luận của Đại Thừa Giáo trong tưởng.

Nếu một Atula tâm thường giận dữ, ích kỷ, bòn xẻn, hà tiện không dám tiêu sài, không dám bố thí cho những người bất hạnh. Sau khi Atula này chết bỏ thân được

tái sanh làm thân Nga quý.

Đời sống thân Nga quý thường đói khổ, muốn ăn, không có mà ăn hoặc muốn ăn mà không ăn được; muốn uống không có mà uống hoặc có mà không uống được.

Nếu ngay trong cuộc sống Nga quý mà một Nga quý biết bố thí, biết san sẻ nhưng không từ bỏ những tâm sân, dữ tợn thì đến khi chết được sanh vào cảnh giới Atula.

Còn nếu ở trong cảnh giới Nga quý mà biết bố thí và biết san sẻ, không giận dữ, biết ngăn ngừa các ác pháp, biết không làm khổ mình khổ người thì từ một Nga quý chết được sanh vào cõi Người. Đó là từ một thế giới siêu hình đến thế giới hữu hình do các nhà Đại Thừa hiểu lầm dựng lên.

Nếu một Nga quý đang ở cõi Nga quý mà sống toàn thiện, không làm khổ mình khổ người và khổ tất cả chúng sanh thì đến khi chết họ được sanh vào cõi Trời.

Nếu một Nga quý đang sống trong cảnh giới Nga quý mà tính tình hung dữ, thường làm nhiều điều tội ác sát hại chúng sanh để ăn thịt, ích kỷ bỏn sẻn không từ bỏ thì Nga quý đến khi chết được sanh vào

cảnh giới Địa ngục tức là thân tâm và cuộc sống của họ thường phải chịu nhiều khổ đau cũng giống như tội nhân ở thế gian chịu mọi cực hình khổ sở như: tù tội, giam cầm, gông cùm, tra tấn, đánh đập v.v....

Cõi Địa ngục là nơi Trời, Người, Atula, Ngạ quỷ làm ác đang, sẽ và đã sanh về ở đó chịu đủ thứ mọi cực hình khổ đau, nói chung cõi Địa ngục là cõi tiếng kêu khóc không hề dứt. Đó là một thế giới vô hình mà các nhà Đại Thừa hiểu lầm dựng lên.

Sau khi sanh về ở cõi Địa ngục, ở đó con người tiếp tục thọ khổ và không từ bỏ việc làm ác. Và vì thế khi những người này chết họ được sanh làm loài vật. Như chúng ta đã thấy các loài vật đang sống quanh ta, đó là cõi Súc sanh. Cõi súc sanh là những loài động vật đang sống quanh ta trong thế giới hiện hữu này, chứ không có cõi nào khác nữa cả.

Đó là cái hiểu của các nhà học giả Đại Thừa có sáu cảnh giới rõ ràng: Trời, Người, Atula, Ngạ quỷ, Địa ngục và Súc sanh mà con người phải tiếp tục trôi lăn trong sáu nẻo ở đó.

Tóm lại theo đúng nghĩa của kinh sách Nguyên Thủy thì sáu cõi luân hồi tương này chỉ ở tại thế gian của chúng ta trên hành tinh này, không có ở nơi nào khác nữa. Tùy theo đặc tính, cách sống của mọi con người và những loài vật trên hành tinh này mà phân chia ra làm sáu nẻo luân hồi;

1/ Để chỉ cho cõi Trời, đó là những người đang sống trong cảnh tâm hồn thanh thản, an lạc và vô sự, không làm khổ mình khổ người và không làm điều ác, toàn làm điều thiện, muốn chi có vậy. Đó là những bậc Chân tu, những bậc Đại Đức đang sống trầm lặng, sống với trí tuệ nhân quả, sống với tâm hồn tha thứ và thương yêu mọi loài chúng sanh.

2/ Để chỉ cho cõi Người có thiện, có ác, có dục, có ái, có thương, có ghét v.v... đó là những con người sống một đời sống bình thường nên có vui, có buồn, có bệnh tật, tai nạn, có phiền não khổ đau, có bất toại nguyện, có rầu lo sợ hãi, nhưng lại biết buông xả nhẹ nhàng nên vẫn thấy có hạnh phúc. Tuy cơm ăn áo mặc đầy đủ không thiếu trước hụt sau, nhưng vì là đời sống con người nên không thể tránh khỏi luật



nhân quả chi phối.

3/ Để chỉ cho cõi Atula, đó là chỉ cho những người bản chất nóng nảy sân hận, giận dữ chuyên đánh đấu đá với nhau.

Kinh Nguyên Thủy thường nhắc đến vua Atula đem quân đánh Trời Đế Thích, đó là chỉ cho những hạng người chuyên môn đi đánh cướp nước người mà lịch sử của loài người đã chứng minh điều đó cụ thể. Vì thế chúng ta nên biết kẻ nào đem quân xâm chiếm nước người giết hại sanh linh là Atula.

4/ Để chỉ cho cõi Nga quý, đó là chỉ cho những người sống trong cảnh đói khổ thiếu trước hụt sau mọi mặt, muốn ăn không có mà ăn, muốn ăn mà ăn không được. Cho nên kinh thường diễn tả một Nga quý bụng to như trống chầu mà cổ nhỏ như cây kim vì thế đói khát mà ăn uống chẳng được nên gọi là Nga quý.

5/ Để chỉ cho cảnh Địa ngục, đó là những người bệnh tật trầm kha kinh niên. Quanh năm suốt tháng đau nhức chỗ này chỗ kia khổ sở vô cùng hoặc nằm trên giường bệnh suốt nhiều năm tháng, chết

không chết, sống không sống,, đại tiểu tiện một chỗ, chịu hôi chịu thối của chính bản thân mình v.v....Thật là đầu đội chậu máu dít ngòi bàn công.

6/ Để chỉ cho cõi súc sanh có hai phần:

a- Phần thứ nhất: là chỉ cho những con người mang hình dáng con người mà tâm địa súc sanh.

b- Phần thứ hai: là chỉ cho các loài vật hiện có mặt trên hành tinh này.



## **ĐẠO PHẬT CHỈ CÓ MỘT ĐẢNG GIÁO CHỦ**

*Hỏi: Kính thưa Thầy, con có nghe nhiều, thấy nhiều kinh sách nói về Phật A Di Đà, Phật Di Lặc, Hội Long Hoa, v.v.... con không hiểu kinh xin Thầy giảng để chúng con hiểu.*

**Đáp:** Phật A Di Đà là do các nhà Đại Thừa dựng lên để xây dựng thế giới siêu hình Cực Lạc Tây Phương tương, nhất là tưởng tượng và hy vọng “**Cực Lạc**” có nghĩa là rất vui, là nơi lý tưởng của các nhà Đại Thừa để sau khi chết họ sẽ về đó để hưởng

hạnh phúc an lạc đời đời, kiếp kiếp.

Đức Phật Di Lặc cũng là một vị Thần trong kinh Vệ Đà mà các Tổ đã biến thành Giáo Chủ của Phật Giáo trong thời vị lai.

Đức Phật Di Lặc là một Đức Phật tưởng do các nhà Đại Thừa dựng lên, hy vọng ngày mai xây dựng một Phật Giáo mới. Nói đúng hơn là lấy Đức Phật Di Lặc đem lại niềm tin kinh điển Đại Thừa cho mỗi con người hơn.

Đức Phật Di Lặc đã được kinh sách Đại Thừa nói rất nhiều và kinh A hàm thuộc Hán tạng cũng có nói đến, đó là những bài kinh gạch nối của các Tổ sau này soạn viết đưa vào, đó là một thâm ý nham hiểm của các nhà Đại Thừa, đưa Đức Phật Di Lặc ra để làm một cuộc cách mạng Phật Giáo lật đổ Đức Phật Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni thay thế Đức Phật Di Lặc làm Giáo Chủ Đạo Phật.

Hội Long Hoa tức là cuộc cách mạng Phật Giáo do các nhà Đại Thừa lãnh đạo, để mở màn cho Đức Phật Di Lặc lên nắm quyền Giáo Chủ Phật Giáo toàn bộ thì lúc bấy giờ kinh sách Nguyên Thủy sẽ bị triệt

tiêu (tức là đường lối giáo lý của Phật Thích Ca sẽ bị quét sạch).

Trong kinh sách Nguyên Thủy không bao giờ có nói đến Đức Phật Di Lặc và trong hàng Thánh Tăng đệ tử của Đức Phật trong thời điểm đó cũng không có ai tên là Di Lặc. Cho nên đối với kinh sách Nguyên Thủy tên Di Lặc là một tên xa lạ. Vậy mà sắp sửa lên nắm quyền giáo chủ Phật Giáo, Xin quý vị Phật tử suy ngẫm.

Hội Long Hoa được xem như một cuộc trưng cầu dân ý bầu cử Đức Giáo Chủ mới cho Phật Giáo. Các tôn giáo khác không hiểu dựa vào và bị ảnh hưởng kinh sách Đại Thừa, do đó tưởng ám của con người này thể hiện qua **“cơ bút”** bằng cách lập lại cho biết ngày tận thế và hội Long Hoa sắp mở bày.

Riêng Phật Giáo Nguyên Thủy không chấp nhận điều này:

***“Quá khứ không truy tìm***

***Vị lai không ước vọng***

***Chỉ có hiện tại thôi”***

Ba câu kệ trên đây xác chứng Phật

Giáo Nguyên Thủy không chấp nhận những chuyện quá khứ và vị lai, chỉ biết sống trong hiện tại, vì thế quá khứ vị lai không cần biết đến, chỉ sống và làm mọi việc lành ngay trong hiện tại thì quá khứ và tương lai là hạnh phúc.

Biết Hội Long Hoa là một sự bịa đặt của các nhà Đại Thừa, chờ cơ hội thuận tiện nhất để mở một cuộc họp Phật Giáo toàn thế giới, nếu tất cả tu sĩ Phật Giáo Nam Tông đều rơi vào các pháp thiền tưởng và chịu ảnh hưởng kinh sách Đại Thừa thì cuộc lật đổ Phật Giáo Nguyên Thủy đã bắt đầu, nhưng vì Phật Giáo Nguyên Thủy còn có những người giữ gìn lời dạy của Đức Phật nên Hội Long Hoa chưa triển khai được, vì thế các tổ chức Phật Giáo kêu gọi sự hòa hợp bằng cách thống nhất các hệ phái Phật Giáo.

Hiện nay các tổ chức Phật Giáo thế giới đều công nhận Đại Thừa Phật Giáo là một hệ phái Của Phật Giáo, đó là một bước thắng lợi thứ nhất của Phật Giáo Đại Thừa. Chờ đến khi các sư Phật Giáo Nguyên Thủy Nam Tông chịu ảnh hưởng sâu đậm của giáo pháp Đại Thừa, và các

sư Nam Tông Nguyên Thủy lẫn lượt tu tập sai pháp của Phật, do tưởng giải các Ngài rơi vào Giáo pháp Đại Thừa mà không hay biết như thiền sư: Mahashi và A Chancha. Từ đó Phật Giáo Nam Tông chỉ còn danh từ Nguyên Thủy còn pháp môn tu tập là của Đại Thừa. Do đó suy ra hiện giờ Phật Giáo Nguyên Thủy gần như bị mất gốc, chỉ còn chờ một thời gian nữa cho chín mùi thì Hội Long Hoa ra đời thành lập một Phật Giáo mới, Đức Giáo Chủ là Đức Phật Di Lặc.

Đó là một thâm đồ sâu sắc của Bà La Môn Giáo đã dựng lên Đức Phật Di Lặc là có ý diệt trừ Phật Giáo tận gốc., mà hầu hết các tu sĩ Phật Giáo hiện giờ: Nam Tông lẫn Bắc Tông đều vô tình không thấy ý đồ thâm độc của Bà La Môn Giáo ngày xưa.

Kinh sách nói về Phật Di Lặc và Hội Long Hoa là do các giáo sĩ Bà La Môn viết, soạn ra rồi đưa vào kinh sách Phật Giáo, mạo nhận Phật thuyết, lợi dụng Phật Giáo kết tập kinh sách chưa thành văn bản, nên lúc bây giờ ai muốn thêm bớt sao cũng được và dễ dàng.

Cho nên người nghiên cứu kinh sách Phật hiện giờ đều gặp phải khó khăn, vì

những bài kinh này mâu thuẫn với những bài kinh khác, khiến cho chẳng biết đâu là lời Phật dạy chân chánh, đâu là lời giả. Ở trường hợp này chỉ dối gạt người chưa tu chứng, không thể dối gạt người tu đã chứng.

Vì thế chúng tôi mạnh dạn lật tẩy bộ mặt thâm độc của Bà La Môn Giáo để cho Phật tử và mọi người hiểu rõ.

Nếu bảo rằng quá khứ có bảy vị Phật thì khi đức Phật Thích Ca Mâu Ni đi tu thì phải có Đạo Phật. Có sao trong thời đó lại chỉ có Lục Sư ngoại đạo mà không thấy có cái tên Phật Giáo?

Đến khi Đức Phật Thích Ca tu hành chứng quả giải thoát thành lập tôn giáo Phật Giáo, nhờ thế chúng ta hiện giờ mới có Đạo Phật, mới có bốn chân lý: khổ, tập, diệt, đạo.

Trong thời Đức Phật đi tu không nghe nói đến bốn chân lý này như vậy mà bảo rằng có Đạo Phật ở quá khứ là sai, do người sau đặt ra thêm vào để mưu đồ lật đổ Đức Phật Thích Ca mâu Ni.

Do thế mà thời tương lai có một người tên là Từ Thị hiệu là Di Lặc được suy tôn

chức Giáo Chủ thay Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Trong tôn giáo mà cũng có những sự tranh giành vị trí lãnh đạo như các nhà vua phong kiến ở thế gian thường tranh giành ngai vàng.

Theo kinh sách Đại Thừa Đạo Phật có ba vị Giáo Chủ:

I/ Bảy vị Phật Giáo Chủ ở quá khứ:

II/ Một vị Phật Giáo Chủ ở hiện tại là: Thích Ca Mâu Ni.

III/ Một vị Phật Giáo Chủ ở tương lai là: Đức Phật Di Lặc.

Sự phân chia Đạo Phật có ba thời gian Giáo Chủ như vậy chẳng khác gì như các vua quan phong kiến như chúng tôi đã nói ở trên. Ông vua này xuống đến ông vua khác lên thay. Mỗi ông vua cai trị đều có cách khác nhau. Giáo Pháp Đại Thừa cũng giống như vậy, cho nên Phật Thích Ca Mâu Ni đã trở thành Phật quá khứ và giáo pháp của Người cũng lỗi thời vì thế mới gọi nó là **“Tiểu Thừa Ngoại Đạo”**.

Chúng ta thử xét qua Thiên Đông Độ, từ Tổ này dạy như vậy đến Tổ khác dạy



khác như: “Chẳng niệm thiện niệm ác, Vô tâm còn cách một lớp rào” còn pháp thực hành tu thì có: giữ ông chủ, chặn trâu, biết vọng liền buông, tham thoại đầu, tham công án v.v...

Còn nếu bảo rằng giáo pháp cần phải phát triển cho phù hợp với mọi hoàn cảnh và sự tiến bộ của loài người thì đó là phỉ báng Đức Phật xem như Đức Phật không thông suốt thời vị lai nên đã di chúc: “lấy giới luật và giáo pháp của mình làm Thầy làm chỗ nương tựa tu hành vững chắc”. Nếu Đức Phật di chúc như vậy và bây giờ các Tổ Phát triển kinh sách như vậy thì chúng còn tin Phật nữa hay không?



## TU HÀNH NÊN TRÁNH PHÁP ỨC CHẾ

*Hỏi: Kính thưa Thầy, trong đời sống của người cư sĩ, con nhận thấy phải tập dần cho bớt ăn bớt ngủ. Về ăn con nên giảm bữa ăn sáng trước hay bữa ăn tối trước, như thế nào tốt hơn?*

*Khi đã quen hai bữa mà không yếu sức khỏe thì có thể giảm xuống một bữa ngay*

*tại đời sống cư sĩ không?*

*Con đang chuẩn bị để tăng dân “**hành trang**” thuận lợi cho giai đoạn sống ở tu viện. Kính xin Thầy chỉ dạy.*

**Đáp:** Muốn sống một đời sống phạm hạnh thì phải sống đúng lời dạy của Đức Phật, thì phải hết sức tránh sự ức chế thân tâm.

Giáo pháp của Đức Phật là giáo pháp xả tâm, nếu không khéo tu sai một chút xíu, hành lệch lạc thì sẽ bị ức chế tâm ngay liền. Hầu hết tu sĩ Phật Giáo ngày nay tu sai lệch rơi vào pháp ức chế tâm mà không biết.

Sự giảm thiểu bớt bữa ăn, bớt giờ ngủ, tức là con phải thay thế bằng những việc làm khác có mục đích ly tham đoạn ác pháp để giúp tâm thanh thản, an lạc.

Ví dụ: Hằng ngày, 9 giờ chúng ta đi ngủ lúc bấy giờ chỉ cần thức thêm 5’, 10’ hoặc 30’. Trong lúc thức thêm thì chúng ta tu tập tỉnh thức và xả tâm trong khi đi kinh hành, vừa đi vừa tác ý nhắc tâm để xả tham, sân, si: **“*Quán ly tham tôi biết tôi đi kinh hành*”**. Mới đầu tập bớt ngủ thì chỉ

cần thức thêm 5' mà thôi rồi từ từ tăng dần lên 10', tu tập cho thuần thục trong 10', rồi mới tăng lên 15' đến 30'. Đó là cách thức tập bớt ngủ, bớt ngủ tỉnh thức trong chánh niệm thì rất có lợi làm giảm bớt tâm tham, sân, si, giảm bớt tâm tham, sân, si là tâm thanh thản, an lạc, giải thoát.

Ăn cũng vậy, buổi sáng mọi người đều có ăn điểm tâm. Ta có thể bớt ăn buổi sáng, ăn trưa và chiều. Vì trưa cả gia đình đều hội họp hoặc buổi chiều.

Muốn cho gia đình đầm ấm yên vui và hạnh phúc thì bữa ăn là bữa sum họp cả gia đình, có như vậy mới tìm thấy tình thân thương trong huyết quản.

Tùy theo sự có mặt đầy đủ mọi người trong gia đình thì chúng ta không nên bỏ bữa ăn đó. Nhiều khi trưa ở sở không về được chỉ có buổi tối mới có buổi ăn sum họp.

Muốn có sự yên vui của mọi người thì bữa ăn tối hoặc trưa là buổi họp mặt đầy đủ nhất, ta không nên vì sự tu tập mà làm mất sự sum họp của gia đình.

Vậy ba bữa ăn trong ngày con nên khéo léo chọn lấy bữa ăn, tạo hoàn cảnh

sum họp gia đình yên vui và hạnh phúc. Chỉ một hành động nhỏ như vậy mà không cần nhắc kỹ lưỡng, khiến cho bữa ăn trong gia đình buồn tẻ.

Đạo Phật là đạo trí tuệ đạo đức không làm khổ mình khổ người, tạo cảnh tu tập cho mình mà luôn luôn làm cho mọi người vui mình vui, đó là tu thiền định xả tâm.

Thiền định xả tâm còn có tên gọi là **“Bất Động Tâm Định”**. Bất Động Tâm Định là đạo đức nhân bản làm người, là mục đích sống đời sống phạm hạnh, là những oai nghi tế hạnh của những bậc Thánh Tăng, là mục tiêu của Đạo Phật, cho nên người nhập Bất Động Tâm Định là người sống đầy đủ đức hạnh làm người **“Không làm khổ mình khổ người”**.

Người có bất động tâm định không có nghĩa là tâm họ trơ trơ như đá. Người có bất động tâm định là người sống biết nhẫn nhục, tùy thuận, bằng lòng với mọi người, với mọi hoàn cảnh, với mọi sự việc không làm chướng mình, chướng người.

Người có bất động tâm định là người sống trong trí tuệ nhân quả, ứng dụng nhân

quả, chủ động điều khiển nhân quả.

Tất cả những sự trau dồi thân tâm và tu tập thì phải tu tập từng bước một và phải sáng suốt trong khi tu tập, phải có nghị lực và bền chí, không nên tu tập vài ba hôm rồi nghỉ, mà phải tu tập liên tục có ý chí quyết liệt. Đừng nên lúc thích thì tu, lúc hết thích thì bỏ.

Đời người phải vạch ra một hướng đi cho rõ ràng và phải đạt được mục đích của hướng đi đó.

---->❖<----

Hết tập V

Xin quý vị đón đọc tiếp tập VI, VII, VIII  
Đường Về Xứ Phật sẽ rõ lòng dạ thâm độc  
của Bà La Môn Giáo từ xưa đến nay đã có  
thâm ý, quyết tâm diệt sạch Phật Giáo trên  
hành tinh này bằng mọi thủ đoạn kinh  
khủng, ghê gớm không ai ngờ trước được.

## MỤC LỤC

Lời Nói Đầu	5
<b>Chương I: Diệu-Quang Hối-Đạo</b>	<b>21</b>
“Bồ Tát Bịnh Vì Chúng Sanh Bịnh”	21
Thế Giới Siêu Hình	51
Giới Luật	70
Bốn Định Vô Sắc	91
Vọng-Tưởng	114
Như Lý Tác Y	130
<b>Chương II: Minh Tông Hối Đạo</b>	<b>142</b>
Ước Chế Tâm Có Hại Gì?	142
<b>Chương III: Minh Tâm Vấn Đạo</b>	<b>169</b>
Nhân Quả	169
Làm Chủ Sanh, Già, Bịnh, Chết	175
<b>Chương IV: Từ Tuệ Hối Đạo</b>	<b>180</b>
Sáu Nẻo Luân Hồi	180
Đạo Phật Chỉ Có Một Đấng Giáo Chủ	186
Tu Hành Nên Tránh Pháp Ước Chế	193

